ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ HUYỆN TÁNH LINH

HUYỆN TÁNH LINH
25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
(1975 - 2000)
TẬP II

NĂM 2007

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ HUYỆN TÁNH LINH

HUYỆN TÁNH LINH
25 NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 2000)
TẬP II

Năm 2007

HUYỆN TÁNH LINH

25 NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

(1975 - 2000)

TẬP II

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY TÁNH LINH

BÙI THẾ NHÂN - Bí thư Huyện ủy

Biên soạn:

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN LỊCH SỬ

TRUYỀN THỐNG HUYỆN

Biên tập:

TRẦN MẠNH TƯỜNG

TRẦN ĐÌNH KHÔI

PHẠM HƯƠNG

Trình bày sách, bìa và sửa bản in:

TRẦN MẠNH TƯỜNG

PHẠM HƯƠNG

TRẦN THỊ HÀ NHI

LỜI GIỚI THIỆU

Để ghi lại một chặng đường 25 năm (1975-2000), Đảng bộ và nhân dân huyện Tánh Linh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, Ban Thường vụ Huyện ủy Tánh Linh (khóa V, VI) tiến hành biên soạn tập lịch sử **Huyện Tánh Linh 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc** (1975 - 2000) phát hành đến các cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện.

25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và nhân dân huyện Tánh Linh đã đóng góp trí - lực vào khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng con người mới XHCN, đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm cho sự phát triển của quê hương. Khi Đảng đề ra đường lối đổi mới, Đảng bộ và nhân dân huyện Tánh Linh cùng nhân dân trong tỉnh và cả nước xây dựng quê hương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ an ninh chính trị địa phương ngày thêm vững chắc.

25 năm là một chặng đường mà Đảng bộ và nhân dân Tánh Linh đã trải qua. Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc có những

việc đã kết thúc, có những mặt đang triển khai và có những nhiệm vụ mới được đặt ra. Cho nên, những thành tựu và những hạn chế trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời gian này có ảnh hưởng nhất định đến việc biên soạn tập lịch sử.

Biên soạn lịch sử **Huyện Tánh Linh 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc** *(1975 - 2000), Ban Thường vụ Huyện ủy căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết, báo cáo hàng năm, các kỳ Đại hội Đảng, tổng kết các phong trào, v.v... từ năm 1975 đến năm 2000 và ý kiến đóng góp của nhiều đồng chí lãnh đạo, cán bộ.*

Ban Thường vụ Huyện ủy Tánh Linh hy vọng rằng, sau khi tập lịch sử **Huyện Tánh Linh 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc** thời kỳ 1975 - 2000 ra mắt bạn đọc, sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu, giúp cho việc tái bản tập sử lần sau hoàn chỉnh hơn.

TM. BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY TÁNH LINH
BÍ THƯ

Bùi Thế Nhân

Chương I:

HUYỆN TÁNH LINH - NHỮNG NGÀY SAU GIẢI PHÓNG (12/1974- 12/1975)

I - QUÊ HƯƠNG ĐƯỢC GIẢI PHÓNG (12/1974 - 6/1975):

Từ năm 1970, các xã La Dạ, La Ngâu, Măng Tố thuộc căn cứ Nam Sơn (Khu VI); các xã Bắc Ruộng, Nghị Đức, Huy Khiêm thuộc Ban cán sự Nam Thành; phần Tánh Linh còn lại, bao gồm các xã Lạc Tánh, Gia An, Huy Lễ, Hiếu Tín, Bà Giêng, Suối Kiết, Bà Tá, Gia Huynh thuộc Ban cán sự Nam Thắng lãnh đạo.

Thực hiện nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Quân giải phóng Miền Nam Việt Nam (gọi tắt là Bộ Tư lệnh Miền) giao, Khu ủy và Quân khu VI phối hợp cùng Đảng bộ tỉnh Bình Tuy mở chiến dịch giải phóng 2 huyện Hoài Đức, Tánh Linh. Đêm 9 rạng ngày 10/12/1974, ta nổ súng tấn công đồng loạt, mở đầu chiến dịch. Đến đêm 24 rạng ngày 25/12/1974, huyện Tánh Linh hoàn toàn giải phóng.

Sau ngày giải phóng, lực lượng của trên cùng cán bộ, chiến sĩ và nhân dân huyện Tánh Linh nhanh

chóng củng cố lại tổ chức, sẵn sàng đánh địch tái chiếm và chi viện cho chiến trường Hoài Đức đang tấn công địch.

Lúc này, do đang tiến hành cuộc kháng chiến nên giải phóng đến đâu, ta thành lập chính quyền quân quản do các đội công tác trực tiếp điều hành mọi hoạt động trong xã, dưới sự chỉ đạo của đồng chí đội trưởng, sau đó chuyển sang Ủy ban cách mạng lâm thời. Để giữ vững vùng giải phóng Tánh Linh, Khu VI và Tỉnh ủy Bình Tuy đã bổ sung cán bộ lãnh đạo. Đồng chí Ngô Thanh Bình về tiếp quản Lạc Tánh. Khi đồng chí Bình chuyển đi, đồng chí Hồ Viết Hách về thay. Khoảng tháng 4/1975, đồng chí Nguyễn Trung Hậu cán bộ tuyên huấn Khu VI được bổ sung về lãnh đạo xã Lạc Tánh - chi khu cũ của ngụy. Đồng chí Nguyễn Tuấn Dục về phụ trách xã Hiếu Tín và đồng chí Nguyễn Khải về phụ trách xã Huy Lễ.

Nhiệm vụ của lãnh đạo các xã mới giải phóng lúc này là tổ chức lại lực lượng đội công tác, xây dựng nòng cốt, vận động nhân dân đào hầm hào để tránh phi pháo, bom đạn của địch, ủng hộ bộ đội, cùng bộ đội, đội công tác trấn áp bọn tàn quân ngoan cố, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn địa phương và

Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Huyện (01/5/1983 - 01/5/2003)
và 29 năm ngày giải phóng huyện Tánh Linh
(25/12/1974 - 25/12/2003) **Ảnh: Anh Tuấn**

đẩy mạnh sản xuất. Đối với Lạc Tánh, khi ta tấn công địch, dân tản cư đi nơi khác, khi Lạc Tánh được giải phóng, nhân dân trở về lại, nên công tác ổn định nơi ăn ở và sinh hoạt được các đồng chí lãnh đạo quan tâm giải quyết.

Trong lúc nhân dân các xã mới giải phóng của huyện Tánh Linh đang khẩn trương ổn định cuộc sống và sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được, vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 9/2/1975 (ngày 29 tháng 12 âm lịch), địch dùng trực thăng bất ngờ đổ quân tấn công hòng chiếm lại Chi khu. Do tinh thần sẵn sàng chiến đấu, D15 bộ binh thuộc E812 và một bộ phận hỏa lực của D130 pháo binh Quân khu VI cùng quân dân trong huyện chặn đánh, diệt một số địch, bắn rơi 03 trực thăng, bắn bị thương 01 chiếc, đập tan mưu đồ tái chiếm Tánh Linh của địch.

Sau chiến dịch tái chiếm Tánh Linh bị thất bại, địch không đủ lực lượng đánh chiếm lại Tánh Linh. Ta mở đợt II chiến dịch Hoài Đức - Tánh Linh để giải phóng Hoài Đức, hoàn thành nhiệm vụ chiến dịch đề ra. Ngày 23/3/1975, ta giải phóng huyện Hoài Đức, địch không còn hy vọng gì về việc đánh chiếm vùng giải phóng Tánh Linh.

Ngày 19/4/1975, giải phóng Bình Thuận và ngày 23/4/1975, giải phóng tỉnh Bình Tuy. Tiếp đến, ngày 30/4/1975 Sài Gòn và cả miền Nam hoàn toàn được giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược của nhân dân ta qua 21 năm đã kết thúc thắng lợi.

Như vậy, sau ngày giải phóng, chỉ trong một thời gian ngắn, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các xã của Tánh Linh đã thực hiện được nhiệm vụ quan trọng là bảo vệ vững chắc vùng giải phóng, không cho địch tái chiếm, bước đầu thực hiện chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đồng thời, nhân dân huyện Tánh Linh cùng nhân dân trong tỉnh Bình Tuy đã cùng toàn miền Nam bước sang giai đoạn cách mạng mới - xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thống nhất.

II - CÙNG VỚI HOÀI ĐỨC, XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG GIẢI PHÓNG (tháng 6 đến tháng 12/1975):

Sau ngày giải phóng, ta củng cố lại tổ chức cho phù hợp với tình hình chung trong Khu VI và ở miền Nam. Ngày 30/6/1975, Khu VI quyết định sát nhập 3 mảng Nam Thành, Hoài Đức, Nam Thắng (Tánh

Linh) thành huyện Đức Linh [1]. Huyện Đức Linh nằm ở thung lũng sông La Ngà, có diện tích tự nhiên 1.400 km^2, với chiều dài khoảng 40km và chiều rộng khoảng 35km. Toàn huyện có 10.665 hộ dân, với 59.630 khẩu, được chia thành 15 xã [2]. Phía Đông của huyện giáp với huyện Hàm Tân và huyện Hàm Thuận của tỉnh Bình Thuận; phía Tây giáp huyện Định Quán (tỉnh Long Khánh - nay là tỉnh Đồng Nai); phía Nam giáp với quốc lộ 1 và huyện Nghĩa Lộ; phía Bắc giáp đường 20 đi Lâm Đồng.

Về giao thông, huyện Đức Linh có đường bộ 33 (nay là tỉnh lộ 713), chạy từ ngã ba Ông Đồn đến xã Võ Xu, Lạc Tánh, Suối Kiết và trở ra km 58, quốc lộ IA; một đường từ Lạc Tánh đi Tà Pao, qua Bắc sông La Ngà đến đèo Ba Xa, lên đường 20 đi Lâm Đồng và một đường từ Võ Xu qua Mê Pu đi Sùng Nhơn qua Phương Lâm lên đường quốc lộ 20 đi Lâm Đồng.

---

(1) Tháng 11/1975, sát nhập 3 huyện mảng Nam gồm Hàm Tân, Nghĩa Lộ và Lagi thành huyện Hàm Tân.

(2) Các xã thuộc huyện Đức Linh (6/1975) bao gồm: xã Đoàn Kết (Đồng Kho), Thống Nhất, Lạc Bình (xã Lạc Bình và Thống Nhất thành lập tháng 4/1975, đến tháng 11/1975 nhập vào Lạc Tánh), Võ Xu, Võ Đắc, Sùng Nhơn, Gia An, Trà Tân, Nam Chính, Nghị Đức, Mê Pu, Lạc Tánh, Bắc Ruộng, Nam Bình, Huy Khiêm.

Đường sắt từ ga Long Khánh đi qua huyện, gồm có các ga Sông Dinh, Suối Kiết, Gia Huynh, nối với ga Mương Mán. Con sông La Ngà chạy từ Đông sang Tây, chia đôi huyện thành hai vùng Nam sông và Bắc sông.

Thực hiện quyết định của trên, Hoài Đức, Tánh Linh và Nam Thành sát nhập thành huyện Đức Linh. Ủy ban nhân dân huyện do đồng chí Trần Tuấn Anh, Phó Bí thư Huyện ủy, làm Chủ tịch; đồng chí Đoàn Văn Sĩ làm Phó chủ tịch và đồng chí Hoàng Long làm thư ký. Đến cuối năm 1975, hệ thống hành chính ở cấp huyện có 16 cơ quan, cùng với khối Đảng và 3 đoàn thể hình thành bộ máy lãnh đạo hoàn chỉnh của huyện (1). Trong đó, khối đoàn thể, chính quyền, Đảng có 551 cán bộ (149 nữ; khối quân sự có 70 đồng chí (11 nữ) và giáo dục có 221 (85 nữ). Chính quyền các xã hình thành các ban ngành chuyên môn và các đoàn thể (2). Tuy nhiên, mỗi ban ngành huyện

(1) *Các cơ quan cấp huyện gồm có: cơ quan huyện ủy, văn phòng ủy ban, phòng thương nghiệp, tài chánh, lương thực, vật tư, an ninh, thông tin văn hóa, dân y, nông nghiệp, giao thông, trại cải tạo, bưu điện, giáo dục, bệnh xá Nam sông, bệnh xá Bắc sông. Khối đoàn thể có: nông hội, phụ nữ, thanh niên và khối quân sự có: cơ quan huyện đội, đơn vị 421, 422 và 420.*

(2) *Khối xã có các ngành: an ninh, xã đội, kinh tế, thông tin, nông nghiệp, giao thông- bưu điện, y tế và các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, nông hội. Mỗi thôn có ban cán sự thanh niên, phụ nữ, nông hội.*

chỉ có 1 đến 2 người và đến cuối năm 1975, toàn huyện có 13 xã thành lập được các ban ngành với tổng số 93 cán bộ (5 nữ) và 52 ban cán sự thôn với 122 cán bộ (21 nữ). Đây là hạt nhân ban đầu, tạo cơ sở cho hệ thống hành chánh trong toàn huyện đi vào hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ những ngày đầu mới giải phóng.

Về tổ chức Đảng, đến cuối năm 1975, toàn huyện có 195 đảng viên, trong đó có 22 đảng viên dự bị và 36 đảng viên là người dân tộc, sinh hoạt trong 17 chi bộ. Khối cơ quan huyện có 7 chi bộ, bao gồm 3 chi bộ lực lượng vũ trang (chi bộ huyện đội, chi bộ đơn vị 422, 421) và 4 chi bộ Dân Chính Đảng (chi bộ huyện ủy, chi bộ ủy ban và 2 chi bộ 2 bệnh xá). Trong 15 xã có 10 xã thành lập được chi bộ Đảng là Huy Khiêm, Bắc Ruộng, Nghị Đức, Đoàn Kết v.v... Riêng Xã Dú có 3 đảng viên, nhưng chưa thành lập chi bộ. Trong 10 chi bộ, có 06 chi bộ Huy Khiêm, Bắc Ruộng, Nghị Đức,... là những chi bộ hình thành ổn định từ trong kháng chiến; 04 chi bộ Đoàn Kết, Trà Tân, Võ Đất, Chính Đức và tổ Đảng Nam Bình do ít đảng viên nên Huyện ủy tăng cường đảng viên về sinh hoạt [1]. Năm 1975 phát

---

(1) Đảng viên khối Dân Đảng có 66 đồng chí; lực lượng vũ trang 39 và 90 đảng viên ở xã.

triển được 14 đảng viên mới, trong đó quý III phát triển được 8 đảng viên.

Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời huyện có 14 đồng chí và chi ủy của 17 chi bộ có 51 đồng chí. Đồng chí Ngô Thanh Bình làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Trần Tuấn Anh làm Phó Bí thư, kiêm Chủ tịch UBND huyện.

Về đoàn thể quần chúng, hình thành 3 ban chấp hành lâm thời, nông hội huyện có 9 ủy viên, phụ nữ có 9 ủy viên và thanh niên có 7 ủy viên.

Song song việc tiếp quản và xây dựng chính quyền cách mạng, Đảng bộ huyện triển khai chỉnh huấn chính trị, đào tạo cán bộ các cấp. Trong những tháng còn lại của năm 1975, việc học tập nghị quyết được triển khai kịp thời. Tháng 5/1975, huyện triển khai cho cán bộ, đảng viên học tập các nghị quyết của Trung ương Cục, nhưng do mới giải phóng đang bề bộn nhiều công việc nên kết quả triển khai chưa cao. Tháng 9/1975, Huyện ủy triển khai học tập Nghị quyết 16 và 33 của Trung ương Cục về nhiệm vụ cách mạng cho 36 cán bộ Huyện ủy, cán bộ các ngành, các giới và Bí thư các xã trong thời gian 7 ngày. Sau đó, tiếp tục triển khai Nghị quyết 16 của

Trung ương Cục cho đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và cán bộ ngoài Đảng ở các xã, thôn. Đây là đợt học tập nghị quyết sâu rộng, nhằm nâng cao nhận thức cho tất cả cán bộ, đảng viên, đoàn viên, cán bộ ngoài Đảng và nhân dân. Ngoài ra, Huyện ủy còn tổ chức 3 lớp học tập về mục đích, tính chất của Đảng, 7 nhiệm vụ đảng viên, vai trò của chi bộ và đạo đức cách mạng của người đảng viên cho 32 đảng viên bị đứt liên lạc, bị tù, hoặc nằm yên không tham gia hoạt động. Sau đợt học tập, những đảng viên dự học làm bản tự kiểm điểm, tự thuật trong thời gian đứt liên lạc với Đảng. Đồng thời, Huyện ủy cũng tổ chức một lớp học cảm tình Đảng cho 84 người là đoàn viên, quần chúng ưu tú ở các địa phương, đơn vị, làm cơ sở cho việc bổ sung lực lượng của Đảng.

Cùng với việc học tập chính trị tại địa phương, huyện cử nhiều cán bộ về tỉnh để đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn trên các lĩnh vực, như thông tin văn hóa, tài chánh, bưu điện, thống kê nông nghiệp, chính quyền, an ninh, y tế, thương nghiệp, giáo dục. Đồng thời, tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ xã, thôn và các đoàn thể về lề lối làm việc, cách thức lãnh đạo, các chính sách phát triển kinh tế - xã

hội[1] và tổ chức phát triển hội viên, đoàn viên các đoàn thể nhân dân, để cán bộ hiểu rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của mình trong việc góp phần ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương.

Bên cạnh việc xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể cách mạng, công tác ổn định tình hình chính trị, giữ gìn trị an cũng được đẩy mạnh. Ngoài việc các xã, thôn trong huyện triển khai lực lượng du kích, quần chúng cũng tích cực tham gia bảo vệ thành quả cách mạng ở thôn, xã. Toàn huyện đã thành lập 13 xã đội và ban an ninh 13 xã với 39 cán bộ. Các ban an ninh và xã đội các xã trực thuộc Ban An ninh, Huyện đội Đức Linh.

Thực hiện chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc, huyện kêu gọi binh lính, sĩ quan và công chức chế độ cũ ra trình diện chính quyền cách mạng để được hưởng chính sách khoan hồng của Mặt trận. Từ tháng 5/1975 đến cuối năm đã có 6.317 người ra trình diện, trong đó có 4.468 người là ngụy quân và 1.809 người là ngụy quyền. Tuy nhiên, còn một số ngoan cố chạy ra rừng, tìm thời cơ để chống phá cách

---

(1) Riêng cán bộ đoàn thể ở xã, thôn được bồi dưỡng chuyên môn: nông hội có 4.568, phụ nữ 3.258 người; về cán bộ chính quyền xã, thôn có 989 người.

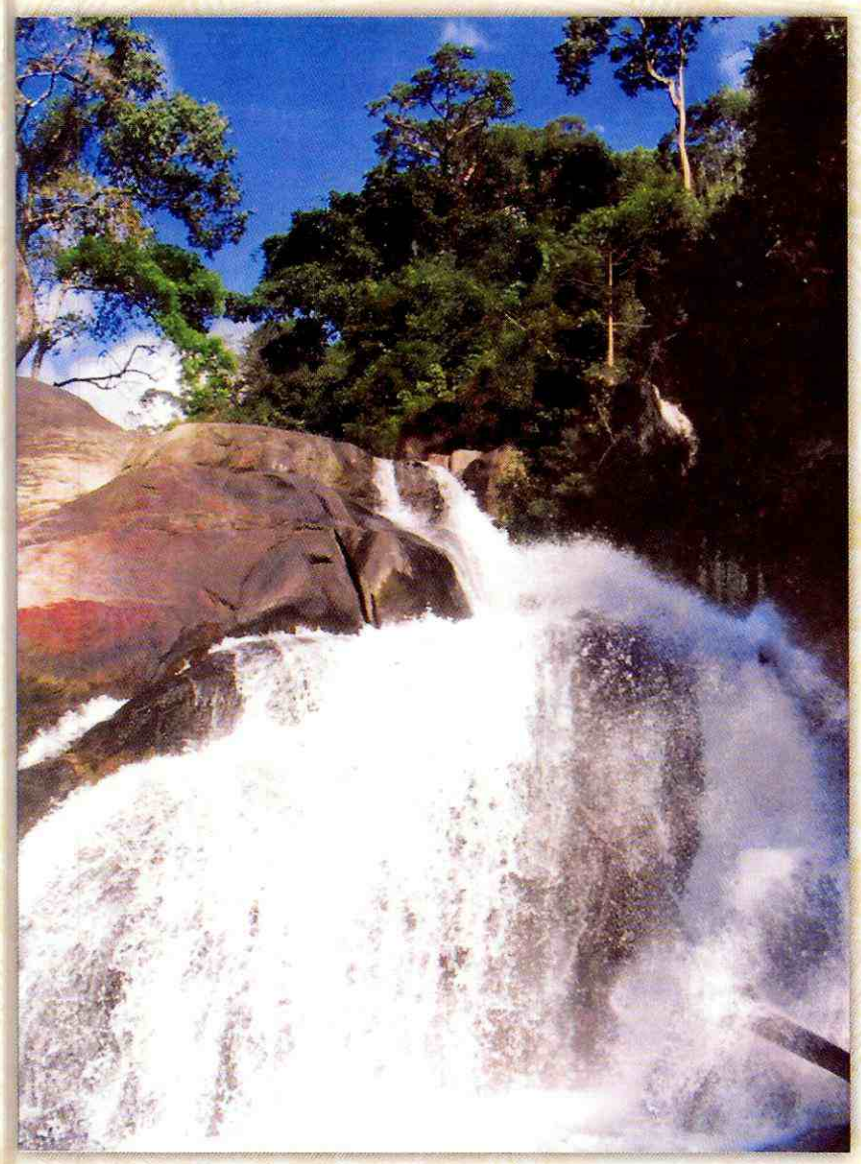

Thác Bà

mạng. Sau khi rút kinh nghiệm qua các đợt truy quét, tháng 10/1975, huyện huy động bộ đội địa phương cùng du kích các xã truy quét liên tục trong 7 ngày vào các vùng rừng nghi ngờ có bọn tàn quân lẫn trốn. Tháng 11/1975, lực lượng của huyện phối hợp với lực lượng của tỉnh Long Khánh, Lâm Đồng truy quét ở vùng giáp ranh. Tháng 12/1975, lực lượng truy quét của huyện trở về phối hợp với các xã tổ chức vận động quần chúng phát giác, kết hợp với hoạt động vũ trang trấn áp các tên còn lẫn trốn. Qua 3 tháng truy quét bọn tàn quân, quân dân Đức Linh đã đánh 4 trận, diệt 9 tên, bắt sống 14 tên, bóc gỡ 4 cơ sở của chúng và kêu gọi 11 tên ở Trà Tân ra đầu hàng. Ngoài ra, lực lượng vũ trang huyện còn bắt 37 tên ngụy từ nơi khác đến lẫn trốn ngoài rừng. Qua tố giác của quần chúng, ta bắt 33 tên còn lẫn trốn ở Lạc Tánh và Tư Tề (Võ Đất).

Vừa thực hiện chính sách binh vận, kết hợp với quần chúng tố giác và đẩy mạnh hoạt động truy quét, trong những tháng sau giải phóng, tình hình an ninh trật tự, trị an xã hội dần dần đi vào ổn định, góp phần tạo không khí phấn khởi cho quần chúng.

Để tạo cơ sở vững chắc cho chế độ mới, công tác phát động quần chúng được Huyện ủy chú ý triển

khai. Ngoài việc thực hiện chính sách "10 điều quy định đối với vùng giải phóng mới được thu hồi", "10 điều kỷ luật của cán bộ, nhân viên, chiến sĩ vùng mới giải phóng", ta còn phát động quần chúng tham gia truy quét, vận động tàn quân địch ra trình diện với cách mạng; phát động quần chúng xây dựng nếp sống mới, phát triển sản xuất, chống đói, chống bệnh dịch lây lan, vận động thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng. Để bảo đảm cho việc lãnh đạo, phát động quần chúng được tốt, huyện đã bồi dưỡng cho 2.066 cốt cán ở cơ sở thôn, xã và họ là nòng cốt cho công tác tuyên truyền, vận động quần chúng trong toàn huyện. Tính trong 6 tháng cuối năm 1975, toàn huyện đã tổ chức cho hơn 105.332 lượt người học tập đường lối, chủ trương của Đảng, Mặt trận và chính quyền. Ngoài ra, ta còn lồng ghép các nội dung phát động quần chúng trong dịp kỷ niệm các ngày lễ, như: ngày 15/5 - ngày mừng chiến thắng; ngày 2/9 - ngày Quốc khánh; ngày 20/12 - ngày thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam; ngày 22/12 - ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, v.v... Qua 6 tháng, huyện đã tổ chức 6 lần triển lãm và chiếu phim 101 đêm làm cho quần chúng hiểu thêm về chính quyền cách mạng và chính sách, đường lối của Đảng ta.

Công tác giao thông liên lạc và công chánh cũng được xây dựng để phục vụ cho công tác phát triển sản xuất, phục vụ đời sống của nhân dân. Sau ngày giải phóng, hệ thống giao bưu của huyện chỉ có 5 đồng chí là giao liên trong kháng chiến đảm nhiệm công việc chuyển công văn về các xã, về tỉnh và nhận thư từ, công văn các xã chuyển về huyện, về tỉnh. Đến tháng 6/1975, phòng giao bưu huyện và tổ Bưu điện các xã được thành lập. Nhưng do không có nghiệp vụ chuyên môn, nên công việc giao bưu ở các xã thực hiện gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Để khắc phục tình hình chung, được sự đồng ý của giao bưu tỉnh, tháng 10/1975 huyện bổ sung thêm cán bộ, nhân viên Bưu điện huyện và sắp xếp Bưu điện các xã thành 4 trạm: Võ Đất, Lạc Tánh, Mê Pu và Nghị Đức. Mặc dù điều kiện làm việc còn khó khăn do thiếu phương tiện, nhiều người phải đi bộ để thực hiện nhiệm vụ của mình, nhưng Bưu điện huyện đã phối hợp với Ty Bưu điện tỉnh Bình Tuy xây dựng được 18.500m đường dây điện thoại và 2 tổng đài máy hữu tuyến để phục vụ nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong huyện. Khó khăn nhất trong thời gian này là việc xây dựng đường dây điện thoại hữu tuyến từ Võ Đất đi Bắc sông và Tánh Linh chưa thực hiện được, nên đã ảnh hưởng đến việc chỉ đạo từ huyện đến các địa phương không kịp thời.

Tháng 6/1975, phòng Giao thông công chánh được thành lập làm nhiệm vụ huy động lực lượng lao động trong nông dân, thanh niên, phụ nữ ở các xã và công nhân viên các cơ quan tham gia vào việc sửa chữa các cầu cống, đường sá chính trong huyện. Việc khôi phục các đoạn đường trong huyện gặp nhiều khó khăn. Bom mìn còn nhiều và phương tiện làm đường thô sơ, nhưng với trách nhiệm cao, nhân dân trong huyện đã tu bổ được 42 km đường, giải quyết lưu thông thuận lợi hơn thời chiến tranh. Việc vận chuyển hàng hóa từ Nam sông sang Bắc sông và ngược lại gặp không ít khó khăn do cầu Đỏ không bảo đảm trọng tải và về mùa mưa hay bị gián đoạn. Phòng Giao thông Công chánh huyện đã thành lập bến đò tại Võ Xu, phục vụ cho việc lưu thông. Con đò xuôi ngược từ Võ Xu sang Bắc sông hoạt động đến năm 1979, khi cầu Võ Xu bắc qua sông La Ngà hoàn thành thì bến đò chấm dứt hoạt động.

Thực hiện chủ trương chung của Nhà nước về khôi phục các đoạn đường sắt trong tỉnh bị hư hại từ trước năm 1975. Từ ngày 12/8 đến ngày 8/9/1975, huyện đã huy động nhân dân tham gia hàng triệu ngày công tu sửa được 12 km đường sắt từ ga Gia Huynh đi Sông Phan, Suối Kiết góp phần thông tuyến đường sắt Bắc- Nam trong năm 1976.

Công tác văn hóa, xã hội được huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện. Mạng lưới thông tin được tổ chức từ huyện đến các xã, thôn. Cuối năm 1975, toàn huyện có 15 ban thông tin xã và 54 tổ thông tin thôn. Để thực hiện tốt công tác chuyên môn của mình trong điều kiện thiếu thốn vật chất, trang thiết bị, phòng Thông tin huyện thành lập, hệ thống truyền thanh hai khu vực ở Chính Đức và Võ Xu. Nhiệm vụ của công tác thông tin lúc này là tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách Nhà nước; tuyên truyền nhân dân xoá bỏ tàn tích văn hóa đồi trụy của chế độ cũ, quét sạch tàn dư văn hóa phản động, phục hồi văn hóa nghệ thuật dân tộc và cách mạng. Mặt khác, công tác thông tin còn góp phần vào đấu tranh chống lại luận điệu sai trái, xuyên tạc của bọn tàn quân chống đối cách mạng. Ngoài ra, ta còn tổ chức mít tinh ở các địa phương nhân ngày 19/5 và 2/9/1975, khẩu hiệu tuyên truyền, chiếu phim và hoạt động văn nghệ. Qua hoạt động tuyên truyền giáo dục đã nâng cao được ý thức quần chúng, từ đó họ nhận thức được chủ trương, chính sách, hăng hái thi đua lao động.

Trong thời kỳ khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng đất nước, công tác giáo dục đóng một vai trò không kém phần quan trọng. Sau ngày giải

phóng, cơ sở vật chất của ngành giáo dục trong huyện phải tu sửa lại. Đội ngũ giáo viên thiếu và hầu hết là giáo viên thu dung [1]. Trước tình hình đó, được sự đồng ý của Ty Giáo dục Bình Tuy, tháng 5/1975 huyện mở lớp đào tạo sư phạm cấp tốc giáo viên cấp I (nay là tiểu học) trong 10 ngày và đến tháng 5 và 6/1975 mở một lớp tại Võ Xu. Cùng với số giáo viên tại chỗ trong vùng kháng chiến Bắc sông, giáo viên thu dung và giáo viên ở tỉnh tăng cường, đến cuối năm 1975 giáo viên cấp I toàn huyện có 221 người, dạy ở 234 lớp, gồm 21 trường trong huyện.

Trong những tháng cuối năm 1975, huyện mở thêm 1 trường cấp II (nay là trung học cơ sở) ở mảng Bắc sông, toàn huyện có 3 trường cấp II với số giáo viên có 23 người dạy trong 14 lớp. Riêng khối mẫu giáo mới triển khai từ tháng 10/1975. Tỉnh chi viện 5 giáo viên về xây dựng lớp mẫu giáo và đào tạo giáo viên chuyên trách tại xã điểm Võ Xu.

---

(1) Theo báo cáo số 12/BC/1975 của Đảng bộ Đức Linh, ngày 13/01/1976: về giáo viên cấp I, qua 3 đợt đào tạo giáo viên cấp tốc có 91 người tốt nghiệp ra trường, chỉ có 80 người đi dạy. Tỉnh bổ sung về huyện 83 giáo viên nhưng chỉ có 75 người đi dạy. Số học sinh cấp I đến cuối năm 1975 có 10.376 em (4.554 nữ) và cấp II, III (chưa tính trường cấp II ở Bắc sông) có 7353 em (195 nữ).

Cùng với các cấp học phổ thông, các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa cũng được chú ý. Huyện tổ chức 4 lớp tập huấn cho 130 giáo viên, đến cuối năm toàn huyện đã có 268 giáo viên. Tuy cơ sở vật chất học tập còn thiếu thốn, nhưng đã có 6.792 người theo học trong thời gian qua. Phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa trong huyện phát triển, giúp cho nhiều người được học tập.

Công tác y tế, vệ sinh, phòng bệnh cũng được huyện chỉ đạo. Sau giải phóng, trong huyện xảy ra dịch sốt rét kéo dài từ tháng 6 đến tháng 8/1975. Do đó, huyện vừa tiếp quản, vừa xây dựng và vừa điều trị bệnh cho nhân dân. Trong tháng 6, huyện đã xây dựng phòng y tế, đảm nhiệm các công việc chuyên môn; 15 ban y tế xã và 1 khung trường y tá. Phòng y tế cử 6 y tá lưu động phục vụ công tác y tế tại một số cơ quan trong huyện (1). Qua 6 tháng, thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh sốt rét, đã chích ngừa cho 33.722 người và phun thuốc phòng bệnh ở mảng Nam Thành và Tánh Linh cũ. Ngoài ra, Phòng Y tế huyện còn mở 3 đợt tập huấn về phòng bệnh cho số vệ sinh viên các xã và lập 4 tủ thuốc ở Lạc Tánh, Võ

---

(1) Trong tổng số 75 cán bộ, nhân viên y tế từ huyện đến xã có 48 người có chuyên môn nghiệp vụ, 27 nhân viên hành chánh. Trong số chuyên môn y tế có 1 bác sĩ, 5 y sĩ.

Xu, v.v... để phục vụ nhân dân. Trường Y tá huyện mặc dù chỉ có 3 cán bộ trực thuộc Phòng Y tế huyện, nhưng thời gian qua đã mở được 2 lớp đào tạo y tá, một lớp 2 tháng cho 44 hộ sinh và 1 lớp 4 tháng rưỡi cho 56 học viên pha chế thuốc. Công tác y tế trong huyện triển khai gặp nhiều khó khăn về vật chất cũng như trình độ chuyên môn, nhưng với cố gắng của ngành, đã góp phần dập tắt dịch sốt rét kéo dài trong 3 tháng và giải quyết cơ sở vật chất cũng như chuyên môn ban đầu để góp phần cùng cả huyện khắc phục hậu quả chiến tranh.

Song song với việc tiếp quản chính quyền cũ, giải quyết an ninh, trật tự trị an và xây dựng hệ thống chính quyền đoàn thể cách mạng, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đời sống nhân dân, Đảng bộ huyện bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định sản xuất và đời sống cho nhân dân. Thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy Bình Tuy tháng 8/1975 (1), Huyện ủy

---

(1) Nghị quyết Tỉnh ủy Bình Tuy tháng 8/1975 đề ra 5 nhiệm vụ 1- Khẩn trương xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng. 2- Đẩy mạnh sản xuất, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân. 3- Truy quét tàn quân, trấn áp bọn phản động, giữ gìn trật tự, trị an. 4- Củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang và an ninh. 5- Phát động quần chúng, xây dựng các đoàn thể cách mạng, củng cố và mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc (Tư liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận).

đã quán triệt chủ trương đẩy mạnh sản xuất, làm hết diện tích hiện có và tăng vụ để giải quyết ổn định đời sống cho nhân dân. Với diện tích canh tác 10.000 ha (chiếm 3,8% diện tích tự nhiên); đất đai phù hợp với nhiều loại cây trồng và chăn nuôi thuận lợi (1). Nhưng tháng 6/1975 bị lụt lớn, sau đó nắng hạn kéo dài và sức kéo ít, nhiên liệu giải quyết không kịp thời đã ảnh hưởng đến sản xuất. Mặt khác, sau giải phóng, nhân dân từ Nam sông chuyển về quê cũ ở Bắc sông, như Nghị Đức, Bắc Ruộng. Một số dân trước đây bị dồn vào vùng tạm bị chiếm, trở về đất cũ và một số dân chạy đi nơi khác, nay về lại như ở Gia An, v,v... không làm hết diện tích. Trước tình hình đó, huyện đã tổ chức các cuộc hội nghị chuyên đề bàn biện pháp khắc phục để sản xuất vụ mùa, vụ thu và vụ nghịch; bàn về công tác thủy lợi, công tác vật tư phục vụ sản xuất. Nhiều cán bộ huyện được cử về các xã khó khăn để cùng chính quyền địa phương giải quyết các vướng mắc, tồn tại.

Trong những năm kháng chiến, vùng giải phóng Bắc sông vẫn tồn tại dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù, là do chính quyền cách mạng tổ chức nhân dân làm ăn hợp tác. Với kinh nghiệm trên, ta

---

(1) Diện tích tự nhiên toàn huyện 265.500 ha, rừng chiếm 185.000 ha.

phát động quần chúng hình thành tổ chức vần đổi công trong sản xuất, như Huy Khiêm, Nghị Đức,v.v... Trước đây, bà con chỉ sản xuất một vụ, nay tăng lên 2, 3 vụ, do đó, đến cuối năm 1975, toàn huyện đã gieo trồng hơn 10.604 ha. Tổng sản lượng cả hoa màu quy ra lúa 10.785,718 tấn, đạt 173,85 kg/người/năm. Đây là mức cao so với năm 1974. Việc chăn nuôi, ta đã khôi phục dần đàn gia súc, nên chỉ 6 tháng cuối năm số lượng gần bằng năm 1974 (1).

Công tác thủy lợi cho sản xuất được đặt ra. Ta đã tận dụng mặt nước sông suối, ao hồ tưới tiêu cho hàng trăm ha. Trong 6 tháng huy động sức dân đắp hai con đập ở Gia An và 2 con đập ở Suối Trầu, suối Nước Nóng xã Đoàn Kết, v.v... để tưới cho diện tích đất sản xuất trong vụ thu và vụ nghịch. Ngoài việc tổ chức đo đạc lại diện tích đất nông nghiệp, huyện đã huy động 41 đầu máy cày, cày được 1.000 ha đất canh tác.

Như vậy, về sản xuất nông nghiệp, sau khi đất nước được giải phóng, giai cấp nông dân đã thật sự làm chủ ruộng đất, bắt tay ngay vào khôi phục, hàn

---

(1) Trâu đạt 3.301 con, năm 1974 chỉ có 2.910 con; bò 499 con, năm 1974 là 590 con; heo 6.995 con, năm 1974 là 10.260 con.

gắn vết thương chiến tranh [1]. Nông dân được tổ chức lại thành tổ vần đổi công, tổ hợp tác lao động. Đến đầu năm 1976, toàn huyện đã thành lập được 524 tổ vần đổi công và củng cố 11 tổ hợp tác lao động, bước đầu hoạt động tốt. Có thể nói, huyện Đức Linh (bao gồm cả Tánh Linh) là nơi có phong trào làm ăn tập thể phát triển có quy mô lớn đầu tiên của tỉnh Bình Tuy và cả Khu VI cũ. Trong chỉ đạo sản xuất, tuy còn hạn chế, nhưng huyện đã kết hợp nhiều mặt như sử dụng cơ giới, sức kéo của trâu bò và thậm chí dùng sức người cuốc đất để đẩy mạnh sản xuất tăng vụ, bước đầu thâm canh nên diện tích tăng, kết quả sản xuất bước đầu đạt khá.

Sau 6 tháng đẩy mạnh sản xuất, khắc phục hậu quả chiến tranh, còn một số mặt, như điều tra quy hoạch vùng chuyên canh, thâm canh, mở rộng diện tích sản xuất và đầu tư vốn, cũng như chưa vận động

---

(1) Ngày 5/3/1975, Hội đồng Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam có Nghị định số 01/NĐ-75 về chính sách ruộng đất cho nông dân. Tiếp đến, ngày 10/10/1975, Thường vụ Khu ủy Nam Trung bộ ra Chỉ thị số 02/CT/ĐS về cuộc vận động thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng hiện nay ở các tỉnh đồng bằng. Từ ngày 23 đến 25/10/1975, Hội nghị Tỉnh ủy Bình Tuy ra nghị quyết về thi hành Chỉ thị số 02 của Thường vụ Khu ủy Nam Trung bộ về cuộc vận động chính sách ruộng đất trong tỉnh. Các tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

vốn trong nhân dân cho sản xuất. Công tác thủy lợi phục vụ sản xuất còn ít. Công tác vận động nhân dân sử dụng phân xanh, phân chuồng cho sản xuất chưa tốt nên nông dân vẫn dựa vào phân hóa học là chủ yếu, trong khi ta chưa đáp ứng đủ nhu cầu nên cũng hạn chế đến sản lượng cây trồng.

Sau ngày giải phóng, việc hình thành ngành kinh tế- tài chánh để thực hiện thu - chi phục vụ phát triển kinh tế địa phương được đặt ra cấp bách. Ban Kinh tài huyện vào tiếp thu cơ sở cũ của địch không có gì đáng kể. Lúc này, nguồn thu chủ yếu dựa vào đóng góp của nhân dân nên gặp nhiều khó khăn. Đến tháng 11/1975, Ban Kinh tế - Kế hoạch Trung ương Cục Miền Nam công bố về chính sách kinh tế, trong đó có quy định tiền tệ- giá cả - tài chính. Nha Thuế vụ của Tổng Nha tài chánh và Tổng cục Lương thực triển khai cụ thể đến các địa phương thực hiện. Do đó, từ đầu tháng 11 đến tháng 12/1975 toàn huyện thu 342.851,22 đồng (theo giá tiền lúc bấy giờ) và chi là 286.847,49 đồng. Qua thực hiện thu chi ngân sách đã có ngân quỹ phục vụ và giải quyết các công tác kinh tế- xã hội cho địa phương. Nhưng trong quá trình thực hiện, công tác kiểm tra, đôn đốc, quản lý chưa chặt, còn lúng túng trong nghiệp vụ,

cũng như tự thu, tự chi không đúng nguyên tắc. Để ngăn chặn việc này, Thường vụ Huyện ủy tổ chức kiểm tra, đề ra quy định thu - chi, thực hiện đúng nguyên tắc tài chánh của trên đề ra.

Việc thu mua lương thực cũng thực hiện song song với công tác khác, từng bước được củng cố cả về tổ chức và biện pháp thu mua. Đến tháng 11/1975, công tác lương thực tách khỏi khối kinh tài, hoạt động độc lập. Do làm tốt công tác quản lý, nên Phòng Lương thực huyện giải quyết chế độ lương thực cho cán bộ, công nhân viên chức và cứu đói cho dân từ tháng 5 đến tháng 8/1975. Trong 6 tháng cuối năm 1975, toàn huyện đã có hơn 277.000 kg gạo nhập vào kho, bao gồm thu mua của dân, nhận của tỉnh và đơn vị 812 bàn giao. Đồng thời cung cấp cho các đối tượng khác trong huyện hơn 270.000 kg.

Cùng với việc huy động, thu mua lương thực, công tác thương nghiệp - vật tư cũng được tổ chức thực hiện. Đến cuối năm 1975, toàn huyện thành lập được 3 cửa hàng bán hàng theo chế độ quy định (1).

---

(1) Do bước đầu hàng hóa vật tư tại chỗ chưa có, chủ yếu nhận ở tỉnh về nên bán phân phối cho cán bộ 4 mặt hàng chính là: lương thực, thịt, xà bông và dầu lửa. Còn nhân dân chủ yếu dầu lửa, xà bông. Đối với giáo dục, các cửa hàng bán phân phối cho học sinh, giáo viên: sách, giấy, bút và vở học.

Tuy nhiên, hàng nhu yếu phẩm cung cấp cho cán bộ và nhân dân dựa vào số hàng hóa ở miền Bắc chi viện vào, còn hàng hóa chế độ cũ còn lại ít, nghèo về số lượng, chủng loại nên chưa đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt cho cán bộ, nhân dân nên việc bình ổn giá thị trường khó khăn, một số con buôn lợi dụng tăng giá các mặt hàng càng làm cho đời sống của nhân dân trong huyện có lúc bị xáo trộn. Trước tình hình đó, huyện triển khai thành lập một cửa hàng thương nghiệp ở Bắc sông để phục vụ nhân dân 5 xã mảng Nam Thành cũ và tổ chức thu mua số nông sản tại chỗ bán cho các đối tượng được hưởng, qua đó tạo cho người sản xuất phấn khởi và người tiêu dùng cũng an tâm.

Các loại vật tư lúc này chủ yếu nhận xăng - dầu của trên về bán phân phối cho số đầu xe máy kéo, xe vận tải chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp và dầu thắp sáng cho nhân dân.

Để đáp ứng kịp thời công tác phục vụ nhân dân trong sản xuất, nhất là ở nông thôn và thu hồi, quản lý tiền quỹ của địch trước đây còn lại, ngân hàng huyện được thành lập và bố trí 6 tổ tại các khu vực: Lạc Tánh, Chính Đức, Đoàn Kết, Bắc Ruộng,v.v... Chi nhánh Ngân hàng Đức Linh là một trong hai chi

nhánh của tỉnh Bình Tuy [1]. Sau khi thành lập, Chi nhánh Ngân hàng huyện mở hội nghị chuyên đề về nội dung công tác ngân hàng, các thủ tục quản lý và phương hướng công tác ngân hàng năm 1976. Việc làm này giúp cho lãnh đạo các cấp, các ngành trong huyện hiểu rõ công tác ngân hàng để phối hợp thực hiện tốt vì mục đích phát triển kinh tế địa phương và phục vụ đời sống nhân dân.

Sau khi hình thành hệ thống ngân hàng, công tác thu đổi tiền chế độ cũ (Sài Gòn), sử dụng đồng tiền "Ngân hàng Việt Nam" của cách mạng ở miền Nam được thực hiện. Ngày 22/9/1975, toàn miền Nam thực hiện công tác đổi tiền [2], nhân dân gọi

---

(1) Ngân hàng tỉnh Bình Tuy thành lập ngày 20/9/1975. Ngân hàng có 4 nhiệm vụ: a) Quản lý kinh tế, quản lý tài chính của địch để lại. b) Là cơ quan trung tâm tiền tệ - tín dụng và thanh toán gồm các ngành kinh tế trong địa phương và toàn quốc. c) Cùng các ngành kinh tế phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hóa, ổn định giá cả trên thị trường, đôn đốc thu, giám đốc chi ủy quyền ngân sách của địa phương. d) Quản lý tiền mặt, tiền lương trong các khu vực kinh tế, góp phần xây dựng và thúc đẩy kinh tế.

(2) Đến ngày qui định, các hộ gia đình, các xí nghiệp, công nhân viên chức kê khai số tiền hiện có và nộp cho bàn đổi tiền. Sau đó, các bàn qui đổi thực hiện đổi theo các tờ khai số tiền Sài Gòn đã có. Theo Thông báo số 1-NH ngày 23/9/1975 của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam: hộ có 100.000đ tiền Sài Gòn cũ trở xuống, được đổi một lần; hộ có trên 100.000đ được đổi mức 100.000đ, số còn lại gửi tiết kiệm và hộ có số tiền từ 1 triệu trở lên theo kê khai, số dư trên chuyển vào tài khoản nếu là sản xuất, kinh doanh.

"tiền giải phóng" và đến 25/9/1975 căn bản hoàn thành. Tỉ lệ qui đổi 500 đồng tiền Sài Gòn cũ đổi 1 đồng tiền ngân hàng Việt Nam. Sau ngày 30/9/1975, tiền Sài Gòn cũ không được lưu thông, trao đổi trên thị trường và trong nhân dân. Trong quá trình đổi tiền, trong nhân dân xuất hiện một số tiền có tên "Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam". Đây là tiền của ta trước đây định phát hành trong vùng giải phóng từ sau năm 1973, nhưng sau đó đình chỉ thực hiện (1).

Sau đổi tiền, toàn tỉnh tiến hành đợt 2 thực hiện chính sách kinh tế đối với tư sản mại bản và tư sản "thường". Thời gian thực hiện từ ngày 10/10 đến 30/10/1975. Nhưng, địa bàn Đức Linh, tư sản mại bản không có, tư sản "thường" chỉ có vài chục hộ kinh doanh hàng công nghệ phẩm (2).

---

(1) Theo báo cáo của chi nhánh ngân hàng tỉnh Bình Tuy ngày 30/10/1975: Sau đổi tiền, tiền Sài Gòn cũ thu về toàn tỉnh là 1.929.000.720 đồng. Số tiền Ngân hàng Quốc gia Việt Nam chi đổi 4.800.000 đồng. Số hộ trong toàn tỉnh đăng ký đổi 28.550 hộ, với 161.270 nhân khẩu (nam 80.198 người, nữ 101.072 người).

(2) Theo qui định thành phần tư sản: Trong công nghiệp có vốn là 40.000 đồng tiền mới (20 triệu tiền cũ) thuê 8 nhân công và lãi suất 4.000đ/năm trở lên. Trong thương nghiệp có vốn 30.000đ tiền mới (15 triệu tiền cũ). Số tư sản dựa vào tư bản nước ngoài và chính sách tay sai để kinh doanh là tư sản mại bản.

Qua 6 tháng sau ngày giải phóng, Đức Linh cùng cả tỉnh Bình Tuy và cả miền Nam không còn bóng quân xâm lược, không còn chế độ tay sai của Mỹ. Tuy nhiên, tình hình phức tạp, khó khăn đặt ra nhiệm vụ hết sức nặng nề cho Đảng bộ và nhân dân trong huyện.

Đối với những người làm việc cho chế độ cũ, số đông đã ra trình diện, học tập chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, nhiều người trở lại làm việc trong các xí nghiệp, giáo dục, y tế. Nhưng do người dân chuyển đến, chuyển đi và trở về vùng đất cũ nên công tác quản lý chưa chặt, một số tên ngoan cố trong chế độ cũ chạy ra rừng hoặc chui vào tổ chức thôn, xã của ta móc nối số ngoan cố các nơi khác tổ chức các hoạt động chống phá, như tung tin ta chỉ sử dụng số người có dính dáng chế độ cũ một thời gian, hoặc sẽ bắt đi tù, làm cho họ hoang mang. Một số tay sai đội lốt tôn giáo tuyên truyền "Việt cộng là vô thần" thì bà con có đạo sẽ bị bắt bỏ đạo, v.v... Trước tình hình như vậy, huyện đã có kế hoạch và biện pháp cụ thể vừa tuyên truyền trong nhân dân, vừa trừng trị những tên ngoan cố chống đối, vừa phát động quần chúng đấu tranh làm thất bại âm mưu của chúng. Do đó, bọn tàn quân chạy trốn ngoài rừng tan rã, bị tiêu diệt; bọn lẫn trốn trong dân, kể cả số chui

vào bộ máy của ta cũng bị phát hiện, hoạt động chống phá của bọn phản động có giảm.

Trong nhân dân, tình hình tư tưởng sau giải phóng rất phức tạp. Nhiều người có quan hệ với chính quyền cũ sợ ta phân biệt đối xử. Một số nhân dân trước đây chạy đi nơi khác, sau ngày 30/4/1975 mới trở về, tài sản bị hư hao, thất thoát nên gặp khó khăn. Nhưng phần đông quần chúng vui mừng đã thoát khỏi chiến tranh, cảnh chết chóc không còn tái diễn. Nhất là, từ khi ta thực hiện các chính sách vận động quần chúng, thì tư tưởng trong nhân dân dần dần ổn định.

Đội ngũ cán bộ của ta sau ngày giải phóng chưa nhiều, công tác chuyên môn quản lý xã hội chưa thành thạo, một số lĩnh vực quản lý xí nghiệp, kinh tế, v.v... chưa kinh qua. Nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, ta đã tiếp quản một cơ sở mà bên trong còn đầy rẫy phức tạp do hậu quả chiến tranh để lại. Với nỗ lực cao, dần dần hoạt động xã hội, kinh tế, an ninh trật tự trong địa phương từng bước được giải quyết, ổn định. Đạt được thành quả bước đầu là do Đảng bộ huyện chấp hành sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình Tuy, nhờ sự chi viện của trên và sự nỗ lực của cán bộ, nhân viên, chiến sĩ và sự đóng góp to lớn của nhân dân.

Như vậy, từ khi giải phóng huyện đến cuối năm 1975, một thời gian chưa nhiều, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Tánh Linh được sống trong độc lập đã phát huy hết khả năng của mình vào việc ổn định cuộc sống sau chiến tranh, xây dựng chính quyền cách mạng của nhân dân.

Chương II

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976-5/1983)

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), nhiệm vụ cách mạng của nước ta là hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, việc thống nhất nhà nước là một yêu cầu cấp bách, nhưng phải làm đúng các quy trình, thủ tục. Ngày 02/11/1975, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị số 18/CT-75 về Hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc. Trong Chỉ thị nêu rõ, ngày 05/11/1975 tiến hành hội nghị liên tịch mở rộng ở miền Nam bao gồm Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng, Trung

ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình miền Nam Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời, Hội đồng Cố vấn Chính phủ và một số đại biểu tiêu biểu để thảo luận nhất trí chủ trương thống nhất về mặt nhà nước, ra Nghị quyết hiệp thương giữa hai miền Nam, Bắc nhằm tổ chức tổng tuyển cử, bầu Quốc hội và các cơ quan lãnh đạo Nhà nước chung của cả nước, cử đoàn đại biểu miền Nam tham gia hội nghị hiệp thương chính trị với miền Bắc. Chỉ thị còn nêu: Các đoàn thể quần chúng, Ban tuyên huấn và các cơ quan trong Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang tiến hành học tập, thông suốt chủ trương này và tuyên truyền trong quần chúng, nhân dân.

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 15/11/1975 Hội nghị Hiệp thương chính trị giữa hai miền được tiến hành tại hội trường Dinh Thống nhất, thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định ngày bầu cử Quốc hội chung cả nước.

Chào mừng sự kiện chính trị Hội nghị Hiệp thương thống nhất Tổ quốc, nhân dân cả nước tổ chức mít tinh. Tại Lagi, 15 giờ ngày 21/11/1975 tỉnh Bình Tuy tổ chức mít tinh mừng thắng lợi của Hội nghị Hiệp thương chính trị hai miền, có 800 người là cán bộ, chiến sĩ khối các cơ quan quân, dân, chính, đảng và nhân dân tham dự.

Cùng với việc chuẩn bị Hiệp thương thống nhất Tổ quốc, ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết số 245, bỏ khu và hợp nhất các tỉnh để phù hợp với yêu cầu cách mạng trong giai đoạn mới. Thực hiện nghị quyết Bộ Chính trị, các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy hợp nhất thành tỉnh Thuận Hải. Ngày 06/1/1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 05, chỉ định Ban Chấp hành Tỉnh ủy Thuận Hải lâm thời, do đồng chí Lê Văn Hiền làm Bí thư, đồng chí Trần Đệ làm Phó Bí thư. Đến tháng 2/1976, tỉnh Thuận Hải chính thức đi vào hoạt động và tỉnh lỵ đóng tại Phan Rang - Tháp Chàm, đến tháng 6/1977 chuyển vào thị xã Phan Thiết (1).

Tỉnh ủy Thuận Hải tiến hành thành lập các cơ quan cấp tỉnh, củng cố về mặt tổ chức các huyện, thị xã. Ngày 07/2/1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải ra Quyết định số 36/NQ-TU về nhân sự Ban

---

(1) Sau khi có chủ trương bỏ khu, nhập một số tỉnh thành tỉnh lớn để đủ sức thực hiện nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng trên từng địa phương (tỉnh cũng là một pháo đài). Tháng 11/1975, các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Tuyên Đức, Lâm Đồng, Đà Lạt sát nhập thành tỉnh Thuận Lâm. Nhưng thấy không phù hợp, cho nên Thuận Lâm giải thể, tách ra hai tỉnh Lâm Đồng và Thuận Hải. Riêng tỉnh Bình Tuy thuộc Đồng Nai, nhưng khi lập tỉnh mới tách về Thuận Hải tháng 1/1976.

Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Linh lâm thời có 19 đồng chí. Ban Thường vụ Huyện ủy có 5 đồng chí. Đồng chí Ngô Thanh Bình làm Bí thư Huyện ủy và đồng chí Trần Tuấn Anh, Phó Bí thư, kiêm Chủ tịch UBND huyện.

Đức Linh từ khi trực thuộc tỉnh Thuận Hải (1) ranh giới hành chính có sự thay đổi. Ngoài 15 xã được sát nhập của Hoài Đức, Nam Thành, Nam Thắng tháng 6/1975, năm 1976, tỉnh giao 2 xã miền núi là La Dạ, La Ngâu và bộ phận Nông trường Nam Sơn cho Đức Linh. Qua năm 1977, tỉnh thành lập Nông trường lúa tại Đức Linh và đưa nhân dân ở Phan Thiết, Hàm Tân và từ quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh lên xây dựng vùng kinh tế mới ở Nghị Đức, Bắc Ruộng, Huy Khiêm, Đồng Kho và thôn 6 xã Gia An, v.v...

Là một huyện nằm ở phía Tây Nam tỉnh, phía Đông giáp huyện Hàm Thuận, Nam giáp huyện Hàm Tân, Tây giáp huyện Tân Phú- tỉnh Đồng Nai và phía Bắc giáp huyện Đức Trọng - tỉnh Lâm Đồng.

---

(1) Khi hình thành tỉnh Thuận Hải, cả tỉnh có 7 huyện và thị xã: Đức Linh, Hàm Tân, Hàm Thuận, Bắc Bình, Ninh Hải, An Sơn và thị xã Phan Thiết. Đến tháng 12/1977 thành lập thêm huyện Phú Quý .

Diện tích tự nhiên toàn huyện rộng 264.182 ha, trong đó rừng chiếm 167.460 ha, đất khả năng khai hoang sản xuất 57.658 ha, đất thổ cư 3.515 ha, còn lại diện tích hồ, ao, đầm, sông suối, đất xây dựng công cộng và đường sá. Địa hình có 3 vùng: vùng núi, vùng đồi thấp và vùng đồng bằng. So với các địa phương, Đức Linh là một vùng chuyên canh về cây lương thực, chăn nuôi, cây công nghiệp, cá nước ngọt và lâm nghiệp của tỉnh Thuận Hải.

Dân số của huyện đến tháng 10/1978 có 120.000 người (có 40.000 người là dân kinh tế mới) và có các dân tộc Kinh, K'Ho, Chăm, Nùng, Tày, Hoa, Raglai, Campuchia... Mật độ dân số trung bình 44 người/km^2, phân bố dân cư không đồng đều, tập trung đông nhất là dọc ven sông La Ngà, còn khu vực miền núi, dân cư thưa thớt. Đức Linh có các tôn giáo khác nhau như Phật giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành, Cao đài, Hòa hảo, Bà Hai.

Khí hậu mỗi năm có 2 mùa mưa, nắng rõ rệt. Nhiệt độ trung bình từ 25 - 27°C. Lượng mưa trung bình từ 2.000 đến 2.700 mm/năm và lượng mưa cao nhất tập trung vào từ tháng 7 đến tháng 9, nên ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, tác động đến sinh hoạt của nhân dân.

Ngày 25/4/1976, nhân dân cả nước đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VI và phiên họp đầu tiên của Quốc hội đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng, như đặt tên nước ta là "Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam", lấy cờ đỏ sao vàng là quốc kỳ chung cả nước; bài "Tiến quân ca" là bài quốc ca; kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, v.v... Đây là lần thứ hai, một cuộc bầu cử Quốc hội được tổ chức trong cả nước (lần thứ nhất là bầu cử Quốc hội ngày 6/1/1946). Cử tri Đức Linh đã hăng hái tham gia ngày bầu cử đại biểu Quốc hội, làm nhiệm vụ công dân của một nước Việt Nam thống nhất.

Để tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, thực hiện Chỉ thị 240 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chỉ thị 237 của Thường vụ Tỉnh ủy về tiến hành Đại hội Đảng các cấp.

Sau khi Đại hội xong các Chi - Đảng bộ cơ sở trong huyện, từ ngày 10 đến 14/10/1976, Đại hội đại biểu vòng 1 Đảng bộ huyện và vòng 2 Đại hội Đảng bộ huyện diễn ra từ ngày 25/5 đến 31/5/1977. Đại biểu được triệu tập chính thức 80 đồng chí nhưng có 75 đồng chí tham dự, trong đó có 3 đại biểu Tỉnh ủy giới thiệu. Ngoài ra còn có 4 đại biểu dự khuyết và 8 đại biểu là khách mời (có 5 gia đình liệt sĩ), đưa tổng số đại biểu dự Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh

lần thứ I là 87 người. Đại hội đã nhất trí với báo cáo chính trị về tổng kết tình hình và nhiệm vụ của huyện trong quá trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và từ ngày giải phóng đến nay. Đại hội ra Nghị quyết các nhiệm vụ trước mắt từ nay đến cuối năm 1976 và năm 1977; các mặt công tác cụ thể, trong đó trọng tâm là sản xuất nông nghiệp; công tác xây dựng, củng cố chính quyền huyện, xã, các đoàn thể và lực lượng vũ trang nhân dân; công tác xây dựng Đảng. Trong sửa đổi Điều lệ Đảng, Đại hội nhất trí với dự thảo của trên.

Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa I có 29 đồng chí (27 chính thức và 2 dự khuyết) Ban Thường vụ có 7 đồng chí. Đến cuối năm 1977, Ban Chấp hành còn 28 đồng chí. Đồng chí Ngô Thanh Bình làm Bí thư Huyện ủy. Đến ngày 22/8/1978, Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải quyết định đồng chí Lê Khắc Thành, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy về làm Bí thư, thay đồng chí Ngô Thanh Bình đi học trường Nguyễn Ái Quốc.

Từ ngày 14 đến 20/12/1976, Đại hội lần thứ IV của Đảng Lao động Việt Nam diễn ra tại Hà Nội. Đại hội đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa là "... Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá

độ lên chủ nghĩa xã hội...". Đại hội cũng quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ nhất (vòng I) từ ngày 10/11/1976 và kết thúc Đại hội đại biểu vòng II, ngày 17/3/1977, ra Nghị quyết nhiệm vụ của Đảng bộ trong 2 năm (1977 - 1978).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng và Đại hội I của Đảng bộ tỉnh Thuận Hải, phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Đảng bộ huyện trong 2 năm 1977 - 1978 là: Tăng diện tích gieo trồng 28.000 ha, tổng sản lượng lương thực đạt 70.000 tấn, khai hoang 12.000 ha, tiếp nhận 50.000 người đến xây dựng vùng kinh tế mới, trồng 500 ha rừng và cây công nghiệp ở các đồi Lồ Ồ, đồi Giang; mở rộng vùng chuyên canh mía 2.000 ha, chăn nuôi đưa đàn trâu đạt 6.500 con, bò 500 con, heo 28.000 con; tận dụng các ao đầm nuôi cá nước ngọt và khai thác cá Biển Lạc, sản xuất công cụ cho sản xuất nông nghiệp- lâm nghiệp- thủy lợi - giao thông, đảm bảo vật liệu xây dựng phục vụ sản xuất và xây dựng cơ bản; xây dựng 1/3 bờ vùng, bờ thửa, các trục đường giao thông liên thôn, liên xã; sửa chữa và làm mới con đường từ Tà Pao đi các xã miền núi; hoàn thành

xóa mù chữ trong toàn huyện; xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc, lắp đặt điện thoại cho 14 xã, xây dựng phong trào văn nghệ quần chúng; xây dựng 100% xã có trạm y tế. Căn bản hoàn thành quan hệ sản xuất, đưa 80% nông dân vào hợp tác lao động. Đồng thời tập trung chỉ đạo hợp tác xã Mê Pu làm điểm rút kinh nghiệm, tổ chức xây dựng hợp tác xã thủ công nghiệp, hoàn chỉnh hợp tác xã mua bán ở các xã. Huyện hình thành trường đào tạo cán bộ cho các ban, ngành, các địa phương. Ngoài ra, Nghị quyết cũng đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể của năm 1977 (1).

Với đặc điểm, tình hình như trên, sau Đại hội, Đảng bộ và nhân dân trong huyện phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra đã đạt được kết quả bước đầu.

Về công tác xây dựng Đảng, đến cuối năm 1976, Đảng bộ có 417 đảng viên (so với cuối năm 1975, tăng 244 đồng chí) đảng viên chính thức 395 và dự bị 22 đồng chí (có 346 đồng chí nam và 71 đồng chí nữ), trong đó có 108 đồng chí là đảng viên người dân tộc. Đến cuối năm 1978, đảng viên có 621 đồng chí (có 35 đồng chí dự bị, 87 nữ, đảng viên dân

---

(1) Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ nhất. Trang 9 và 11.

tộc ít người có 135 đồng chí, vùng tôn giáo có 7 đồng chí). Về tổ chức, năm 1976, toàn Đảng bộ có 17 Chi bộ xã (đã thành lập 1 Đảng ủy xã La Dạ) và 15 Chi bộ cơ quan (thành lập Đảng ủy khối chính quyền gồm 8 Chi bộ). Năm 1977, giải thể Đảng ủy khối chính quyền. Đến cuối năm 1978, tăng 4 Chi bộ xã và 5 Chi bộ cơ quan.

Công tác xây dựng đảng viên về mặt tư tưởng đã có nhiều tiến bộ. Trong năm 1976, đảng viên được học tập các Nghị quyết, như Nghị quyết 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) về "Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới". Chỉ thị 235 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị về vấn đề ruộng đất ở miền Nam. Đến năm 1977, đảng viên tiếp tục học tập Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và huyện lần thứ nhất, học tập Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1978, đảng viên học tập các Chỉ thị 192, 237, Thông tri 22, 44 của Trung ương và Nghị quyết 5, Chỉ thị 33 của Thường vụ Tỉnh ủy về rà soát, xây dựng Đảng, chuẩn bị phát thẻ đảng viên. Qua các đợt học tập, nhận thức của đảng viên được nâng lên, quan điểm lập trường được xác định rõ hơn, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Về công tác cán bộ của Đảng, đến tháng 12/1976 toàn huyện có 782 cán bộ, công nhân viên[1]. Trình độ khoa học kỹ thuật, đại học 14 người, trung cấp 118 và 324 người có trình độ sơ cấp. Cán bộ lãnh đạo 73 đồng chí, cán bộ người dân tộc 53 và cán bộ là phụ nữ 282 đồng chí. Qua các đợt sắp xếp biên chế đã đưa một số cán bộ, nhân viên không đủ tiêu chuẩn chính trị ra khỏi các cơ quan, đơn vị, nên đến cuối năm 1976 các hoạt động từng bước đi vào nề nếp. Năm 1977, để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, ngoài việc mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý tại địa phương, huyện còn cử nhiều cán bộ đi dự các lớp ngắn ngày tại tỉnh và Trung ương. Nhưng khó khăn của nhiều cán bộ tuổi đời cao, trình độ văn hóa thấp và hoàn cảnh khó

---

(1) Theo báo cáo tổng kết năm 1976 của Huyện ủy, ngày 25/12/1976 (không tính lực lượng vũ trang), các cơ quan Dân chính Đảng trong huyện gồm có:

- Chiến khu về 150 đồng chí, miền Bắc tăng cường 69 đồng chí, bộ đội biệt phái 16, tuyển dụng 30 và lưu dung 129.

- Huyện ủy có 31 người, Ủy ban huyện 34, khối mặt trận 20, nông trường Nam Sơn 56 người.

- Phòng giáo dục 12 người, phòng lâm nghiệp 10, ngân hàng Nhà nước 28, các trường cấp I 289, các trường cấp II 42, trường bổ túc 46, phòng thương nghiệp 12, phòng vật tư 11, phòng lương thực 36, bệnh viện 41, phòng y tế 23, bưu điện 32, phòng thông tin 19, phòng nông nghiệp 22, phòng tài chánh 19 người.

khăn nên việc đào tạo xa, dài ngày nhiều người không tham gia được. Từ đó năng lực cán bộ chưa đáp ứng nhiệm vụ được giao. Từ năm 1976 đến năm 1978, nhiều cán bộ thuyên chuyển công tác, một số nghỉ chính sách, một số qua đời và một số bị kỷ luật thôi việc, nên cán bộ, công nhân viên đến cuối năm (1978) có 765 người [1]. Số cán bộ tuyển dụng sau giải phóng chiếm 58%, trong đó nhiều người trẻ, chưa có chuyên môn, nhưng tương lai đào tạo lâu dài, kế cận cho lớp đi trước. Nhiệm vụ của Đảng bộ phải giáo dục cho số cán bộ, nhân viên mới trưởng thành cả chính trị và nghiệp vụ là công việc rất nặng nề. Mặt khác, cán bộ ở miền Bắc tăng cường và cán bộ quân đội chuyển ngành, nhưng nhiều người chưa yên tâm công tác lâu dài.

Công tác củng cố chính quyền cấp huyện, sau cuộc bầu cử hội đồng nhân dân 2 cấp, tháng 7/1977, UBND huyện có 11 ủy viên và đã bầu đồng chí Trần

---

(1) Theo báo cáo số 23, ngày 20/12/1978 của Huyện ủy: Đến cuối năm 1978, cán bộ lãnh đạo, quản lý có 54 đồng chí, cán sự 91 đồng chí, đại học 18 đồng chí, trung cấp chuyên nghiệp 57 đồng chí, cán bộ kháng chiến tại chỗ 146 đồng chí, cán bộ tăng cường 163, quân đội chuyển sang 76, nhân viên mới tuyển dụng sau giải phóng 380 người. Văn hóa cấp I có 380, cấp II có 262 và cấp III có 114. Tuổi đời 30 trở xuống 60% và 50 trở lên 6%.

Ái Nhân làm Chủ tịch và kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân (HĐND). HĐND có 5 ban (chưa gọi Ban hội đồng), phụ trách theo dõi theo 5 khối: kinh tế, an ninh, quân sự, văn hóa- xã hội và giáo dục. Tuy nhiên, cán bộ các phòng, ban cấp huyện còn thiếu và yếu về quản lý kinh tế cũng như chuyên môn. Trước tình hình đó, năm 1978, Huyện ủy chủ trương củng cố chính quyền các cấp theo hướng không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bằng Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm tổ chức xây dựng, phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh quốc phòng trong mọi tình huống.

Đối với hệ thống chính quyền cấp xã đã cơ bản hình thành. Ngoài tăng cường 15 cán bộ huyện về cho 15 xã, UBND các xã đã có 112 cán bộ (13 nữ), 60 ban thôn có 294 người (18 nữ). Bộ máy chính quyền thôn, xã rất phức tạp, một số phần tử xấu chui vào làm sai chính sách của Đảng, Nhà nước, gây mất lòng tin của nhân dân. Trong đợt thực hiện Chỉ thị 05 của Tỉnh ủy, phát động quyền làm chủ của nhân dân, chính quyền xã, thôn được củng cố một bước, đã loại 24 người trong ủy ban các xã và 43 người trong chính quyền thôn không đủ phẩm chất chính trị và bổ sung 29 người vào ủy ban xã, 91 người vào cán bộ thôn. Đồng thời, các ban xã đội, an ninh, văn hóa, thông

tin, giáo dục, ban nông nghiệp và ban y tế - xã hội cũng được củng cố lại, cuối năm 1976, UBND 15 xã có 109 cán bộ (10 nữ), 61 ban chính quyền thôn có 293 cán bộ (20 nữ). Đến năm 1978, thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, công tác kiểm điểm, rà soát đội ngũ cán bộ, nhân viên sắp xếp lại tương đối chặt chẽ, đi đôi với cải tiến lề lối làm việc, nên hoạt động của ủy ban các cấp có đều hơn và quan hệ các ngành trên, dưới có tốt hơn. Tuy nhiên, một số cán bộ chủ chốt các xã như chủ tịch không phải đảng viên, quyền làm chủ tập thể của nhân dân chưa được phát huy đúng mức, hiệu lực chính quyền chưa mạnh, chưa thực hiện đầy đủ chức năng của hệ thống chính quyền vô sản trong quản lý, xây dựng kinh tế, pháp chế XHCN còn lỏng lẻo, quan hệ giữa Đảng với chính quyền chưa gắn chặt với nhau.

Về các đoàn thể quần chúng, ngày 12/5/1976, tỉnh Thuận Hải thành lập Ban Nông nghiệp tỉnh, Nông hội các cấp trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy. Đến tháng 11/1978, tổ chức Hội Nông dân tách ra khỏi Ban Nông nghiệp thành một đơn vị độc lập, nhưng đến năm 1984 tái nhập vào Ban Nông nghiệp. Từ tháng 8/1987, tái lập lại Hội Nông dân các cấp. Đối với Đức Linh, năm

1976, trưởng phòng nông nghiệp huyện, kiêm thư ký Hội Nông dân huyện. Đến tháng 6/1978, Huyện ủy chỉ định Ban Chấp hành Nông hội huyện.

Đối với các xã Bắc sông đã có tổ chức Nông hội từ trước năm 1975, còn các xã mới giải phóng sau mới thành lập, nên đến cuối năm 1976 toàn huyện có 13 ban chấp hành nông hội xã, 52 ban chấp hành nông hội thôn với số lượng hội viên lên 4.060 người, tăng 1.619 hội viên so với cuối năm 1975. Đến năm 1978, thực hiện Chỉ thị 03 của Trung ương và Chỉ thị 26 của Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh phát động quần chúng nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, học tập chính sách cải tạo nông nghiệp, Hội Nông dân các xã đã tiến hành đại hội, bầu 14 ban chấp hành và toàn huyện có 12.940 hội viên. Trong đó, có 11.088 hội viên đã tham gia phong trào hợp tác xã nông nghiệp.

Ban Chấp hành huyện hội Phụ nữ hình thành từ năm 1976 và 15 xã đều thành lập Ban Chấp hành, với 99 cán bộ và Ban Chấp hành 62 thôn có 258 cán bộ, có 8.281 hội viên sinh hoạt trong 779 tổ (so với năm 1975 tăng 3.938 hội viên). Đến năm 1978, củng cố lại, toàn huyện có 14 ban chấp hành phụ nữ xã, 40 ban chấp hành thôn và có 614 tổ với hội viên 13.119

người, chiếm 67% phụ nữ trong toàn huyện (18.669 người), trong đó có hơn 1.206 hội viên là người dân tộc. Phụ nữ hăng hái tham gia các phong trào thủy lợi, khai hoang, vận động giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ và gia đình khó khăn, neo đơn và tham gia công tác vận động các cháu trong tuổi mẫu giáo đến trường.

Năm 1976, hệ thống tổ chức Đoàn từ tỉnh đến cơ sở trong huyện đã xây dựng được 13 chi đoàn khối cơ quan Nhà nước và thành lập 5 xã đoàn, 8 chi đoàn xã và 22 chi đoàn các thôn. Số lượng đoàn viên ở chi đoàn, xã đoàn có 273, so với cuối năm 1975 tăng 115 đoàn viên. Năm 1977, tổ chức Đoàn ở các cơ quan được củng cố lại còn 6 chi đoàn và các địa phương đã thành lập 10 xã đoàn, 4 chi đoàn xã và 49 chi đoàn thôn. Tổng số đoàn viên toàn huyện có 736 người, trong đó có 45 đoàn viên là người dân tộc, 462 người là đoàn viên các xã. Qua các phong trào hoạt động của thanh niên, đến năm 1978, phát triển được 468 đoàn viên và nâng tổng số đoàn viên toàn huyện lên 1.116 người.

Năm 1976, toàn huyện có 5 ban chấp hành Hội Thanh niên Việt Nam xã, 54 ban chấp hành thôn, với 1.684 hội viên trong tổng số 9.366 thanh niên trong

toàn huyện. Đến năm 1978, hội viên thanh niên Việt Nam trong huyện lên 6.591 người [1].

Trong năm 1976, phong trào đoàn tập trung vào giải quyết vấn đề xã hội trước mắt và khai hoang, phục hóa. Năm 1977, có các phong trào "Tuổi trẻ trên mặt trận sản xuất", thanh niên tham gia các công trình thủy lợi của tỉnh. Đến năm 1978, đoàn viên, thanh niên trong huyện hăng hái tham gia các phong trào "thanh niên Thuận Hải mở hội bàn việc xây dựng CNXH", "đất nước và tuổi trẻ", "phong trào 3 xung kích làm chủ tập thể" do tỉnh đoàn phát động. Thanh niên trong huyện còn tham gia "Đại hội xã viên trẻ trên mặt trận sản xuất nông nghiệp", "thanh niên tham gia 4 mũi tiến công", thanh niên tham gia vào quản lý hợp tác xã, đội sản xuất, tham gia xây dựng 3 đội chuyên và hàng trăm thanh niên tham gia làm công tác thủy lợi, thanh niên xung phong dài hạn, thanh niên xung kích, thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự, đưa phong trào đoàn vào các trường học. Qua các phong trào

---

(1) Ngày 26/3/1976, Đoàn Thanh niên hai miền Nam, Bắc thống nhất mang tên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976) quyết định đổi tên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

của tuổi trẻ, nhiều thanh niên đã trưởng thành đóng góp vào nhiều lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội của quê hương.

Công tác xây dựng tổ chức Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, đến cuối năm 1976, toàn huyện đã xây dựng được 16 liên chi đội, 64 chi đội, 162 phân đội và đội viên tăng lên 1.815 em trong tổng số 9.747 em trong toàn huyện. Năm 1977, tổ chức thiếu niên toàn huyện đã có 18 liên chi đội, 84 chi đội, 266 phân đội, với tổng số 2.775 đội viên. Cũng từ năm 1977, cán bộ đoàn về làm cán bộ phụ trách đội các xã, các trường học đã được quan tâm hơn. Đến năm 1978, số lượng đội viên Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong toàn huyện đã tăng lên 4.521 em. Đây là lực lượng nòng cốt cho phát triển đoàn và tương lai của đất nước.

Tổ chức Công đoàn cơ sở tại các cơ quan, đơn vị được hình thành từ năm 1976, có 77 đoàn viên. Đến ngày 15/4/1982, huyện thành lập Công đoàn cấp huyện, các hoạt động theo chỉ đạo của chi bộ các cơ quan.

Tổ chức và hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong huyện đã từng bước đi vào nề nếp, thể hiện được chức năng lãnh đạo phong trào, giáo dục

hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong các mặt công tác của Đảng. Chuyển dần nội dung sinh hoạt hội, đoàn vào chức năng lãnh đạo xây dựng kinh tế, động viên được một lực lượng lớn lao động đi đầu trong lao động sản xuất. Mặt tồn tại là công tác xây dựng và phát triển hội viên chưa theo kịp với phong trào chung. Tổ chức các đoàn thể cơ sở chưa gắn với đội, tổ sản xuất. Sinh hoạt các đoàn thể phần nhiều chưa đều, nội dung còn nghèo nàn.

Về kinh tế nông nghiệp, thực hiện nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ huyện lần I đề ra, đã tập trung sức kéo cho khâu làm đất, giải quyết cho mảng Bắc sông và trong toàn huyện. Kết quả trong năm đã khai hoang, phục hóa 3.824ha/2.500 ha kế hoạch tỉnh giao. Đến ngày 10/10/1976 toàn huyện gieo trồng hơn 16.435 ha, thu hoạch tính ra lúa là 60.000 tấn (lúa 37.469 tấn). Đến năm 1977, Huyện ủy chỉ đạo triển khai sản xuất sớm, nên sức kéo tập trung cho sản xuất nông nghiệp, khai hoang phục hóa và tổng diện tích gieo trồng 21.014 ha (lúa tăng 2.403 ha, màu tăng 1.956 ha). Có được kết quả này là do Huyện ủy chỉ đạo sát từng khâu sản xuất, nắm bắt tình hình thời tiết, chỉ đạo gieo trồng từng loại. Tuy nhiên năm 1978, diện tích gieo trồng chỉ đạt 19.823

ha (so với năm 1977 chỉ đạt 94,09%). Mặc dù Cấp ủy đã chủ động có kế hoạch sớm về sản xuất năm 1978, nhưng đầu năm nắng hạn, giữa năm sâu rầy phát triển phá hoại mùa màng và gần cuối năm mưa lụt kéo dài, ngập úng 3.909 ha. Thời tiết năm 1978 không thuận lợi cho sản xuất, ảnh hưởng nhất định đến vụ mùa năm sau.

Năm 1976, tuy có chú ý phát triển chăn nuôi các loại gia cầm, gia súc và nhất là gia súc phân bố không đều ở các địa phương, nơi thiếu sức kéo, nơi thừa sức kéo. Để khắc phục tình trạng này, đến vụ mùa huyện điều 430 con trâu chuyển sang Bắc sông giúp phần cày đất ở đây. Đồng thời, trong năm việc chăn nuôi đạt 3.827 con trâu, 394 con bò, 9.415 con heo và gần 50 ngàn gia cầm. So với kế hoạch của tỉnh giao, chăn nuôi của huyện mới đạt 45%. Để khắc phục những hạn chế trong ngành chăn nuôi vừa qua, năm 1977 huyện chỉ đạo các cấp có kế hoạch phát triển chăn nuôi các loại nên đến cuối năm, đàn trâu có 4.417 con, bò 361 con và heo đạt 13.895 con. Đến năm 1978, đàn bò tăng lên 378 con, trâu giảm còn 4.399 con và đàn heo tăng lên 16.591 con; gia cầm đạt 87.622 con. Trâu, bò giảm là do một số chuyển ra ngoài địa phương, huyện không quản lý

chặt chẽ. Cũng trong năm, huyện thành lập 2 trại nuôi heo tập thể ở Võ Xu và xây dựng một trại chăn nuôi heo - cá ở Lạc Tánh, nhưng kết quả chưa cao do lương thực chế biến cho chăn nuôi tập thể và quốc doanh chưa hình thành kịp thời. Mặt khác, ở các xã có 70 cán bộ thú y, nhưng hoạt động phòng chống dịch bệnh, bảo vệ, phát triển gia súc, gia cầm đạt hiệu quả chưa cao.

Trong đợt phát động phong trào trồng cây nhớ ơn Bác, nhân mùa mưa năm 1976, cán bộ trong huyện đã trồng hơn 10.000 cây ăn trái các loại. Bên cạnh đó, tháng 10/1976, huyện tổ chức mở rộng mạng lưới kiểm lâm nhân dân để quản lý rừng. Năm 1976 đã khai thác 22.240 m^3 gỗ mới, sử dụng thêm 1.538m^3 gỗ khai thác cũ phục vụ cho việc xây dựng cơ sở vật chất tại huyện, làm tà vẹt cho việc xây dựng đường sắt, v.v... và chuyển về trên. Đến năm 1977, việc tổ chức quản lý lâm nghiệp có đi vào nề nếp. Huyện thành lập 7 tổ kiểm tra lâm nghiệp bố trí theo từng khu vực và 9 tổ khai thác lâm sản trực thuộc lâm trường. Năm 1978 tiếp tục khai thác gỗ phục vụ nhu cầu xã hội và sản xuất và lập một vườn ươm cây giống tại Gia An rộng 2 ha để gây giống cây mạt nưa và phượng vĩ. Huyện tập trung khai thác

các lâm sản như tre, mây, dầu rái, chai và củi. Đồng thời cấp phép cho dân khai thác gỗ để đầu tư nuôi rừng và nộp cho ngân sách theo kế hoạch. Trong năm, việc trồng rừng chưa thực hiện được, chủ yếu phân cho dân trồng cây phân tán và lập tổ kiểm lâm và đội phòng cháy - chống cháy ở các xã để góp phần vào việc bảo vệ rừng.

So với các địa phương trong tỉnh, Đức Linh có diện tích mặt nước tự nhiên khá phong phú nên thuận lợi cho việc phát triển cá nước ngọt. Từ năm 1976 đến đầu năm 1977, huyện chỉ đạo chặt chẽ việc khai thác cá nước ngọt ở sông, ao, hồ và Biển Lạc và thực hiện việc khoán cho nhân dân ở một số xã trong huyện. Nhưng do đặc điểm địa hình cũng như lưu lượng nước các mùa không được ổn định, nên kết quả không nhiều.

Công tác thủy lợi là một nhiệm vụ rất quan trọng của địa phương. Ngay từ đầu năm 1976, huyện đã triển khai xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ ở các xã Lạc Tánh, Võ Xu, Mê Pu, đồng thời đắp bờ vùng bờ thửa thuận lợi cho việc sản xuất. Phòng Nông nghiệp huy động cán bộ đo đạc lại đất ở các xã Bắc sông và cấp cho mỗi hộ 1.000m^2 để ở và sản xuất. Đến tháng 6/1976, các xã ở Bắc sông đã hoàn

thành xây dựng bờ vùng, bờ thửa trên các cánh đồng dài 20,5km và mỗi bờ vùng rộng từ 1 đến 5m, cao từ 0,5m đến 1m phục vụ đi lại, phân chia các vùng ruộng để giữ nước, một số tạo thành mương tưới tiêu. Việc đắp bờ vùng, bờ thửa là một việc làm mới đối với nhân dân, tạo nhiều thuận lợi cho nhân dân trong sinh hoạt và sản xuất. Còn tại xã Gia An, ta đang tiến hành xây dựng trạm bơm nước để phục vụ tưới tiêu cho 100 ha ruộng đất 2 vụ. Đến năm 1977, công tác thủy lợi đã trở thành nhiệm vụ cấp bách. Ngoài việc các xã huy động trên 203.620 ngày công để đắp bờ vùng, bờ khoanh, mương tưới, làm bờ xe nước (loại 9 bánh) và lắp đặt 13 máy bơm phục vụ chống hạn nhằm tưới tiêu cho 763 ha đất sản xuất. Tháng 5/1977, huyện tập trung chỉ đạo xây dựng công trình thủy lợi Trà Tân, là công trình trọng điểm của huyện và của tỉnh. Các xã huy động nhân dân đắp được 13km bờ vùng, bờ thửa và xây dựng 12 máy bơm dầu lưu động, phục vụ tưới cho 250 ha.

Công tác thủy lợi là một "mặt trận hàng đầu", đã huy động thanh niên và nhân dân trong độ tuổi lao động tham gia rộng khắp các vùng trong huyện. Với trách nhiệm cao, sau gần 3 năm lao động, các cánh đồng trong huyện đã hình thành hệ thống giao

thông nội đồng thuận lợi cho việc đi lại, giữ nước phục vụ việc tưới tiêu và qua đó cũng tạo cho bộ mặt nông thôn nhiều đổi thay. Song, mặt tồn tại là các bờ vùng, bờ thửa mới đắp xong bị mưa lụt năm 1978, nên bị hư hại nhiều. Công tác thủy lợi chưa đi đôi với việc cải tạo đồng ruộng.

Công tác cải tạo và xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp là một nhiệm vụ rất quan trọng trong xây dựng quan hệ sản xuất XHCN. Do đó, vừa lãnh đạo, chỉ đạo ổn định tình hình, đẩy mạnh sản xuất, huyện cũng thực hiện các chủ trương của Đảng, Chính phủ và của Tỉnh ủy về cuộc vận động công tác cải tạo trong nông nghiệp, nhằm xóa bỏ bóc lột ở nông thôn, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp [1]. Qua đó, phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động phát triển các mặt sản xuất trong nông - lâm nghiệp, phân công lại lao động và tăng năng suất lao động. Từng bước cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng nông

---

(1) Các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và tỉnh, như Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IV; Chỉ thị 15, 28, 29 của Ban Bí thư; Chỉ thị 43 của Bộ Chính trị và các thông tư của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ tỉnh, Chỉ thị 17 của Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải về xây dựng con đường làm ăn tập thể ở nông thôn.

thôn mới, con người mới XHCN. Làm cho nông nghiệp thành cơ sở, thuận lợi để phát triển công nghiệp, chăn nuôi, v.v...

Trong quá trình thực hiện công tác cải tạo gắn với xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp nhằm thực hiện đồng thời 3 cuộc cách mạng ở nông thôn. Qua đó, gắn cải tạo xây dựng nông nghiệp với công nghiệp và công thương nghiệp; gắn thay đổi quan hệ sản xuất và thủy lợi hóa, từng bước cơ giới hóa; gắn sản xuất với lưu thông phân phối, tổ chức lại đời sống nhân dân và gắn kinh tế với quốc phòng. Về mặt tổ chức, huyện chủ trương đào tạo đội ngũ cán bộ cho các hợp tác xã, đã cử 140 người là Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, 25 kế toán và 11 cán bộ định mức hợp tác xã về tỉnh học tập. Còn huyện đào tạo, bồi dưỡng cho 600 người là cán bộ ban quản trị, đội trưởng, đội phó, thư ký và kiểm soát viên hợp tác xã. Sau khi đào tạo, bồi dưỡng ở tỉnh, huyện, số cán bộ được chuyển về công tác tại các hợp tác xã và xã, làm nòng cốt cho phong trào ở địa phương. Đến tháng 6/1978, huyện Đức Linh đã đưa 97,6% hộ nông dân vào làm ăn tập thể trong 7 hợp tác xã nông nghiệp và 409 đội hợp tác lao động. Có được thành tích này là do từ sau ngày giải phóng, huyện đã tiếp tục duy trì, củng cố đội hợp tác lao động ở mảng Bắc sông có

từ thời chiến tranh [1] và năm 1976, huyện thành lập các tổ đoàn kết vần đổi công ở 7 xã Nam sông. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương của Đảng. Việc đưa nông dân vào làm ăn tập thể, ta tiến hành từng bước vận động, tổ chức cho nhân dân học tập đường lối, chính sách làm ăn tập thể của Đảng, nông dân làm đơn tự nguyện xin vào đội hợp tác lao động. Các bước tiến hành thận trọng, huyện tổ chức làm thí điểm mỗi xã 1 thôn, sau đó triển khai diện rộng.

Cùng với đưa dân vào làm ăn tập thể, trong toàn huyện đã tập thể hóa tư liệu sản xuất được 89% ruộng đất, 70% trâu bò, nông cụ với tinh thần tự nguyện của nhân dân. Chính nhờ có phong trào làm ăn tập thể sớm, nhân dân Đức Linh nói chung, nhân dân Tánh Linh nói riêng mới có sức mạnh để khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, làm kinh tế mới, làm thủy lợi và xây dựng bộ mặt xã hội ở nông thôn thay đổi so với trước chiến tranh. Đời sống nhân dân được cải thiện và hợp tác

---

(1) Từ năm 1965- 1971, trong vùng giải phóng ở Bắc sông La Ngà, ta vận động nhân dân tham gia phong trào vần đổi công trong sản xuất nông nghiệp. Năm 1971, 5 xã Bắc sông tổ chức được 11 tổ hợp tác vần đổi công. Năm 1975, chuyển các tổ vần đổi công ở 5 xã thành đội hợp tác lao động và lấy xã Mê Pu xây dựng hợp tác xã thí điểm của huyện và năm 1977 là hợp tác xã thí điểm của tỉnh.

xã thời gian này làm ăn có hiệu quả, thu nhập của xã viên tăng lên.

Phát triển con đường làm ăn tập thể trong nông nghiệp thúc đẩy phát triển các ngành nghề khác như thành lập 11 hợp tác xã mua- bán, tín dụng các xã đã có 16.264 xã viên và 17.731 cổ phần, góp phần giải phóng hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Qua đó, đã góp phần xây dựng các trạm cơ khí, máy kéo, máy xay xát phục vụ sản xuất, cũng như đội ngũ cán bộ kỹ thuật và các cơ quan quản lý chỉ đạo như ban nông - lâm nghiệp. Đặc biệt, đi đôi với xây dựng hợp tác xã, các nông - lâm trường quốc doanh của tỉnh, như lâm trường La Ngà cũng thành lập trên địa bàn huyện nhằm khai thác tiềm năng của địa phương vào phục vụ đời sống nhân dân và phát triển xã hội. So với cả tỉnh, có thể nói Đức Linh đã căn bản hoàn thành cải tạo quan hệ sản xuất cũ, bước đầu thiết lập quan hệ sản xuất mới XHCN.

Tại Đại hội tổng kết thi đua sản xuất giỏi lần thứ nhất năm 1976 của tỉnh Thuận Hải, huyện Đức Linh được tuyên dương là đơn vị có thành tích tương đối toàn diện. Trong đó, việc sản xuất đông xuân là công việc mới của nông dân trước đây chưa làm, đã đưa diện tích sản xuất tăng lên và đạt năng suất

trung bình 27 tạ/ha và ở Mê Pu có 5 ha đạt trung bình 80 tạ/ha.

Sau khi chọn Mê Pu làm thí điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và đúc rút những kinh nghiệm ưu, khuyết từ Mê Pu, 5 xã Bắc sông đã chuyển 2.542 gia đình lên làm nhà ở chân đồi và chuyển 650 ha đất thổ cư vào diện tích canh tác [1]. Năm 1978, toàn huyện có 7 hợp tác xã nông nghiệp, xã Mê Pu và Nghị Đức có quy mô hợp tác xã toàn xã.

Phong trào phát triển con đường làm ăn tập thể trong nông nghiệp và xây dựng đời sống mới, Đức Linh là một ngọn cờ đầu ở Thuận Hải, nên được nhiều đồng chí lãnh đạo ở Trung ương về thăm, động viên, chỉ đạo, như các đồng chí Tố Hữu, Vũ Oanh, Hà Xuân Trường, v.v...

Ngành công nghiệp và thủ công nghiệp của huyện so với các địa phương khác trong tỉnh sau khi tiếp quản không có gì đáng kể, chủ yếu một số máy cày, máy xát gạo, máy cưa chế biến gỗ, máy ép mía, lò gạch ngói, một số lò rèn, nhưng nhiều cơ sở bị hư hại, hoặc không sản xuất. Để khôi phục lại một số

---

(1) 5 hợp tác xã ở Bắc sông gồm: Sùng Nhơn, Nghị Đức, Mê Pu, Huy Khiêm và Bắc Ruộng, trong đó, các xã Nghị Đức, Huy Khiêm và Bắc Ruộng thuộc huyện Tánh Linh ngày nay.

ngành nghề trong tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp bị hư hại, huyện động viên số thợ và khuyến khích số người có tay nghề tham gia phục hồi lại số máy móc đã hư hỏng. Đồng thời cuối năm 1976, huyện thành lập 1 trạm cơ khí có 11 công nhân, đến 1978 có 9 cán bộ kỹ thuật làm nhiệm vụ sửa chữa các loại xe, máy cày phục vụ lưu thông và sản xuất. Liên Xô giúp huyện hình thành một trạm máy kéo có 21 chiếc để xúc tiến việc cày đất cho sản xuất nông nghiệp cũng như vận chuyển trên đồng ruộng. Từ năm 1977, huyện tập trung vào sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ xây dựng cơ bản ở địa phương.

Công tác thu mua lương thực cho Nhà nước được đặt ra. Nguồn lương thực trong huyện chủ yếu là lúa, khoai, mì. Ngoài phần thu thuế theo quy định, huyện tổ chức thu mua trong nhân dân và các đơn vị, cơ quan sản xuất tự túc. Để đạt kết quả này, toàn huyện có 12 trạm thu mua ở các xã hoặc theo khu vực. Ngoài 3 kho được thành lập trước đây, chứa được 600 tấn, huyện lập thêm 27 kho chứa 4.500 tấn. Năm 1978, do tình hình thời tiết không thuận lợi, nhiều diện tích sản xuất mất trắng, huyện triển khai trồng thêm cây cao lương, một loại cây chịu hạn có kết quả tốt, nên trong thu mua đạt kết quả khá, phục vụ cho nhiều nơi trong tỉnh. Cho nên trong năm 1976, huyện

thu mua hơn 1 triệu kg lúa và hơn 200.000 kg nông sản. Đến năm 1977, đã huy động hơn 8.110 tấn lương thực (quy thóc) vào kho Nhà nước.

Sau cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, chuyển dần một số tiểu thương sang sản xuất, phân loại ngành nghề có kế hoạch đưa vào làm ăn tập thể. Từ đó đã thành lập 1 cửa hàng trung tâm (công nghệ phẩm nông sản và điện máy, chất đốt) ở huyện, thành lập 3 cửa hàng khu vực và 11 hợp tác xã mua bán. Đến năm 1978, thành lập thêm 2 cửa hàng mua bán. Còn 2 xã miền núi được Phòng Thương nghiệp huyện trực tiếp tổ chức thực hiện bán hàng cho nhân dân. Ngoài nhận hàng phân phối của tỉnh chuyển về, ngành thương nghiệp huyện còn thu mua các hàng nông sản, lâm sản chuyển cho tỉnh và phục vụ cho nhân dân địa phương. Cùng với phân phối bảo đảm 6 mặt hàng cho cán bộ, nhân viên và 4 mặt hàng cho xã viên [1]. Công tác quản lý thị trường được triển khai nhằm thực hiện mục tiêu "thị trường có tổ chức" để quản lý giá cả, điều tiết xã hội. Tuy nhiên hàng hóa của thương nghiệp tỉnh chuyển về chậm cũng ảnh hưởng đến phân phối lưu thông ở địa phương.

---

(1) Từ 1976 - 1977, công nhân viên chức được mua cung cấp 6 mặt hàng theo tiêu chuẩn; từ năm 1979 trở đi mua 9 mặt hàng.

Công tác tài chính, ngân hàng phục vụ sản xuất và hoạt động xã hội đã đi vào nề nếp. Phần thu ngân sách các mục thu từ thuế tuy chưa nhiều do các loại thuế trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và công thương nghiệp còn ít. Chủ yếu nhận kinh phí từ tỉnh cấp về là chính [1]. Ngân hàng đã tập trung đầu tư vốn cho sản xuất nông nghiệp, cho các hợp tác xã, các cơ sở kinh doanh vay dài hạn và ngắn hạn. Ngoài ra đã huy động thêm tiền tiết kiệm trong nhân dân, cán bộ nhà nước để phục vụ vốn đầu tư cho sản xuất. Tuy nhiên, năm 1978, thực hiện đổi tiền thống nhất cả nước, nên việc thu - chi có chậm trễ. Hoạt động của ngân hàng chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp và phân phối lưu thông.

Các tuyến đường giao thông trong huyện, sau năm 1975, cầu cống bị hư hại, mùa nắng thì bụi, mùa mưa lầy lội đi lại khó khăn. Thực hiện sự lãnh đạo của huyện, các con đường trong huyện đã sửa chữa xong đưa vào sử dụng chở hàng hóa và hành khách; tổ chức đắp được 29.388m đường ra ruộng (bờ vùng, bờ thửa) phục vụ cho sản xuất. Đến năm 1978, đoạn đường từ xã Đoàn Kết đến Nghị Đức và từ xã Võ Xu

---

(1) Năm 1976, tổng thu 590.203đ; tổng chi 556.855đ. Năm 1977, tổng thu 1.313.905đ; tổng chi 1.240.705đ. Năm 1978, tổng thu 4.550.715đ; tổng chi 4.509.259đ.

đi Gia An bị trở ngại, ách tắc giao thông trong 4 tháng mùa mưa.

Bưu điện đã củng cố các bộ phận chuyên môn nên cơ bản đảm bảo được hoạt động thông tin liên lạc. Xây dựng hệ thống điện thoại hữu tuyến phục vụ liên lạc cho các đơn vị cấp huyện và 5 xã: Võ Đất, Võ Xu, Nam Chính, Gia An, Mê Pu để liên lạc với tỉnh và huyện Hàm Tân. Năm 1977, Bưu điện được chỉnh đốn lại, thành lập 1 trạm chính, đặt 6 tổng đài ở 6 khu vực và toàn huyện đã có 11 xã được lắp máy. Năm 1978, ta tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống liên lạc ở Bắc sông và liên lạc về tỉnh. Ngoài ra, Bưu điện còn chuyển đi, nhận về, phát hành thư từ, báo chí phục vụ cho sự chỉ đạo và sinh hoạt của nhân dân. Có thể nói bưu chính viễn thông trong huyện đã có nhiều cố gắng để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Xây dựng vùng kinh tế mới ở Đức Linh là nhiệm vụ của huyện, của tỉnh nhằm phân bổ lao động và giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân. Năm 1976, tỉnh thành lập Ban kinh tế mới đóng ở xã Đoàn Kết để chỉ đạo công tác này. Từ cuối năm 1976, huyện đã tiếp nhận nhân dân các nơi trong tỉnh đến định cư ở các địa phương trong huyện. Đi đôi với lo sắp xếp nơi ăn chốn ở cho nhân dân mới đến, trên

địa bàn huyện cũng có kế hoạch định cư cho hơn 6.100 người dân tộc miền núi ở La Ngâu, Măng Tố ổn định cuộc sống và sản xuất. Đến năm 1977, huyện quy hoạch khu dân cư ở 5 xã Bắc sông và bố trí lại 2.524 hộ sống phân tán trên đất sản xuất trước đây. Năm 1978, huyện tiếp tục nhận 20.000 nhân dân các nơi đến Đức Linh (1).

Việc di dân xây dựng kinh tế mới kết hợp với khai hoang, phục hóa và quy hoạch dân cư, từ năm 1976- 1977 huyện mới triển khai từng bước nên các hoạt động chưa đồng bộ và khai hoang còn tùy thuộc từng địa bàn. Trước tình hình đó, ngày 4/2/1978 Thường vụ Huyện ủy Đức Linh ra Chỉ thị số 02 nhằm thực hiện Chỉ thị 08 của Thường vụ Tỉnh ủy mở chiến dịch khai hoang ở Đức Linh, mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, tăng nhu cầu lương thực trong huyện và tỉnh cũng như xây dựng vùng kinh tế mới. Chiến dịch khai hoang thực hiện từ ngày 12/2

---

(1) Năm 1976, nhân dân Phan Thiết là địa phương mở đầu đi xây dựng kinh tế ở Đức Linh. Từ năm 1977 đến 1979, nhân dân thị xã Phan Thiết và các huyện Hàm Tân, Hàm Thuận, Phú Quý lần lượt đến Đức Linh. Cũng trong thời gian này, nhân dân ở tỉnh Long An, Bình Trị Thiên (cũ), Thái Bình, Thanh Hóa và quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh cũng đến xây dựng kinh tế mới ở Đức Linh.

đến 10/4/1978 kết thúc. Đối với 5 xã Bắc sông có nhiệm vụ khai hoang diện tích đất mới cho tỉnh, ngoài ra các xã còn khai hoang mở rộng đất sản xuất cho địa phương mình. Diện tích khai hoang được căn cứ vào số lượng dân cư về địa phương để định mức diện tích khai hoang mới. Vùng khai hoang được xác định từ cổng thôn 2 Mê Pu đến rừng thôn 4 xã Nghị Đức và bao hai bên phía Đông và Tây đường lộ 2... Huyện thành lập một ban chỉ đạo khai hoang phối hợp với tỉnh và mỗi xã huy động nhân dân tham gia hình thành các tiểu đoàn và ban chỉ huy tiểu đoàn các xã có 7 đồng chí, bao gồm cấp ủy, ủy ban, xã đội, công an và đại diện các đoàn thể. Chiến dịch khai hoang đợt này có các công việc: cất, phát, đốt và dọn. Mỗi nhà cất mới có chiều dài 6m và chiều rộng 5m. Đợt ra quân với khí thế "Ra quân một lúc, kết thúc một ngày". Kết quả sau gần 2 tháng lao động, 5 xã Bắc sông đã khai hoang cho tỉnh được gần 700 ha, các xã mở rộng thêm 1.992 ha và làm mới 1.260 căn nhà cho nhân dân. Để thực hiện nhiệm vụ này, huyện đã huy động tổng lực lao động tham gia và chi phí hàng ngàn đồng [1]. Đây là đợt khai hoang có quy mô lớn nhất,

---

(1) Bình quân chi phí 1 ha 550đ (rừng loại 1 là 500đ/ha, hoặc là 550đ và loại 3 là 600đ) và mỗi căn nhà 350đ. (Tính giá trị tiền theo thời gian này).

là đại công trường và huy động lực lượng lao động cũng như chi phí cho lao động lớn nhất của tỉnh và huyện. Tuy nhiên, trong việc định canh, định cư xây dựng vùng kinh tế mới còn có một số hạn chế do tính chất phong trào nên triển khai bề nổi, đáp ứng một số công việc trước mắt. Một số nhà làm cho dân ở từ năm 1976 đến năm 1977, 1978 đã hư hại. Một số dân từ các nơi khác đến trong điều kiện đang mùa mưa nên không kịp sản xuất và trong năm 1978 khí hậu, thời tiết khắc nghiệt nên nhiều gia đình bị ốm đau. Trong quá trình di dân đến vùng kinh tế mới đã có 141 hộ, với 1.030 khẩu tự bỏ về lại quê cũ.

Công tác thông tin - tuyên truyền cũng được củng cố chuyên môn, nghiệp vụ. Ngay từ đầu năm 1976, Phòng Thông tin văn hóa huyện đã thành lập tổ in ấn, tổ truyền thanh - triển lãm và tổ tin tức - báo chí. Các xã đều hình thành ban Thông tin - Văn hóa và 54 thôn có cán bộ chuyên trách. Toàn huyện có 45 tổ phát loa tay làm nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và 15 đội văn nghệ. Đến năm 1977, huyện tiếp tục củng cố mạng lưới thông tin từ huyện về cơ sở, đưa hoạt động của ngành và trọng tâm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, phục vụ cho việc chỉ đạo các mặt công tác ở địa phương. Các hoạt động với các hình

thức: thông tin cổ động, tổ chức hội diễn văn nghệ, hội thao, bóng đá, bóng chuyền, chiếu phim, triển lãm và truyền thanh cơ sở. Năm 1978, xây dựng Đài truyền thanh huyện cùng với mạng lưới thông tin lưu động các xã đã tuyên truyền đến cơ sở. Từ năm 1977 trở đi, Phòng Thông tin - Văn hóa huyện ra bản tin và một số tập thơ, "tờ rơi" tài liệu tuyên truyền, áp phích. Đồng thời, mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin - văn hóa.

Năm học 1975 - 1976, là năm đầu tiên sau giải phóng, toàn huyện có 22 trường cấp 1 và mẫu giáo(1). Đến năm 1977 và 1978, huyện mở thêm trường cấp II, cấp III vừa học vừa làm. Học sinh có nâng cao hơn về số lượng và chất lượng, được nhà trường cấp sách giáo khoa và không phải đóng học phí.

Các lớp bổ túc văn hóa và bình dân học vụ được duy trì và học viên đi học khá đông. Cuối năm 1976, đã cơ bản xoá nạn mù chữ ở 6/15 xã, với 5.193/6.025

---

(1) Năm học đầu tiên sau giải phóng (1975- 1976), cấp I có 19 trường (6 trường vùng giải phóng Bắc sông trước đây), cấp II có 2 trường ở thị trấn Võ Đất và trường cấp II+ III ở Võ Đất (riêng cấp III chỉ có 2 lớp, còn cấp II có 15 lớp và cấp I có 226 lớp). Về học sinh cấp I có 10.312 em (4.584 nữ), cấp II có 757 em và cấp III có 102 em.

người theo học [1]. Đến năm 1977, các lớp bổ túc văn hóa thường xuyên có trên 4.000 người đến lớp và lúc cao điểm có 6.400 người tham gia học tập. Phong trào học bổ túc văn hóa và bình dân học vụ phát triển khá, được tỉnh chọn là lá cờ đầu và có số học sinh đạt tốt nghiệp khá cao.

Để đạt được thành tích trên, huyện vừa đầu tư cơ sở vật chất, vừa tăng số lượng giáo viên [2]. Năm học 1976 - 1977, đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy cấp I có 275, cấp II có 41, mẫu giáo 54 giáo viên. Về bổ túc văn hóa và bình dân học vụ có 16 giáo viên chuyên trách và 318 giáo viên nghiệp dư. Năm học 1977 -1978, giáo viên cấp I có 313, cấp II có 54 và mẫu giáo có 42 giáo viên. Tuy vậy, ngành giáo dục huyện còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trường lớp phần nhiều là tranh, tre, nứa lá nên thường bị hư hỏng. Đội ngũ giáo viên tuy được tăng cường, song một số không an tâm với nghề, chất lượng giảng dạy còn hạn chế.

---

(1) Các xã đã thanh toán nạn mù chữ là: Huy Khiêm, Sùng Nhơn, Nghị Đức, Võ Đất, Mê Pu và Gia An.

(2) Giáo viên cấp I có 223 người, cấp II có 20 và cấp III có 6 người. Trong đó, giáo viên mới đào tạo 159 người, giáo viên cũ lưu dụng là 84 người và miền Bắc tăng cường 112 người.

Ngành y tế, huyện có 1 bệnh viện và 3 bệnh xá theo vùng. Đối với tuyến xã có 13 trạm xá. Các cơ quan khối Đảng, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang đều có y tá phục vụ. Có thể nói sự quan tâm của huyện đối với công tác phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân được chú ý đúng mức trong hoàn cảnh đang gặp nhiều khó khăn. Từ mạng lưới y tế đều khắp các tuyến huyện - xã - thôn, Phòng Y tế huyện đã phát động nhân dân tham gia phòng chống bệnh, nhất là sốt rét. Với các biện pháp phun thuốc diệt muỗi, kêu gọi nhân dân ngủ màn tránh muỗi và giải quyết ao tù, nước đọng để tránh muỗi sinh sản, ăn ở vệ sinh. Cùng với phòng chống sốt rét, công tác phòng dịch bệnh theo mùa cũng được đề ra. Bên cạnh đó, việc khám, điều trị bệnh hàng năm cũng đạt khoảng 6 đến 7 ngàn người [1].

Các tủ thuốc được mở ra nhiều nơi phục vụ cho nhân dân. Ngoài các tủ thuốc quốc doanh, huyện còn cho mở các tủ thuốc dân lập phục vụ ở các xã. Đồng thời, thuốc nhận ở trên về không đủ, ngành dược của huyện đã bào chế được các chủng loại tân dược,

---

(1) Năm 1976, tiếp nhận khám 5.098 lượt người; năm 1977 có 6.479 người và năm 1978 là 9.557 người.

đông dược phục vụ phòng - chữa bệnh cho nhân dân. Việc bảo vệ bà mẹ, trẻ em cũng được ngành y tế huyện quan tâm. Ngoài việc chú ý khám - chữa bệnh cho các cháu, Phòng Y tế huyện phối hợp với các đoàn thể phát động phong trào chăm sóc, bảo vệ thiếu nhi nhân các ngày Quốc tế 1/6. Theo dõi sinh đẻ của chị em và tuyên truyền nuôi dạy con tốt, từ đó tỷ lệ trẻ em tử vong giảm.

Thực hiện chủ trương của Đảng, về các chính sách thương binh và xã hội, tháng 10/1976, huyện tổ chức một tháng điều tra xác minh các mộ cán bộ, chiến sĩ hy sinh tại Võ Xu, sau đó rút kinh nghiệm triển khai ở 5 xã Bắc sông. Ngoài ra, huyện còn giải quyết làm thủ tục, xác định loại thương binh cho hàng trăm người. Song song với công tác liệt sĩ, thương binh, công tác trợ cấp xã hội cho số cán bộ về hưu, gia đình khó khăn và cho 14 cháu là con em liệt sĩ, mồ côi không nơi nương tựa đi học. Đồng thời, đến năm 1978, huyện thành lập 4 ban chấp hành Chi hội Chữ thập đỏ. Công tác thương binh - xã hội đã có nhiều cố gắng giải quyết chính sách xã hội cho gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình chính sách và hỗ trợ cho gia đình khó khăn, rách, đói. Công tác điều tra, xác minh và quy tập liệt sĩ ở các nơi trong huyện là một việc làm lâu dài.

Sau ngày giải phóng, lực lượng vũ trang huyện đã được củng cố, nhưng lực lượng dân quân, tự vệ cơ sở, công an thôn chưa hoàn thiện. Đến năm 1976, huyện tiếp tục chỉ đạo xây dựng 15 ban chỉ huy xã đội, 56 ban chỉ huy thôn đội và 3 xã miền núi ta tổ chức du kích, thành lập 1 trung đội và 4 tiểu đội. Tuy nhiên, lực lượng dân quân, du kích xã, thôn trong xây dựng mới chú ý đến số lượng, nên năm 1977 huyện chủ trương củng cố để xây dựng chất lượng. Sau bầu cử HĐND, các xã đã củng cố lại ban chỉ huy xã đội và lực lượng thường trực xã. Đến năm 1978, lực lượng vũ trang huyện so với năm 1977 tăng lên 16% và lực lượng bán vũ trang tăng 18,25%. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang trong huyện được trang bị về kiến thức quốc phòng, học tập chính trị cũng như chuyên môn nghiệp vụ của mình.

Công an huyện được hình thành từ tháng 3 năm 1976 do đồng chí Trịnh phụ trách, trụ sở cơ quan đóng tại thôn 1, xã Nam Chính. Công an huyện có các bộ phận chuyên môn, cùng một số đồn, số trạm để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn bảo vệ an ninh trong huyện và 15 xã đã hình thành ban công an. Đến năm 1977, thực hiện chủ trương chỉnh đốn lại lực lượng, chọn lọc những người có phẩm chất, trách nhiệm nên phần nhiều ban công an xã, thôn số lượng giảm.

Năm 1976, là năm tuyển quân đầu tiên sau giải phóng, huyện đã tuyên truyền phát động trong nhân dân và tổ chức học tập các quy định, nghĩa vụ quân sự cho thanh niên. Trong tổng số 4.741 thanh niên (1.444 nữ) trong toàn huyện, đã có 4.162 người đi đăng ký, 343 (49 nữ) thanh niên đã trúng tuyển đợt đầu và phát lệnh điều động đi nghĩa vụ cho 323 (34 nữ) thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự, thời hạn 5 năm. Từ năm 1977 đến năm 1978, việc tuyển quân đều đạt chỉ tiêu.

Công tác bảo vệ an ninh trật tự, trị an trong huyện thường xuyên được thực hiện. Tháng 2/1976, huyện thành lập ban chỉ huy truy quét, huy động lực lượng vũ trang huyện, dân quân, du kích các xã tham gia đã mở đợt cao điểm truy quét bên ngoài (1) và phát động quần chúng tham gia phong trào an ninh tổ quốc. Qua các đợt truy quét của ta, hoạt động chống phá của bọn tàn quân và phản động có giảm, chỉ còn phát hiện dấu vết ở núi Cà Tòn, Núi Dinh (Tánh Linh). Trong nhân dân, một số ngụy quân, ngụy quyền chưa cải tạo tốt đã tuyên truyền, tung tin về Đảng phục quốc, Dân quân phục quốc, Mặt trận

---

(1) Đợt 1 từ 15/2 đến 20/3; đợt 2 từ 25/3 đến 30/3 và đợt 3 từ 1/5 đến 30/6/1976.

cứu nguy dân tộc, để kích động quần chúng chạy theo FULRO... Từ năm 1978, lợi dụng chiến tranh biên giới Tây Nam, một số phản động đội lốt tôn giáo, số ngụy quân, ngụy quyền ngoan cố ở địa phương nổi lên chống phá ta trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội. Bọn FULRO ở giáp ranh với tỉnh bạn về móc nối số phản động ở miền núi trong huyện. Trước tình hình đó, thực hiện Chỉ thị 04 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết quân sự địa phương, huyện đã triển khai các bước đối phó toàn diện, liên tục, chặt chẽ, huy động các lực lượng vũ trang và quần chúng tham gia truy quét bên ngoài, trấn áp bên trong, bắt giữ và truy phá nhiều tên phản động, giữ bình yên trong địa phương.

Để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ II (nay là lần thứ V của Đảng bộ tỉnh Bình Thuận) tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V vào đầu năm 1982. Sau một thời gian thực hiện Chỉ thị 29 ngày 30/9/1978 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị 55 ngày 14/10/1978 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức Đại hội Đảng các cấp, Đảng bộ huyện Đức Linh đã triển khai cho các cơ sở Đảng tiến hành Đại hội Chi - Đảng bộ và chuẩn bị nội dung, tổ chức cho Đại hội Đảng bộ huyện.

Sau gần một năm chuẩn bị, từ ngày 8 đến ngày 12/8/1979, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ thứ II đã khai mạc. Qua 5 ngày làm việc, Đại hội nghe và thảo luận Báo cáo kiểm điểm đánh giá nhiệm kỳ I, Báo cáo công tác xây dựng Đảng, bầu cử Ban Chấp hành khóa II có 29 ủy viên (2 dự khuyết) và Ban Thường vụ có 9 đồng chí. Đồng chí Lê Khắc Thành, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, được Tỉnh ủy phân công về làm Bí thư Huyện ủy; sau Đại hội II Đảng bộ huyện, đồng chí về tỉnh công tác và đồng chí Nguyễn Nhẫn thay tiếp tục làm Bí thư Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ II; đồng chí Trần Tuấn Anh và Trần Ái Nhân làm Phó Bí thư.

Như vậy, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I, Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã hoàn thành nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, bước đầu cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II ra Nghị quyết về đánh giá tình hình nhiệm kỳ I và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Đảng bộ trong thời gian tới (1979 - 1980). Nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ huyện phải thực hiện là tổ chức sản xuất, đời sống; hoàn thành việc cải tạo và xây dựng CNXH; tăng

cường an ninh quốc phòng; ra sức xây dựng Đảng. Nghị quyết cũng nêu ra các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1979 - 1980 (1) và đến năm 1981, Ban chấp hành Đảng bộ ra Nghị quyết cho nhiệm vụ trong năm 1981 - 1982.

Thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ lần thứ II, công tác xây dựng Đảng thực hiện các chỉ thị 83, 72 và 55 của Trung ương và các Chỉ thị của Tỉnh ủy, Huyện ủy. Năm 1980, công tác xây dựng Đảng được xác định tập trung vào làm cho nội bộ Đảng trong sạch vững mạnh, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, năng lực lãnh đạo của các cơ quan Đảng, phát triển đảng viên theo Chỉ thị 83 của Trung ương, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện đề ra. Đây cũng là nhiệm vụ xuyên suốt của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ II. Ngoài thực hiện nhiệm vụ phát triển đảng viên nhân các đợt 3/2, 19/5, 2/9 còn kết hợp với nâng cao chất lượng đảng viên.

---

(1) Các chỉ tiêu phấn đấu trong 2 năm 1979- 1980: lương thực đạt 64.000 tấn. Huy động lương thực cho Nhà nước 11.000 tấn. Diện tích canh tác 17.096 ha. diện tích gieo trồng 26.200 ha và khai hoang 600 ha. Trồng rừng 170 ha. Tổng đàn gia súc 33.200 con. Tổng giá trị xuất khẩu 2 triệu đồng.

- Các năm 1981, 1982, Ban chấp hành Huyện ủy họp tổng kết và đã ra Nghị quyết hàng năm.

Đại hội lần thứ II của Đảng bộ xác định, Đức Linh là một huyện có cơ cấu: nông - lâm- công nghiệp. Trên cơ sở đó xác định nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, trọng tâm là phát triển kinh tế.

Thực hiện Nghị quyết 36, Thông tri 126 của Trung ương về rèn luyện phẩm chất Cộng sản cho đảng viên. Đảng bộ lãnh đạo công tác tư tưởng có nhiều tiến bộ trong việc tổ chức học tập Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, đảng viên. Từ nhận thức của cán bộ, đảng viên tuyên truyền ra quần chúng càng được đẩy mạnh.

Về xây dựng Đảng, đến tháng 11/1982, toàn Đảng bộ có 748 đảng viên (85 đồng chí nữ và 50 đồng chí dự bị), sinh hoạt trong 47 cơ sở Đảng (1). Đến đầu năm 1982 đã có 647 đồng chí được nhận thẻ Đảng, số chưa phát thẻ Đảng do mới kết nạp, số vắng mặt và một số đồng chí còn phải xem xét thêm. Bên cạnh đó, thực hiện Chỉ thị 32 và Thông tri 27

---

(1) Số đảng viên được kết nạp trong chống Mỹ 357 đồng chí; tăng cường từ quân đội và phía Bắc vào 40 đồng chí và mới phát triển sau năm 1975 là 159 đồng chí. Trong đó, khu vực nông thôn có 17 cơ sở Đảng, có 380 đảng viên; khu vực miền núi 2 cơ sở với 70 đảng viên và khu vực nhà nước có 28 cơ sở với 298 đảng viên.

của Trung ương, đến ngày 31/12/1982 Đảng bộ còn 701 đồng chí [1].

Cuộc vận động chính trị nhằm xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh từ năm 1980 đã đạt được kết quả cơ bản, làm chuyển biến sâu sắc trong từng ngành, từng xã, thị trấn và đơn vị [2]. Nhiều cơ sở Đảng từ yếu kém đã được củng cố. Tuy còn một số hạn chế, nhưng những kết quả trên trong công tác xây dựng Đảng bộ huyện đã tạo cơ sở cho bước phấn đấu những năm sau, đáp ứng tốt nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Đạt được kết quả trên là do Đảng bộ tập trung chỉ đạo thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy vào thực tiễn của công tác xây dựng Đảng. Mặt hạn chế là Huyện ủy lãnh đạo, chỉ đạo trong cơ cấu kinh tế nông- lâm- công nghiệp còn một số mặt chưa đồng bộ, chặt chẽ. Đoàn thể quần chúng và chính quyền còn một số nơi hoạt động còn yếu, hiệu quả thấp.

---

(1) Tính cả 3 năm, đưa ra khỏi Đảng là 152 (trong đó khai trừ 68, xóa tên 67, vận động rút tên ra khỏi Đảng là 17).

(2) Năm 1980, chi bộ xã Đoàn kết được phát thẻ đảng; năm 1981 có thêm 29 cơ sở và số còn lại phát thẻ vào năm 1982. Đến tháng 5/1982, phân loại đảng viên có 728 đồng chí đủ tư cách và 25 đồng chí chưa đủ tư cách: loại 1 có 287 đồng chí, loại 2 có 144 đồng chí, loại 3 có 181 đồng chí, loại 4 có 23 đồng chí, loại 5 có 16 đồng chí và loại 6, do xem xét không kỹ đã phát thẻ 9 đồng chí.

Ngày 13/5/1979, thực hiện bầu cử Hội Đồng nhân dân 2 cấp huyện- xã khóa II. Nhân dân các xã trong huyện đã nô nức đi bầu, thực hiện quyền công dân của mình. Qua đó củng cố một bước chính quyền cơ sở. Đầu năm 1980, thực hiện Chỉ thị 33 và Quyết định 139 của Hội đồng Chính phủ, HĐND huyện thành lập 15 ban và cấp xã, phường thành lập 5 ban chuyên môn để giúp, tham mưu lãnh đạo xã hội có hiệu quả và ngày 1/4/1980 các ban chuyên môn các cấp đi vào thực hiện theo cơ chế mới. Sau củng cố, huyện phân loại có các xã Nghị Đức, Đồng Kho,... hoạt động khá; các xã loại trung bình là La Dạ, Lạc Tánh, Huy Khiêm và La Ngâu...; các xã còn yếu kém là Nam Chính, Suối Kiết, Gia An, Bắc Ruộng.... Khó khăn lúc này là thiếu cán bộ, hoạt động của UBND và HĐND hoạt động chưa đều và các xã chưa hình thành đầy đủ 5 ban chuyên môn (1).

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện tổ chức Đại hội lần thứ I vào ngày 9/7/1978, bầu Ủy ban Mặt trận có 38 vị và Thường trực có 6 vị. Mặt trận các xã tiến hành đại hội, số lượng ủy viên Ủy ban Mặt trận nơi nhiều có 17 vị, nơi ít 13 vị và đồng chí Thường trực Đảng ủy kiêm Chủ tịch Mặt trận. Công tác mặt trận

---

(1) Theo điều tra Dân số năm 1979, toàn huyện có 113.992 người.

đã hình thành tổ chức từ huyện đến cơ sở, nhưng hoạt động chưa đều, cán bộ chưa được bồi dưỡng về chuyên môn và còn kiêm nhiệm nhiều.

Hội Nông dân tập thể [1] tiến hành Đại hội cấp huyện, bầu Ban Chấp hành có 19 đồng chí, chuyên trách có 7 đồng chí. Từ năm 1977 đến năm 1979 các xã đều thành lập Hội nông dân cơ sở và Ban Chấp hành hội, cơ cấu theo khu vực hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Toàn huyện có 11.982 hội viên (2.516 nữ). Năm 1979, thực hiện Chỉ thị 116/CT của Trung ương Đảng và Nghị quyết 31 Tỉnh ủy về củng cố tổ chức hội, Hội đồng Kiểm soát trong hợp tác xã thay Ban Chấp hành Hội trước đây và trực tiếp chỉ đạo đến các tổ đội sản xuất. Ngày 25/3/1980, Hội nghị Đại biểu Nông dân tập thể huyện đã khai mạc.

Hội nghị Đại biểu đã bầu Hội đồng Nông dân tập thể huyện có 28 ủy viên, có 6 đồng chí thường trực. Đến năm 1983, Hội đồng Nông dân tập thể huyện còn 10 ủy viên. Hội viên từ 14.162 trong năm 1979 tăng lên 26.397 trong năm 1980, sau đó giảm xuống còn hơn 15.000. Phong trào nông dân có vai

---

(1) Từ năm 1960 đến năm 1978, tổ chức Hội nông dân mang tên "Hội Nông dân giải phóng", gọi tắt là Nông hội. Từ năm 1979, thực hiện Chỉ thị 78 của Trung ương thành lập Hội Liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam.

trò nòng cốt trong việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, Nhà nước và xây dựng con đường làm ăn tập thể trong nông nghiệp. Toàn huyện đã có 27 hợp tác xã và 29 tập đoàn sản xuất với 15.688 xã viên, đã huy động 80% nông dân vào làm ăn tập thể. Tài sản hợp tác xã ngày được xây dựng và phát triển hơn, có sân kho, hội trường, máy móc phục vụ sản xuất và bước đầu thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đạt kết quả [1]. Trong phong trào xây dựng con đường làm ăn tập thể đã thể hiện 3 nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ và thực hiện hài hòa 3 lợi ích: Nhà nước, tập thể và cá thể. Tuy nhiên còn một số người vào làm ăn tập thể còn có tư tưởng so đo và làm ăn kiểu chân trong, chân ngoài, lãnh ruộng nông trường, không lãnh ruộng khoán; một số xã viên không trực tiếp sản xuất bỏ đi buôn. Một số là hội viên nông dân tập thể, nhưng vẫn làm ăn cá thể.

Thực hiện Nghị quyết 20 của Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam về phát động phong trào phụ nữ

---

(1) Chỉ thị số 100 ngày 18/1/1981 của Ban Bí thư Trung ương về cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp. Xã viên thực hiện 3 khâu trong sản xuất là gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch; hợp tác xã thực hiện 2 khâu thủy lợi và cày đất.

mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tổ chức Hội phụ nữ trong huyện liên tục được kiện toàn, củng cố. Ban Chấp hành huyện hội có 11 chị, 7 xã có ban chấp hành và 33 hợp tác xã hình thành ban cán sự. Tổng số hội viên đến năm 1983 có 9.607 người. Hội Phụ nữ huyện đã tích cực tham gia quản lý kinh tế- xã hội, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng người phụ nữ mới. Phụ nữ còn gương mẫu, đầu tàu trong sản xuất và quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Tuy nhiên, phụ nữ tham gia công tác cấp ủy còn ít và vai trò vị trí đầu ngành cũng chưa nhiều; ý chí phấn đấu của một số chị em chưa cao. Cá biệt, có hội viên xin ra khỏi Đảng, xin nghỉ việc và đề nghị miễn công tác.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn được Huyện ủy trực tiếp lãnh đạo để xây dựng và tập hợp thanh niên. Về tổ chức, Ban chấp hành Huyện Đoàn có 13 đồng chí (2 đồng chí thường trực cơ quan, còn 11 đồng chí phụ trách cơ sở). Toàn huyện có 1.025 đoàn viên, sinh hoạt trong 8 xã đoàn, 26 chi đoàn cơ sở và 92 chi đoàn trực thuộc chi đoàn cơ sở. Đoàn và thanh niên là lực lượng nòng cốt trong phong trào sản xuất nông nghiệp, thâm canh tăng vụ, áp dụng khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, thực hiện khoán mới và tham gia tích cực các công trình thủy

lợi. Thanh niên tham gia nghĩa vụ quân sự, tham gia bảo vệ an ninh trật tự, an toàn địa phương và góp phần vào xây dựng nền văn hóa mới, con người mới XHCN. Hạn chế của Đoàn là phát triển đoàn viên, hội viên thanh niên còn chậm, chất lượng Đoàn có giảm sút chưa theo kịp với yêu cầu mới. Thanh niên chưa thực hiện tốt nhiệm vụ trong 3 cuộc cách mạng và một số thanh niên còn ngại gian khổ, cá biệt có thanh niên còn trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

Về nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất và tiếp tục củng cố hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và từng bước kiện toàn quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp trên địa bàn huyện vẫn được đẩy mạnh. Từ năm 1980 đến năm 1983, huyện chủ trương củng cố phong trào hợp tác hóa để thực hiện Nghị quyết 31 của Thường vụ Tỉnh ủy. Qua đó, thực hiện chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, thanh toán tiền hóa giá trâu bò, phát triển các ngành nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp cho xã viên.

Từ năm 1982, thực hiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp, năng suất lúa từ 20 tạ/ha/vụ tăng lên 28 đến 30 tạ/ha/vụ, có một số hợp tác xã đạt trên 60 tạ/ha/vụ đã làm cho nông dân phấn khởi. Từ đó, sản lượng lương thực từ năm 1979 là 10.802 tấn lên 46.731 tấn trong năm 1982. Các ngành nghề khác

được phát triển phục vụ tốt cho sản xuất và đời sống nhân dân. Mặc dù thời tiết năm 1982 bị hạn, 1983 bị lụt, nhưng thu nhập tăng, tạo cho xã viên sự phấn khởi, tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng.

Để phát triển chăn nuôi, nhất là đàn heo, huyện thực hiện ký kết hợp đồng chăn nuôi với xã viên. Các hợp tác xã mua bán cũng thu mua và bán thịt cho nhân dân.

Trong công tác thủy lợi, ngoài việc tập trung cho công trình trạm bơm Võ Xu để hoàn thành 12 cống tưới, 1 cống tiêu, huyện còn sửa lại các đập, nạo vét kênh và làm mới trên các cánh đồng Gia An, Lạc Tánh, Nam Chính phục vụ cho sản xuất.

Ngành lâm nghiệp được tăng cường cán bộ, nhưng vẫn chưa đủ sức hoạt động. Thực hiện giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý chưa đạt kết quả, nạn phá rừng vẫn diễn ra. Tuy nhiên, việc phát động trồng đào phủ xanh đất bạc màu đạt kế hoạch đề ra và tỷ lệ cây sống đạt 95%. Về khai thác gỗ, củi của lâm trường quốc doanh và hợp tác xã đạt thấp.

Tiểu thủ công nghiệp huyện có phát triển về ngành nghề và giá trị trong năm 1980, 1981, nhưng đến đầu năm 1983, hợp tác xã bột giấy còn tồn sản phẩm, hoạt động cầm chừng. Các đơn vị quốc doanh

của tỉnh hoạt động tự sản, tự tiêu tách rời địa phương và quản lý còn lỏng lẻo. Trong khi đó, sản xuất thủ công gia đình khá phong phú, huyện chưa khuyến khích và tổ chức thu mua.

Để xây dựng Đức Linh thành một vùng kinh tế nông nghiệp phát triển, năm 1980, huyện đã tiến hành quy hoạch giải quyết một bước ranh giới xã Đức Tài, Đức Hạnh, Nam Chính, Võ Xu, Gia An, Lạc Tánh, Đồng Kho. Phân bổ lại đất đai cho hợp lý của các xã Đức Tài, Nam Chính, Đức Hạnh, Xí nghiệp đường, Hợp tác xã Tân Hà, Hợp tác xã giấy, đồng thời giải quyết việc tranh chấp ở vùng kinh tế mới Hàm Tân lên Bắc Ruộng, Nghị Đức, Mê Pu và Huy Khiêm. Mặt khác, huyện cũng xác định giải quyết đất cho trường giáo dục lao động, trại cải tạo tỉnh nằm trong địa phận xã Lạc Tánh và đất xây dựng khối liên cơ quan Huyện ủy và UBND huyện.

Trong giao thông, từ năm 1980, khó khăn nhiên liệu đã xảy ra. Để khắc phục, huyện đã cho cải tiến 7 xe ô tô chạy than và phát triển các phương tiện vận chuyển thô sơ như xe ngựa, xe bò để vận chuyển hàng hóa, hành khách phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Mặt khác, do đoạn đường Võ Xu, Gia An đi Lạc Tánh, Suối Kiết và Đồng Kho đi Huy Khiêm

xuống cấp nên vận chuyển lương thực còn khó khăn. Vụ mùa 1983 còn tồn đọng 2.000 tấn, vụ hè thu gần 500 tấn, ảnh hưởng đến bảo quản và giao nộp cho Ty Lương thực tỉnh.

Mạng lưới thông tin liên lạc trong huyện phát triển khá. Đã xây dựng 6 tổng đài, kết hợp với liên lạc vô tuyến, vận chuyển bưu, phục vụ cho chỉ đạo, cũng như trao đổi của nhân dân nhanh chóng. Khó khăn của bưu điện lên miền núi trong mùa mưa gặp nhiều trở ngại nên chuyển bưu còn chậm, thậm chí có khi một tháng chỉ chuyển được một lần.

Trong thương nghiệp đã đẩy mạnh thu mua các hàng hóa nông sản và thực phẩm ở địa phương. Mặt khác, nhận các hàng nhu yếu phẩm của trên về bán phân phối cho cán bộ và nhân dân. Năm 1980, tỉnh tăng cường thêm cán bộ để huy động lương thực nên triển khai nhanh, gọn trong khoán thu mua. Trong thu mua lương thực, ta chủ trương thực hiện 2 giá, giá chỉ đạo là giá người lao động có nghĩa vụ bán cho Nhà nước và giá thoả thuận là sản phẩm của người lao động còn dôi ra bán cho Nhà nước. Vụ mùa năm 1980, kế hoạch thu mua 250 tấn, thực hiện đạt 320 tấn; vụ mùa 1983, huy động đạt 100% kế hoạch đề ra.

Công tác xuất khẩu được đề ra từ năm 1978, nhưng khó khăn về mặt hàng, chủng loại chưa nhiều, chủ yếu là các mặt hàng lâm sản. Để tăng chủng loại hàng xuất khẩu, huyện chỉ đạo các địa phương trồng thêm thầu dầu, ký hợp đồng thu mua gừng, sả và phát triển các loại đồ thủ công như sọt tre, mây tre, nứa, lá nên hàng xuất ra khỏi huyện khá hơn trước.

Trong ngân hàng, các khoản thu qua thương nghiệp, thu tài chính, thu tiền gởi tiết kiệm, v.v... đạt còn thấp. Trong khi đó, tổng chi cho các hoạt động xã hội và kinh tế còn cao, nên hàng năm bội chi. Đến năm 1983, thực hiện pháp lệnh thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp. Trong thuế công thương nghiệp đánh giá lại mức thu và xoá bỏ những hộ đã bỏ kinh doanh và một số hộ mở tài khoản; số buôn bán nhỏ ghi thu ngoài bộ thuế. Riêng thuế nông nghiệp, ta tiến hành đánh giá lại hạng đất và kê khai số diện tích đất do các cơ quan sản xuất tự túc. Về phần chi trong tài chánh thường thấp hơn phần thu. Như năm 1980, thu là 1.729.918đ, chi 877.437đ, bảo đảm theo kế hoạch.

Hàng năm, công tác thương binh- xã hội đã giải quyết một bước các chính sách và chăm lo cho gia đình liệt sĩ. Ta phát động phong trào "Người công dân gương mẫu", "Gia đình cách mạng gương mẫu"

để khơi dậy lòng yêu nước và trách nhiệm của nhân dân với người có công với cách mạng, tạo thành phong trào trong nhân dân. Tuy nhiên, trong công tác thương binh - xã hội mới từng bước giải quyết chính sách cho các đối tượng, chưa chú ý đầy đủ đến một số gia đình chính sách neo đơn, khó khăn trong lao động sản xuất, đời sống thấp.

Công tác giáo dục đã đi vào nề nếp trong 3 ngành học mẫu giáo, phổ thông và bổ túc. Công tác bổ túc văn hóa và xoá nạn mù chữ trong hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn, nhưng huyện vẫn tiếp tục chỉ đạo thực hiện. Từ năm 1980, huyện mở trường bổ túc văn hóa tập trung dạy chương trình cấp I và cấp II. Từ năm 1982, Phòng giáo dục đã kết hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức sinh hoạt hè cho các em học sinh theo chương trình lao động gắn với học tập. Cũng từ năm học 1981 - 1982, huyện tổ chức bồi dưỡng chính trị cho giáo viên trong dịp hè nhằm nâng cao nhận thức, quan điểm, lập trường cách mạng cho các thầy, cô. Như chuẩn bị năm học 1983-1984, ngay vào dịp nghỉ hè 1983, huyện đã tổ chức học tập chính trị cho 329 giáo viên, đạt 90% tổng số giáo viên trong huyện. Năm 1983, huyện mở thêm lớp bổ túc văn hóa cấp II tại chức ban đêm, tạo điều

Đồng diễn Taekwondo.

kiện cho nhiều cán bộ theo học. Tiếp tục thực hiện nghị quyết cải cách giáo dục phối hợp với phong trào thi đua 2 tốt (dạy tốt - học tốt) nên chất lượng học tập nâng lên, giáo viên giảng dạy có trách nhiệm hơn. Khó khăn của ngành giáo dục là tỷ lệ học sinh đến trường tăng, trong khi đó cơ sở vật chất phát triển không kịp, đội ngũ giáo viên vẫn còn thiếu về số lượng và một số giáo viên chưa đáp ứng với yêu cầu giảng dạy. Lượng dầu đèn học bổ túc văn hóa ban đêm nhiều nơi không đủ cung cấp.

Trong phong trào giữ gìn vệ sinh đã được phát động đến từng gia đình. Đây là phong trào phát triển khá mạnh, đều khắp. Công tác khám chữa bệnh cũng phát triển, trong khi khám chữa bệnh nội trú giảm và khám chữa bệnh ngoại trú tăng lên, chủ yếu phòng ngừa bệnh là chính. Phong trào sinh đẻ có kế hoạch và các biện pháp ngừa tránh thai được phát động trong từng hộ gia đình và xã viên, nhưng tự giác của một số cặp vợ chồng còn thấp. Tuyên truyền trồng cây dược liệu và chế biến thuốc nam dùng trong trị bệnh còn thấp.

Công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em phát triển tốt ở một số xã và các cơ quan, trường học. Từ năm 1980, huyện xây dựng nhà trẻ liên cơ quan để tạo điều

kiện cho cán bộ, công nhân viên thuận lợi trong chăm sóc con cái và bảo đảm công tác được giao.

Thông tin - văn hóa vẫn duy trì phát hành bản tin, tập tin và duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ ở địa phương. Từ năm 1980, Đài truyền thanh huyện tiếp âm Đài phát thanh tỉnh và trung ương nên chương trình phong phú, lượng thông tin nhiều hơn phục vụ tốt cho nhân dân.

Về công tác an ninh - quốc phòng được giữ vững trong tình hình chung có nhiều khó khăn. Một số sĩ quan chế độ cũ tập họp thanh niên bất mãn ra rừng để chống phá cách mạng. Ta tổ chức truy quét thường xuyên và duy trì lực lượng bám sát các vùng Núi Ông, Bà Tá, Suối Kiết và đồi 300 Đa Kai.

Công tác tuyển quân các năm đều đạt khá, vượt kế hoạch chỉ tiêu được giao. Năm 1980, tuyển 129 thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự, đến các năm sau vẫn đạt mức từ 124 đến 130 thanh niên. Từ 1983, chất lượng tuyển quân có tăng lên, cả về sức khỏe và văn hóa. Việc quản lý dân quân tự vệ một số xã chưa chặt, quản lý vũ khí còn lỏng lẻo.

Trong giai đoạn cải tạo và bước đầu xây dựng đất nước đi lên CNXH, nhân dân Đức Linh, trong đó có nhân dân Tánh Linh ngày nay, đã vượt qua mọi

khó khăn gian khổ, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất xã hội, đưa đại bộ phận người lao động vào con đường làm ăn tập thể, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương III

THÀNH LẬP HUYỆN TÁNH LINH VÀ XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (5/1983- 1986):

Sau Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ III, thực hiện Quyết định số 204 ngày 30/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 1/5/1983 huyện Đức Linh được phân chia thành 2 huyện Đức Linh và Tánh Linh (1).

Huyện Tánh Linh sau khi tái lập (5/1983), phía Bắc giáp với huyện Di Linh (Lâm Đồng), phía Nam giáp huyện Hàm Tân, phía Đông giáp với huyện

---

(1) Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, từ 27 đến 29/1/1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ Đức Linh lần thứ III có đại biểu của 47 cơ sở đảng về tham dự đại hội. Đại hội bầu ban chấp hành khóa III có 25 đồng chí ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ gồm có 9 đồng chí, đồng chí Nguyễn Nhẫn, Tỉnh ủy viên làm Bí thư.

Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam và phía Tây giáp với huyện Đức Linh. Tánh Linh có diện tích 1.173km^2, trong đó rừng núi chiếm 2/3 diện tích toàn huyện. Diện tích đất sản xuất lương thực là 9.411 ha. Sản phẩm nông nghiệp có: lúa, mì, lang, bắp; cây công nghiệp ngắn ngày có mía, đậu phộng; cây công nghiệp dài ngày có tiêu, điều (số lượng chưa nhiều) và chăn nuôi có trâu, bò, heo, gia cầm, v.v...

Hệ thống giao thông chỉ có đường 336 từ Căn cứ 6 (nay là quốc lộ 55); đường 335 từ Lạc Tánh qua Võ Xu, nhưng cầu, cống, đường sá đều hư hỏng, tạm bợ, tu bổ chắp vá nên việc lưu thông khó khăn. Đường từ huyện lên các xã miền núi gặp nhiều khó khăn vào mùa mưa lũ.

Về hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất, toàn huyện có 7 đập nhỏ được xây dựng kiên cố, nhưng chỉ có 4 đập: Cầu Cháy (Bắc Ruộng), Cây Xoài, Suối Chùa (Nghị Đức) và Suối Cát (Lạc Tánh) sử dụng được. Còn đập Trà Cọp (Bắc Ruộng), Bàu Tây (Đức Thuận) và Tà Lũ (La Ngâu) do hư hỏng hoặc hệ thống kênh nội đồng chưa hoàn thành nên không đưa vào sử dụng; đập nước Lập Lài (Huy Khiêm) và Đá Chồng (Đức Bình) đang chuẩn bị xây dựng. Tuy nhiên, sau khi xây dựng xong, đập Lập Lài không phát huy được tác dụng.

Dân số toàn huyện hơn 44.000 người. Đến năm 1984, huyện nhận thêm hơn 10.000 người từ tỉnh Bình Trị Thiên cũ đến sinh sống. Toàn huyện có 11 dân tộc, gồm Kinh, Nùng, Gia-rai, Ba-na, Tày, Thái, Hoa, Khơ-me, Mường, Dao, Ngãi và Ê-đê.

Toàn huyện có 11 xã, gồm Đức Phú, Nghị Đức, Đức Tân, Bắc Ruộng, Măng Tố, Huy Khiêm, La Ngâu, Lạc Tánh, Gia An, Gia Huynh, Suối Kiết và Lạc Tánh là trung tâm của huyện. Năm 1989, theo quyết định của tỉnh thành lập thêm 3 xã mới: Đồng Kho, Đức Thuận, Đức Bình và năm 1997, xã Lạc Tánh được nâng lên thành thị trấn. Đến năm 2000, huyện Tánh Linh có 13 xã và 01 thị trấn.

Để lãnh đạo huyện Tánh Linh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải quyết định thành lập Ban Chấp hành Huyện ủy lâm thời có 15 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện ủy có 7 đồng chí và phân công:

1. Đ/c Nguyễn Nhẫn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy;

2. Đ/c Trương Khắc Bảo, UVTV, trực Đảng kiêm Trưởng Ban tổ chức;

3. Đ/c Lê Hy, Quyền Chủ tịch;

4. Đ/c Trương Đình Phố, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng;

5. Đ/c Hồ Ca, Trưởng khối Dân vận, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận huyện;

6. Đ/c Đặng Cao Nhưng, Trưởng Công an huyện;

7. Đ/c Nguyễn Thanh Đồng, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện;

Ủy ban nhân dân huyện gồm các đồng chí:

1. Đ/c Lê Hy - Quyền Chủ tịch;

2. Đ/c Dương Đình Châm - Phó Chủ tịch, kiêm Trưởng Phòng nông nghiệp;

3. Đ/c Trần Khánh Linh - Phó Chủ tịch, kiêm Trưởng Phòng công nghiệp - xây dựng;

4. Đ/c Trần Đình Khôi - Phó Chủ tịch, kiêm Trưởng Phòng Giáo dục;

5. Đ/c Phạm Danh Cư - Uỷ viên thư ký.

Sau khi tái lập huyện Tánh Linh, các cơ quan huyện đều thành lập mới. Cán bộ một số chuyển từ huyện Đức Linh cũ sang và bổ sung, cất nhắc cán bộ mới, nên trong những tháng còn lại của năm 1983 công tác tổ chức trở thành một nhiệm vụ cấp bách của huyện. Sau khi thành lập và củng cố, các cơ quan lãnh đạo khối Đảng có các đơn vị: Văn phòng,

Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Ủy Kiểm tra. Cuối năm 1983 lập Ban nông nghiệp huyện và Ban Dân vận. Các cơ quan khối Nhà nước có: Văn Phòng Ủy ban, Phòng Chính quyền, Phòng Thương binh - xã hội, Công an, Quân sự, Phòng Nông nghiệp, Phòng Lâm nghiệp, Bưu điện, Phòng Thông tin -Văn hóa, Phòng tài chính, Phòng lao động - tiền lương, Phòng Xây dựng cơ bản, Thanh Tra nhà nước, Phòng Giáo dục, Phòng Y tế, Phòng Thương nghiệp, Phòng Kế hoạch - Qui hoạch, Viện Kiểm sát nhân dân và Toà án nhân dân huyện... Đến năm 1984, Phòng Thể dục - thể thao huyện được thành lập. Khối đoàn thể có Ủy ban Mặt trận, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn và Hội chữ thập đỏ. Các phòng, ban chưa đủ cán bộ để đáp ứng nhiệm vụ đề ra.

Đối với các xã, thị trấn, sau khi chia tách huyện, tổ chức hệ thống chính trị cơ sở không có thay đổi.

Sau khi chia tách huyện, huyện Tánh Linh gặp nhiều khó khăn. Cơ sở vật chất ban đầu cho các cơ quan huyện chưa có, đóng tại nhà dân ở Lạc Tánh còn chật hẹp, thiếu thốn mọi bề. Trình độ cán bộ còn thấp và chưa đồng bộ. Thời tiết nắng hạn kéo dài ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Nhưng

trong điều kiện khó khăn nhiều mặt của một huyện mới được tái lập, Huyện ủy tập trung lãnh đạo, cùng sự nỗ lực của các ngành, lãnh đạo các xã nên đã thực hiện có kết quả các mặt công tác đã đề ra.

Nghị quyết Đại hội Huyện Đảng bộ Đức Linh, nhiệm kỳ III vẫn tiếp tục được Ban Chấp hành Huyện ủy Tánh Linh triển khai cho đến năm 1986. Tuy nhiên, trong từng năm, huyện bổ sung thêm chỉ tiêu cho phù hợp với thực tế của địa phương. Nghị quyết Đại hội III xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội là: tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, bảo đảm cho nhân dân đủ ăn, có dự trữ và làm nghĩa vụ ngày càng nhiều cho Nhà nước, phấn đấu giải quyết vấn đề ăn, mặc, đi lại, thuốc chữa bệnh, học hành cho nhân dân bằng cách lấy sản vật của địa phương để đổi hàng hóa, bán đối lưu hai chiều; chú trọng phân bố lao động hợp lý cho các ngành lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp nhằm khai thác tiềm năng và thế mạnh của huyện về nông- lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Mặt khác, các nhiệm vụ tài chính, thương nghiệp, giáo dục, y tế, xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị cũng được đẩy mạnh.

Đến cuối năm 1983, hoạt động của các ngành kinh tế đã có bước ổn định. Trong sản xuất nông

nghiệp, huyện chỉ đạo ra sức làm đất bằng các phương tiện cơ giới, cày bằng trâu, bò và cuốc đất bằng tay kịp thời cho mùa vụ. Diện tích gieo trồng trong năm là 9.347/9.981 ha kế hoạch, đạt 96%. Trong đó, diện tích trồng lúa đạt 6.511/6.324 ha kế hoạch, vượt 20%. Cây thực phẩm đạt 425/420 ha. Cây công nghiệp ngắn ngày đạt 50% kế hoạch (332/597 ha). Cây công nghiệp dài ngày đạt 432/480 ha (90% kế hoạch), trong đó, cây đào phát triển mạnh.

Về chăn nuôi trong điều kiện tự nhiên thuận lợi về thức ăn nên phát triển khá tốt, trong đó đàn trâu đạt 3.600/3.280 con, vượt trên kế hoạch 10%; đàn bò và heo còn đạt thấp (heo 7.390/100.000 con), chưa chú ý phát triển.

Đến năm 1984, 1985 một phần do công tác chỉ đạo và điều kiện thời tiết thuận lợi nên trong sản xuất nông nghiệp có phát triển và tăng khá. Tính đến cuối năm 1985, diện tích gieo trồng toàn huyện lên 10.673 ha, trong đó cây lúa đạt 7.173/6.800 ha và so với năm 1984 tăng 1.782 ha. Tổng thu lương thực 26.912 tấn và năng suất bình quân trên 30 tạ/ha.

Cùng với trồng cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày đến năm 1985 được

phát triển cả diện tích và chủng loại, đặc biệt là các loại cây phục vụ cho xuất khẩu như đào, tiêu v.v...

Chăn nuôi trâu, bò, heo đến năm 1985 cũng tăng khá hơn, trâu 4.065 con, bò 445 con, heo 8.095 con.

Từ năm 1983, đã chú trọng khâu bảo vệ rừng, như giao đất, giao rừng và trồng cây phủ xanh đất trống, đồi trọc cho hợp tác xã quản lý, bảo vệ. Bên cạnh đó, huyện lập 20 đội phòng chống cháy rừng, có 1.200 người tham gia. Công tác này do Phòng Lâm nghiệp thực hiện quản lý nhà nước về công tác trồng, khai thác, chăm sóc rừng. Tuy nhiên, việc phá rừng làm rẫy, khai thác rừng chưa đúng kế hoạch vẫn còn xảy ra. Đến năm 1985, công tác lâm nghiệp đã khá hơn, giao rừng cho 9/14 hợp tác xã và 4 đơn vị quốc doanh, với 23.673 ha (đất trồng rừng 1.269 ha). Cây quốc phòng trồng dọc các trục lộ chính được hơn 50.000 cây.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1983 chủ yếu làm gạch, ngói; còn nghề mộc, rèn phát triển tư nhân. Các máy cày, máy xay xát phục vụ cho sản xuất và đời sống. Đội máy cày của huyện có 14 chiếc đóng ở xã Măng Tố, sau chuyển về ở xã Đức Thuận đổi thành Đội cơ giới. Tuy nhiên,

tổ chức sản xuất theo kế hoạch, khi cần phục vụ cho địa phương, huyện điều động về các xã tổ chức thực hiện theo nhiệm vụ được giao. Thợ mộc, thợ rèn cũng được điều động phục vụ cho việc xây dựng cơ sở các hợp tác xã, nhất là việc xây dựng cơ quan huyện. Như năm 1984, được tỉnh đầu tư, huyện triển khai xây dựng trụ sở UBND huyện, kho công ty cấp III, nhà trẻ, v.v... và một số công trình thủy lợi. Đến năm 1985 công nghiệp địa phương vẫn chưa phát triển nên sản xuất công nghiệp chủ yếu là sản xuất ngói, gạch, đá chẻ phục vụ cho công tác xây dựng cơ bản (toàn huyện có 11 lò gạch ngói) và thành lập 1 tổ cơ khí (1984) sản xuất công cụ cầm tay phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Nhìn chung, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chưa phát triển, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

Giao thông trong huyện những năm trước 1983 được tu sửa một bước, nhưng do đường cấp phối nên sau mỗi mùa mưa lụt lại bị hư hỏng. Từ năm 1983 đến năm 1985, với sự cố gắng của các cấp và thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", huyện đã huy động trên 40.000 ngày công làm đường, sửa chữa cầu phục vụ cho việc lưu thông và nhu cầu đời sống của nhân dân. Năm 1985, có

điều kiện kinh phí, kỹ thuật và vật liệu nên huyện cho xây dựng thêm 6 cầu, cống bê tông và mở rộng, nâng cấp nhiều tuyến giao thông trong huyện, như làm đường (rải sỏi) Lâm trường đi Bà Tá (3,5km), đường Lạc Tánh đi Gia An (7km), nâng cấp - nạo vét đường Lạc Tánh đi Đức Phú (dài 37km). Về sau, do những khó khăn về nhiên liệu, xe chạy than không đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa, ảnh hưởng đến phát triển sản xuất và đời sống ở địa phương.

Công tác thủy lợi được huyện đặt trọng tâm để phục vụ sản xuất. Trong các năm, từ 1983 đến 1985, huyện tiếp tục triển khai hoàn thành các đập Trà Cọp, Đá Chồng phục vụ tưới tiêu cho 230 ha. Đồng thời, tiếp tục làm công tác thủy lợi nội đồng, vừa xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, tạo thuận lợi cho nhân dân trong sản xuất và giao lưu, đi lại.

Cùng với giao thông, bưu điện huyện cũng cố gắng khắc phục khó khăn về vật tư, thiết bị để mắc một số máy điện thoại (hữu tuyến) cho các cơ quan huyện và một số xã trọng điểm. Mặt khác, công tác bưu chính cũng cố gắng chuyển các loại công văn của Đảng, Nhà nước, đoàn thể phục vụ cho sự chỉ đạo đến các cơ quan, địa phương trong huyện và báo cáo về tỉnh kịp thời. Vào mùa mưa đường hay bị

ngập nước, gió bụi trong mùa nắng và phương tiện đi lại khó khăn, nhưng anh chị em bưu viên vẫn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ.

Hoạt động phân phối lưu thông trong huyện cũng có bước củng cố, đạt những kết quả đáng kể. Việc thu ngân sách năm 1983 đạt 14,7 triệu/16 triệu theo kế hoạch (tính giá trị thời điểm 1983) là một cố gắng. Vì nguồn thu lúc này chủ yếu các nguồn thu từ thuế cố định của các đơn vị quốc doanh, lâm trường, nông trường La Ngà, khai thác cá, v.v... Các cơ sở kinh doanh tập thể, như hợp tác xã mua bán và của cá thể không ổn định.

Công tác thương nghiệp ngoài việc xây dựng hệ thống cửa hàng mua bán ở huyện, các xã, thị trấn thành lập 13 cửa hàng mua bán ở địa phương. Đồng thời, từ năm 1984, tỉnh phân cấp các ngành hàng giao cho huyện quản lý, điều hành công ty thương nghiệp cấp III, lương thực, vật tư tổng hợp, trạm kinh doanh hợp tác xã mua bán; tháng 3/1985 thành lập công ty xuất nhập khẩu và đến tháng 8/1985 thành lập thêm Phòng Ngoại thương.

Những năm đầu sau khi thành lập huyện, các cửa hàng thương nghiệp khai thác nguồn hàng từ trên chuyển về và mua ký gửi, ủy thác và nộp sản

phẩm của nhân dân, của các hợp tác xã nên nguồn hàng khá dồi dào. Các định mức vải, dầu thắp, thịt,v.v... phục vụ tốt cho nhân dân. Đồng thời, huyện còn chuyển các hàng nông sản, heo hơi, trâu bò về trên thực hiện hàng hai chiều. Nhưng từ cuối năm 1984 đến đầu năm 1986, nguồn từ trên chuyển về (vải, dầu thắp) ngày một khó khăn nên hàng hóa khan hiếm. Một số tư thương đã mua bán hàng hóa trái phép, làm cho giá cả trong huyện khó kiểm soát, ảnh hưởng đến đời sống cán bộ và nhân dân. Từ đó, việc hợp đồng mua bán hai chiều giữa huyện với nhân dân và hợp tác xã cũng gặp khó khăn, do lượng hàng của trên chuyển về không đủ để trao đổi.

Công tác cải tạo, xây dựng quan hệ sản xuất XHCN có nhiều cố gắng. Đến năm 1985, toàn huyện đã cơ bản hoàn thành cải tạo XHCN. Trong nông nghiệp toàn huyện có 27 hợp tác xã và 17 tập đoàn sản xuất, đã đưa 84,4% ruộng đất canh tác và 96,3% hộ vào con đường làm ăn tập thể. Trong đó, có 3 hợp tác xã Nghị Đức, Huy Khiêm, Bắc Ruộng 1 và 3 tập đoàn là Đức Phú 1, Bắc Ruộng 2 và Đồng Kho 4 sản xuất nông nghiệp đạt khá. Hợp tác xã Nghị Đức là hợp tác xã điểm hình của huyện. Về cải tạo công thương nghiệp tư doanh, các loại máy cày, kéo, ô tô

chuyển cho các trạm cơ khí, hợp tác xã giao thông, còn các máy xay xát, chế biến lương thực chuyển cho hợp tác xã nông nghiệp quản lý, nhưng sử dụng chưa hết công suất.

Việc thu mua lương thực và lương thực làm nghĩa vụ cho Nhà nước hàng năm đạt khá. Về mặt tiềm năng, đất sản xuất nông nghiệp Tánh Linh là địa phương khá trong tỉnh nhưng chưa khai thác được nhiều diện tích canh tác. Với nỗ lực của huyện và của nhân dân, năm 1984 đã huy động 5.457/5.500 tấn qui thóc (gồm các loại thuế, hợp đồng mua bán hai chiều, lúa đổi vật liệu xây dựng, đổi hàng thương nghiệp, khuyến khích và các khoản thu mua lúa khác). Trung bình đầu người trong huyện bán cho Nhà nước 107,6kg lúa.

Công tác y tế, xã hội đã có bước chuyển biến. Công tác y tế đã khắc phục khó khăn, mở Phòng khám Đa khoa ở huyện, mở 91 quầy thuốc và phòng điều trị ở các xã, thị trấn, mạng lưới y tế được củng cố và đã có 12/14 xã có trạm y tế. Phòng Y tế huyện đã phát động trồng và sử dụng thuốc nam, phát động nhân dân ăn ở vệ sinh, phun thuốc diệt muỗi, phòng bệnh sốt rét. Phong trào thực hiện sinh đẻ có kế hoạch cũng được phát động sâu rộng

trong nhân dân. Tuy nhiên, thiếu cán bộ, cơ sở vật chất còn hạn chế cũng ảnh hưởng đến sự nghiệp chung của ngành y tế huyện.

Công tác giáo dục 3 ngành học mẫu giáo, phổ thông, bổ túc văn hóa tiếp tục phát triển. Khai giảng năm học 1983-1984 đạt kết quả tốt, hơn 10.000 học sinh đến trường đạt kết quả 90% kế hoạch. Năm học 1984-1985 có hơn 12.000 học sinh. Đồng thời, huyện chú ý đầu tư cho các xã miền núi, vùng hẻo lánh như La Ngâu, Gia Huynh. Đây là một phần nỗ lực của ngành giáo dục địa phương. Vì ở một địa bàn bị chia cắt, đan xen núi, đồng bằng và việc lưu thông khó khăn, học sinh đi học đạt khá cao là do tự nguyện của một số phụ huynh, công tác triển khai của cấp ủy, nhà trường đã đi sâu, sát vận động nhân dân thực hiện. Bên cạnh đó, công tác học bổ túc văn hóa cũng được đẩy mạnh. Tuy có nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, giáo viên các cấp còn thiếu nên nhiều trường phải học ca ba, nhưng chất lượng giảng dạy và học tập trong nhà trường đạt khá. Năm học 1984- 1985 có 98% học sinh tốt nghiệp phổ thông và 90% tốt nghiệp bổ túc văn hóa.

Thông tin, tuyên truyền trong hoàn cảnh thiếu thốn cả vật chất và cán bộ. Phòng thông tin - Văn hóa của huyện cùng cán bộ thông tin (chủ yếu các hợp tác

xã) hoạt động khá, đưa tin tức, chủ trương của Đảng, Nhà nước đến với nhân dân qua các bản tin, qua phát loa (một số hợp tác xã), phần nào giải quyết thông tin cho nhân dân. Đội Chiếu bóng tỉnh, huyện cũng thường xuyên về một số điểm phục vụ cho nhân dân (chủ yếu ở thị trấn và một số xã lân cận).

Thực hiện chính sách đối với cá nhân và gia đình có công với cách mạng, Phòng Xã hội huyện tổ chức điều tra, xác minh cho 10 người được hưởng chính sách; lập ban liên lạc hưu trí, mất sức và cứu trợ bão lụt cho nhân dân ở các xã Măng Tố, La Ngâu, Đức Thuận.

Về công tác quốc phòng, an ninh huyện tiếp tục thực hiện Chỉ thị 20 của Thường vụ Tỉnh ủy về chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Lực lượng công an được tăng cường đến một số địa điểm thường diễn ra các vụ trộm cắp, quản lý việc đi lại, số phá rừng lấy gỗ, các hoạt động văn hóa đồi trụy, mê tín, buôn bán trái phép, v.v... nhằm ngăn chặn và xử lý các hành vi, vi phạm an ninh trật tự trong huyện. Mặt quản lý các đối tượng có mầm mống gây rối ở địa phương được thực hiện tốt. Đấu tranh ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, từng bước làm trong sạch đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế ở hợp tác xã. Củng cố lực lượng công an các xã và huyện, cả về

chất lượng chuyên môn và phẩm chất nhằm nâng cao trách nhiệm công tác của lực lượng này.

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương được chú ý. Các đợt tuyển quân hàng năm đều đạt trên 90% kế hoạch. Công tác xây dựng dân quân, tự vệ các xã, cơ quan luôn được coi trọng và được huấn luyện kỹ chiến thuật và trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao. Lực lượng dân quân, tự vệ toàn huyện đạt trên 11% dân số. Trong những năm qua, hoạt động của bọn phản động FULRO nổi lên ở một số huyện bạn trong tỉnh và tỉnh bạn Lâm Đồng có tác động đến địa bàn huyện, do đó năm 1983 cũng có một số tên về móc nối một số đồng bào dân tộc nhẹ dạ cả tin chạy ra rừng theo chúng, nhưng không nhiều. Trước tình hình đó, ta tổ chức truy quét các vùng xung yếu, vùng giáp ranh nên tình hình hoạt động của chúng ở các địa bàn trong huyện không đáng kể, chỉ có tính chất lôi kéo.

Về xây dựng Đảng từ năm 1983 đến đầu năm 1986 luôn được nâng cao từng bước. Việc triển khai học tập các nghị quyết của tỉnh, của Trung ương được thường xuyên, tạo điều kiện cho đảng viên, cán bộ nhận thức đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Công tác phát triển Đảng từ năm 1983 đến 1985 được 58 đảng viên mới. Hàng năm huyện đều mở các lớp đối tượng Đảng cho cán bộ, đảng viên tham gia học tập. Qua đó, tạo điều kiện cho quần chúng nhận thức về Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng, của Nhà nước để họ có điều kiện tu dưỡng, phấn đấu trở thành đảng viên cộng sản. Mặt khác, huyện cử nhiều cán bộ đi học các lớp sơ cấp, trung cấp chính trị ở huyện và 98 cán bộ hợp tác xã đi học tập ở tỉnh về quản lý kinh tế hợp tác xã, quản lý, chỉ đạo, điều hành sản xuất.

Đảng bộ huyện năm 1984, có 405 đồng chí đảng viên, đến cuối năm 1985, đảng số toàn huyện tăng lên 408 đồng chí, sinh hoạt trong 30 cơ sở Đảng (gồm 17 chi bộ cơ quan và Đảng ủy nông trường La Ngà, còn lại là chi bộ xã). Công tác xây dựng Đảng hàng năm, được kiểm điểm, kiểm tra và kỷ luật những đảng viên có sai phạm trong sinh hoạt Đảng. Năm 1984 có 31 và năm 1985 có 24 vụ kỷ luật Đảng. Trong đó, năm 1984 có 20 đảng viên bị khai trừ và xoá tên.

Về phân loại tổ chức cơ sở Đảng, năm 1984 thực hiện phân loại tổ chức Đảng theo tiêu chuẩn Chi

bộ vững mạnh [1], toàn huyện có 2 Chi bộ vững mạnh (Công an, Quân sự), 7 Chi bộ đạt loại khá, 12 Chi bộ đạt loại trung bình và yếu kém có 7 Chi bộ.

Công tác xây dựng chính quyền có bước củng cố. Các kỳ bầu cử HĐND và phân công UBND các cấp đã làm cho chính quyền ngày một mạnh hơn, đủ điều kiện thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, lãnh đạo nhân dân thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội ở địa phương.

Từ khi tái lập huyện, ban chấp hành các đoàn thể quần chúng được các cấp hội cấp trên chỉ định đã đi vào ổn định tổ chức. Đến cuối năm 1985 thành lập thêm Hội Chữ Thập đỏ, Hội Y học Dân tộc. Hoạt động sôi nổi có Hội Phụ nữ, Thanh niên; còn Hội Nông dân tập thể chủ yếu sinh hoạt theo tổ, đội sản xuất nên hoạt động theo tính chất tổ chức hội chưa đồng đều.

Như vậy, từ khi tái lập huyện đến cuối năm 1985, đầu năm 1986, các hoạt động kinh tế, xã hội, an ninh- quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị trong huyện có bước ổn định và phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân Tánh Linh đã khắc phục các khó khăn, trở ngại để cải tạo, xây dựng quê hương theo con đường XHCN.

---

(1) Trước đây phân loại đảng viên theo tiêu chuẩn 4 tốt và đạt 3 mức: tốt, trung bình, kém.

Tuy nhiên cũng còn một số mặt hạn chế. Trong nông nghiệp còn độc canh cây lúa, chưa phát triển cây màu; việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp chưa được coi trọng. Trong chăn nuôi, do biến động giá cả, nên tổng đàn gia súc, gia cầm có lúc giảm, lúc tăng, chưa ổn định. Diện tích gieo trồng có tăng, nhưng việc khai hoang, phục hóa chậm, dẫn đến mở rộng diện tích canh tác chưa nhiều.

Các ngành nghề phát triển không đồng đều. Công tác thương nghiệp có nhiệm vụ góp phần ổn định thị trường nhưng làm chưa được nhiều. Công tác giao thông vận tải đã được chú trọng, nhưng chưa kịp thời, còn ách tắc trong lưu thông. Các công trình thủy lợi hiệu quả khai thác còn thấp, nhất là đập Lập Lài (Huy Khiêm) khi hoàn thành không có nước để phục vụ sản xuất. Việc định canh, định cư trong vùng kinh tế mới chưa chú ý xây dựng theo trọng điểm, nhất là các vùng đồng bào dân tộc ít người.

Hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục và công tác xã hội, chất lượng chưa cao. Hệ thống trường học chưa được đầu tư phục vụ tốt cho công tác dạy và học.

Về xây dựng hệ thống chính trị, công tác xây dựng Đảng, các cơ sở yếu kém chậm kiện toàn,

nhiều Chi bộ sinh hoạt không đúng định kỳ. Việc sắp xếp, đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận chưa được chú ý thường xuyên. Cán bộ hợp tác xã còn yếu và thiếu. Quản lý nhà nước ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Cán bộ đoàn thể chưa động viên hội viên, đoàn viên phát huy quyền làm chủ tập thể XHCN và con người mới XHCN.

Bên cạnh những mặt còn hạn chế, trong 10 năm cải tạo quan hệ sản xuất cũ (1975-1985), Đảng bộ và nhân dân Tánh Linh đã đưa Tánh Linh sớm đi vào xây dựng XHCN, bắt đầu bằng cuộc cách mạng quan hệ sản xuất, hoàn thành cải tạo nông nghiệp, công thương nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tập thể hóa tư liệu sản xuất, đưa người lao động vào làm ăn tập thể, xóa bỏ áp bức bóc lột do chế độ phong kiến và đế quốc để lại.

Nhờ sức mạnh của quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, trong 10 năm qua huyện đã tập trung xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật ban đầu cho quê hương sau hơn 30 năm bị chiến tranh tàn phá, như đầu tư xây dựng đường, trường, trạm, trại, hệ thống thủy lợi, cải tạo đồng ruộng, thâm canh tăng vụ... góp phần đưa cuộc sống đồng bào các dân tộc trong huyện hơn hẳn trong những năm chiến tranh. Địa bàn huyện

còn là nơi tiếp nhận nhân dân trong tỉnh và nhiều nơi trong cả nước về đây khai phá xây dựng quê hương Tánh Linh ngày thêm giàu đẹp, góp phần phát triển sản xuất, văn hóa và bảo vệ an ninh quốc phòng vững chắc.

Chương IV

TÁNH LINH TRONG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986-1991)

Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam (12/1986) đã đánh dấu một giai đoạn mới của lịch sử nước ta. Từ những bài học kinh nghiệm của 10 xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và căn cứ vào bối cảnh quốc tế, trong đó một số nước xã hội chủ nghĩa đã cải cách, cải tổ nhằm đưa chủ nghĩa xã hội(1) ngày càng phát triển. Đảng ta đã căn cứ vào thực tiễn Việt Nam và những bài học của các nước

---

(1) Năm 1978, Đảng cộng sản Trung Quốc đề ra cải cách mở cửa; 1985 Đảng cộng sản Liên Xô đề ra đường lối cải tổ nhằm đưa chủ nghĩa xã hội phát triển, nhưng do chủ quan nóng vội, thiếu cương lĩnh, bước đi cụ thể và do một bộ phận lãnh đạo trong Đảng phản bội, thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc nên việc cải tổ không thành công và tan rã Nhà nước Liên bang.

bạn, đề ra đường lối đổi mới với những bước đi vững chắc: đổi mới tư duy, đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị nhằm đưa đất nước ta phát triển kinh tế, xã hội và giữ vững chế độ xã hội chủ nghĩa. Đến Đại hội Đảng lần thứ VII (6/1991) đã đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Để chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI vào tháng 12/1986 và Đại hội Đảng bộ Thuận Hải lần thứ IV (nay là Đại hội lần thứ 7 của Đảng bộ Bình Thuận), các Chi, Đảng bộ ở huyện Tánh Linh tiến hành đại hội cơ sở. Đối với huyện Tánh Linh, từ sau khi tái thành lập huyện đến nay, đây là Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ.

Sau một thời gian chuẩn bị, từ 13h 30 phút ngày 19 đến 24/9/1986, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tánh Linh lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1986 -1988) đã diễn ra tại thị trấn Lạc Tánh - trung tâm chính trị, văn hóa và kinh tế của huyện. Đại hội đã có 110 đại biểu từ các cơ sở Đảng, đại biểu huyện Đức Linh và tỉnh về tham dự [1]. Trong 6 ngày làm việc (từ 19 đến

---

(1) Trong 110 đại biểu tham dự đại hội Đảng bộ huyện Tánh Linh có 85 đại biểu chính thức, 4 đại biểu ở tỉnh, 1 đại biểu huyện bạn và 16 đại biểu mời.

21/9 Đại hội họp trù bị và từ 22 đến 24/9/1986 Đại hội chính thức), Đại hội đã thông qua các thủ tục của đại hội, góp ý kiến vào Báo cáo chính trị Đại hội VI của Đảng sắp tới và Báo cáo chính trị tại Đại hội IV của tỉnh; thảo luận báo cáo chính trị của Đảng bộ huyện, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa I và đại biểu đi dự Đại hội đại biểu cấp tỉnh (1).

Kết quả Đại hội nhiệm kỳ I Đảng bộ huyện Tánh Linh đã đóng góp ý kiến về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội, xây dựng hệ thống chính trị và công tác an ninh - quốc phòng từ sau khi tái lập huyện và đề ra phương hướng nhiệm kỳ I. Đồng thời, Đại hội bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới có 32 đồng chí (có 5 dự khuyết). Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ nhất, khóa I vào 27/10/1986 triển khai Nghị quyết Đại hội và bầu Ban Thường vụ nhiệm kỳ 1986 - 1989. Kết quả bầu Ban Thường vụ Huyện ủy và phân công:

1. Đ/c Lê Kim Hoàng (Lê Hải Anh), Bí thư Huyện ủy;

2. Đ/c Nguyễn Thanh Đồng, Phó Bí thư- trực Đảng;

---

(1) Các kỳ đại hội tiếp theo, không trình bày cụ thể nội dung đại hội.

3. Đ/c Dương Đình Châm, UVTV, Chủ tịch UBND huyện;

4. Phạm Ngọc Chính, UVTV, Trưởng Ban Tổ chức;

5. Đ/c Ngô Kiên, UVTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng;

6. Đ/c Lê Hy, UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện;

7. Đ/c Nguyễn Đăng Lễ, UVTV, Trưởng Công an huyện;

8. Đ/c Hồ Đức Hiền, UVTV, Chỉ huy trưởng Quân sự.

Trong chặng đường đầu tiên thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng đề ra, Tánh Linh- một huyện mới được tách ra từ huyện Đức Linh cũ, cơ sở vật chất còn nhỏ bé, tạm bợ, kinh tế của huyện mất cân đối về ngân sách, tín dụng, vật tư hàng hóa, tình hình kinh tế - xã hội diễn biến phức tạp. Giá cả từ sau khi thực hiện Nghị quyết 8 Trung ương về "giá - lương - tiền" tăng, lạm phát, tiêu cực xã hội phát triển. Đội ngũ cán bộ thiếu và yếu, nhất là cán bộ khoa học - kỹ thuật, thợ lành nghề. Trong thời gian đầu, việc thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ có một vài cán bộ

lãnh đạo chưa có sự thống nhất cao cũng gây ra những khó khăn nhất định. Nhưng với truyền thống cách mạng vốn có và trách nhiệm lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ huyện Tánh Linh đã lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn thử thách đạt được những kết quả bước đầu.

Về thực hiện nhiệm vụ kinh tế trong nhiệm kỳ I (từ 1986 đến đầu 1989) của Đảng bộ, trên mặt trận sản xuất nông nghiệp tuy gặp nhiều khó khăn do thời tiết không thuận lợi, phân, thuốc trừ sâu phục vụ cho sản xuất còn thiếu, sâu rầy phá hoại nhiều... Nhưng với sự nỗ lực của toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện, sản xuất nông nghiệp đã đạt được những kết quả hết sức phấn khởi. Tổng diện tích gieo trồng năm 1989 tăng 0,9 lần so với năm 1986, sản lượng lương thực tăng bình quân hàng năm 2,88%.

Với đặc điểm của huyện là lâu nay nông dân chỉ sản xuất chủ yếu độc canh cây lúa. Để phát triển, Đảng bộ huyện quyết tâm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phá thế độc canh tạo khả năng nông nghiệp đa dạng cây trồng. Nhờ vậy, diện tích trồng cây ngắn ngày từng bước được mở rộng. Đặc biệt, huyện đã khuyến khích phát triển cây đào, cây tiêu trong khu vực kinh tế gia đình, nên chỉ trong vòng 2 năm, cây

đào tăng 1,5 lần, tiêu tăng gấp đôi và năm 1988, diện tích trồng cây thuốc lá thí điểm là 1ha, đã đạt 10 tạ/ha.

Ngoài việc bố trí lại cơ cấu cây trồng, huyện còn chỉ đạo bố trí lại cơ cấu mùa vụ, áp dụng các biện pháp thâm canh, đưa giống mới có thời gian sinh trưởng ngắn vào sản xuất, mở rộng diện tích hè thu lên 1.200 ha. Có sự chỉ đạo chặt chẽ từ khâu gieo trồng, làm đất, gieo vùi chờ mưa nên diện tích hè thu đạt năng suất tương đương với vụ lúa cấy (từ 40 - 45 tạ/ha) và cấy lại vụ sau kịp thời vụ. Như ở xã Đức Phú và Nghị Đức đã áp dụng thành công trên toàn bộ diện tích sản xuất vụ hè thu. Do đó, diện tích chuyển vụ mùa, toàn huyện đã đạt 1.600 ha. Việc mở rộng diện tích hè thu, chuyển vụ mùa đã hạ dần diện tích lúa mùa, hạn chế việc dùng giống dài ngày năng suất thấp. Cùng với các biện pháp thâm canh, một số địa phương trong huyện còn áp dụng các biện pháp khác như: cải tạo đồng ruộng, làm thủy lợi, bón phân, diệt trừ sâu bệnh và tưới tiêu hợp lý... đã làm cho sản lượng lúa tăng, nông dân phấn khởi.

Về phân bón và sức kéo, huyện đã kịp thời có chủ trương khuyến khích phát triển chăn nuôi kinh tế gia đình và kinh tế tư nhân. Do đó, đàn gia súc tăng bình quân hàng năm là 8%, đàn bò tăng 43,4%, heo

tăng 8,42%. Công tác thú y, bảo vệ thực vật được chú trọng nên hạn chế một phần thiệt hại cho hộ nông dân.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, việc thực hiện chính sách kinh tế và cơ chế quản lý mới, từ việc khoán theo Chỉ thị 100 đến bước hoàn thiện hơn là khoán theo Nghị quyết 10 năm 1988 của Bộ Chính trị, ngành nông - lâm nghiệp và Hội Nông dân huyện đã tổ chức tập huấn, có 22 hợp tác xã thực hiện khoán gọn theo đơn giá. Một số tư liệu sản xuất đã hóa giá cho xã viên, như trâu, bò dùng để cày kéo, nhờ vậy, đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, trả lại giá trị trọn vẹn "một nắng hai sương" cho người nông dân. Họ đã thực sự gắn bó với đồng ruộng. Ngoài diện tích đã giao khoán, người nông dân còn tận dụng lao động, vốn, phương tiện để phục hóa những diện tích hợp tác xã không quản lý. Trước đây do làm ăn không có hiệu quả, xã viên trả hàng trăm ha ruộng đất cho hợp tác xã, không chịu sản xuất, thì từ năm 1987, ruộng đất không còn hoang hóa. Không những thế, việc đầu tư thâm canh, năng suất đạt kết quả cao hơn và khả năng chống dịch bệnh, cả trồng trọt và chăn nuôi tốt hơn. Cơ chế quản lý đúng, bảo đảm được lợi ích cho người lao động, là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, đảm bảo chỉ tiêu

lương thực và thực phẩm. Điều đó không những có ý nghĩa trước mắt mà còn có ý nghĩa quan trọng lâu dài, tạo nền móng cho phát triển kinh tế hàng hóa trên địa bàn huyện.

Trong công tác phát triển lâm nghiệp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần I của huyện xác định: lâm nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn, tiềm năng kinh tế lâm nghiệp của huyện rất lớn và phong phú, nhưng trong thời gian qua vẫn chưa tháo gỡ được khó khăn để biến tiềm năng đó thành hàng hóa phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết đại hội, Đảng bộ bước đầu đã thể hiện được quan điểm gắn nông nghiệp với lâm nghiệp bằng cách khuyến khích các gia đình trồng thêm cây đào lộn hột phủ xanh số diện tích không có rừng, tích cực hạn chế phá rừng làm rẫy, tổ chức thu gom khai thác thác gỗ và những mặt hàng lâm đặc sản khác để trao đổi vật tư, máy móc. Qua đó, thu nộp ngân sách đạt gần 100 triệu đồng, giải quyết một phần căng thẳng về chi ngân sách, đầu tư phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ bản. Huyện thành lập cơ sở chế biến gỗ, kinh doanh lâm đặc sản để từng bước khai thác sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng. Tuy nhiên, khả năng sản xuất và kinh doanh

lâm sản còn quá yếu. Cơ chế quản lý của ngành lâm nghiệp còn gò bó, các quan điểm về trách nhiệm và lợi ích không giải quyết được từ cơ sở, thủ tục giấy tờ còn gây nhiều phiền hà, tạo ách tắc, trong khi tài nguyên rừng bị chặt phá bừa bãi, nhất là gỗ nhóm I, làm cho rừng ngày càng bị thu hẹp. Tình trạng trên có rất nhiều nguyên nhân, nhưng cơ bản vẫn là việc giao đất, giao rừng chưa cụ thể, Nhà nước chưa có chính sách hợp lý nhằm gắn trách nhiệm với lợi ích người trồng rừng, bảo vệ tu bổ rừng, rừng vẫn chưa có chủ thực sự.

Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong huyện tuy đã có bước phát triển nhưng vẫn còn nhỏ bé. Trong những năm qua, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển chủ yếu là ngành sản xuất vật liệu xây dựng, như gạch, ngói, đá chẻ, xay xát lương thực, sản xuất đường thủ công từ cây mía, sản xuất bia rượu, nước đá, sản xuất công cụ cầm tay trong khu vực kinh tế gia đình. Đáng kể nhất là ngành sản xuất vật liệu phát triển tăng 6% nên đã đáp ứng được nhu cầu xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện và chất lượng sản phẩm ngày càng tăng. Ngoài ra, huyện cũng thành lập được trạm kinh doanh và chế biến lâm đặc sản.

Về ngành điện, tuy gặp nhiều khó khăn về ngân sách, nhưng huyện đã cố gắng đầu tư xây dựng thủy điện đập Suối Cát, công suất 10KW, vốn đầu tư 18 triệu đồng, đã đưa vào sử dụng cuối năm 1987, bước đầu phục vụ ánh sáng cho các cơ quan huyện. Nhìn chung, ngành tiểu thủ công nghiệp của huyện phát triển chậm. Đây là mối quan tâm lớn của Đảng bộ huyện.

Trong công tác xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, huyện đã cố gắng cân đối ngân sách, tranh thủ nguồn vốn kinh tế mới và thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", đã xây dựng được một số công trình vừa và nhỏ, như công trình thủy điện Suối Cát, bệnh viện huyện, trường cấp III (trường phổ thông trung học), nhà làm việc của UBND huyện, sửa chữa tuyến đường 335 - 336... Ngoài ra các trường cấp II (nay là trường phổ thông cơ sở) ở Đức Bình, Bắc Ruộng, Nghị Đức, Lạc Tánh cũng đang được đầu tư sửa chữa và xây dựng. Các công trình đã xây dựng tuy khối lượng chưa nhiều nhưng đã thể hiện sự nỗ lực lớn của Đảng bộ và nhân dân trong huyện, từng bước làm thay đổi bộ mặt văn hóa của một trung tâm huyện lỵ. Song, việc quản lý chỉ đạo thi công chưa được chặt chẽ, do đó dẫn đến chất lượng không đảm bảo,

thiếu nghiêm túc trong việc nghiệm thu, bàn giao, quản lý và sử dụng công trình.

Về năng lực vận tải trên địa bàn huyện nhìn chung phát triển khá. Nhân dân đã bỏ vốn mua sắm thêm đầu xe và Nhà nước cung ứng được vật tư, nhiên liệu nên đã góp phần phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, vận chuyển hàng hóa năm 1989 tăng 7 lần so với năm 1986, vận chuyển hành khách tăng 44%. Phương tiện vận chuyển thô sơ như xe bò, xe trâu do nhân dân tự mua sắm, đóng mới tăng rất nhanh, toàn huyện hiện có 500 đầu xe.

Hoạt động thông tin liên lạc có nhiều cố gắng bảo đảm vận chuyển công văn, sách báo, thư từ cho các cơ quan và nhân dân trong huyện, đáp ứng được nhu cầu phục vụ lãnh đạo. Mạng lưới thông tin hữu tuyến được củng cố, nâng cấp và mở rộng. Xây dựng hoàn chỉnh trạm trung chuyển Bắc Ruộng, mắc máy đàm thoại cho nhiều cơ quan và các xã. Tuy nhiên chất lượng đàm thoại chưa cao đã làm hạn chế việc phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của huyện.

Sau cuộc tổng điều chỉnh giá- lương- tiền tháng 9/1985 để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng trên nhiều

mặt kinh tế và đời sống xã hội. Huyện Tánh Linh cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng đó. Trong những năm qua, trên lĩnh vực phân phối lưu thông đã trở thành mặt trận nóng bỏng, cấp bách mà Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, biện pháp giải quyết, như Nghị quyết 03, 10, 16 của Bộ Chính trị và các Quyết định 217, Nghị định 27, 28, 29 của Hội đồng Bộ trưởng nhằm từng bước phát huy mọi năng lực sản xuất, chuyển nền kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh doanh XHCN, đã có những tác dụng tích cực trên nhiều mặt.

Quán triệt chủ trương trên, Đảng bộ Tánh Linh đã có những cố gắng trong việc quản lý thu mua, nắm nguồn hàng ở địa phương, cân đối ngân sách, tiền mặt, tín dụng, đáp ứng một phần nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, đảm bảo đời sống nhân dân. Kết quả huy động lương thực tăng 20% so với năm 1986. Các mặt hàng nông sản, thực phẩm xuất khẩu... đưa tổng giá trị ngoại tệ tăng 96,17%. Cung ứng đầy đủ các mặt hàng định lượng cho cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và các đối tượng chính sách. So với năm 1985, thương nghiệp và dịch vụ tư nhân phát triển khá nên hàng hóa trên thị trường huyện ngày càng phong phú, đa dạng.

Hoạt động thu - chi ngân sách đã được huyện quan tâm chỉ đạo cụ thể. Do đó, việc thu chi ngân sách được cân đối hợp lý và tiết kiệm, bảo đảm được các hoạt động bình thường trên địa bàn huyện, trước hết là bảo đảm lương cho cán bộ, công nhân viên và các đối tượng chính sách. Tuy nhiên, tiền mặt luôn luôn là vấn đề căng thẳng và mất cân đối. Những nguồn chi lớn, nhất là mua lương thực và các nông sản khác vẫn là khâu nan giải ách tắc, có cố gắng huy động tiền mặt tăng 18 lần và xin tỉnh hỗ trợ. Kết quả số dư tiền gởi tiết kiệm của nhân dân trong năm 1988 tăng 17 lần, bình quân đầu người gởi 556 đồng. Nhiều cơ sở đã dẫn đầu trong phong trào gởi tiền tiết kiệm có số dư lớn như Nghị Đức. Cuộc vận động mua công trái trong toàn huyện kết quả được gần 30 triệu đồng, góp phần tích cực trong việc giải quyết khó khăn về ngân sách.

Đảng bộ đã quan tâm hơn đối với công tác văn hóa- xã hội, trên cơ sở nhận thức đầy đủ các quan điểm mới về chính sách xã hội, về xây dựng chiến lược con người. Từng bước đưa các nhiệm vụ phát triển văn hóa- xã hội lên ngang tầm với nhiệm vụ phát triển kinh tế.

Hoạt động y tế đã có nhiều cố gắng trong việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Huyện đã chỉ đạo

khẩn trương thi công xây dựng hoàn chỉnh một số hạng mục công trình bệnh viện để đưa vào sử dụng cuối năm 1988. Chất lượng khám và chữa bệnh được tăng lên, đội ngũ thầy thuốc được tăng cường, từ chỗ bệnh viện không có bác sĩ, nay đã có 5 người và bình quân 1 vạn dân có 0,75 bác sĩ, bước đầu đã sử dụng biện pháp điều trị đông- tây y kết hợp.

Về giáo dục, đã xây dựng hoàn chỉnh trường cấp III (nay là trường phổ thông trung học) và khai giảng năm học 1987-1988 đã có gần 400 học sinh theo học; trong đó, có trên 70 học sinh lớp 12. Tu sửa nơi ăn, chốn ở cho giáo viên và học sinh nội trú và các trường phổ thông cơ sở học sinh tăng bình quân hàng năm 5,38%, bình quân 4 người dân có 1 người đi học; đội ngũ giáo viên cũng được tăng cường.

Thực hiện chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, cán bộ hưu trí, mất sức, gia đình có con em tại ngũ được chú ý giải quyết các chế độ. Động viên, thăm hỏi nhân dân trong ngày kỷ niệm các ngày lịch sử; giải quyết việc làm, học tập cho một số con em gia đình chính sách. Các gia đình chính sách vẫn giữ được truyền thống cách mạng, hăng hái tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng quê hương.

Lớp học nghề tại Trung tâm DN Tánh Linh.

Huyện đã thành lập Công ty chiếu bóng với 3 đội chiếu phim nhựa và vidéo; Đài truyền thanh huyện được nâng cấp và hoạt động đều. Hàng năm nhân các ngày lễ kỷ niệm, ngày tết, huyện tổ chức hội diễn văn nghệ quần chúng và mời các đoàn chuyên nghiệp về biểu diễn trên địa bàn huyện. Đặc biệt, mở được một số cửa hàng dịch vụ văn hóa, nhiếp ảnh, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và nâng cao trình độ hưởng thụ văn hóa văn nghệ của nhân dân.

Cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác an ninh quốc phòng được Đảng bộ coi trọng. Trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội trong giai đoạn đầu đổi mới còn diễn biến phức tạp, tiêu cực ngoài xã hội phát triển, như buôn bán, làm ăn phi pháp, ăn cắp, móc ngoặc; các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè say sưa phá rối trật tự xã hội. Nhưng với tinh thần trách nhiệm, ý thức cảnh giác và sự phối hợp của các ngành trong khối nội chính, đặc biệt là công an, thuế vụ, kiểm lâm, quản lý thị trường đã liên tục đấu tranh bắt và xử lý hàng trăm vụ buôn bán, làm ăn phi pháp, tệ nạn xã hội đã được ngăn chặn một bước đáng kể. Huyện đã xử lý 2.500 vụ vi phạm luật bảo vệ rừng và vận chuyển hàng lâm sản trái phép, thu về cho Nhà nước trên 32 triệu đồng.

Toàn huyện không để xảy ra các vụ án về an ninh chính trị làm thiệt hại lớn về người và tài sản.

Công tác quân sự địa phương phát triển và có mặt đi vào chiều sâu. Huyện ủy đã ra Nghị quyết số 02 về công tác này. Lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng quân dự bị động viên được củng cố và thường xuyên huấn luyện diễn tập hàng năm theo kế hoạch của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Bộ Tư lệnh Quân khu V. Công tác gọi thanh niên nhập ngũ hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu.

Trong thời gian này có toán FULRO do tên K'Long Nhão hoạt động giáp ranh giữa huyện Đạ Oai (Lâm Đồng) với Tánh Linh. Huyện đội đã huy động lực lượng bộ đội địa phương và dân quân phối hợp với huyện bạn tổ chức truy quét thường xuyên, nên sau đó chúng phải chuyển đi nơi khác.

Về công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh là nhiệm vụ hết sức quan trọng, đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đảng bộ kiên định quan điểm: Quyết tâm xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, do đó đã đạt được một số kết quả nhất định.

Về công tác tư tưởng trong thời kỳ đầu thực hiện công cuộc đổi mới, một số cán bộ, đảng viên cho rằng, Đảng ta chủ trương mở rộng quan hệ kinh tế với các nước ngoài phe xã hội chủ nghĩa, trong nước phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, thực hiện khoán gọn, khoán đơn giá theo Nghị quyết 10 có còn nguyên bản chất của chủ nghĩa xã hội không? Nhưng Nghị quyết Đại hội VI, với quan điểm đổi mới của Đảng được cụ thể hóa bằng các Chỉ thị, Nghị quyết, các chính sách cụ thể, Đảng bộ đã tiến hành tổ chức học tập chính trị rộng khắp trong toàn Đảng. Đồng thời mở các đợt sinh hoạt xây dựng Đảng nhân các ngày kỷ niệm 3/2, 19/5 và quán triệt Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị về cuộc vận động lớn "Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội" và "những việc cần làm ngay" nhằm đẩy mạnh tính công khai dân chủ, thực hiện Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị về công tác xây dựng Đảng.

Qua các đợt sinh hoạt chính trị, đa số cán bộ, đảng viên đã giữ vững được vị trí chiến đấu, không dao động, bi quan, thường xuyên rèn luyện nâng cao lập trường giai cấp công nhân, giữ gìn lối sống trong sạch, giản dị. Toàn Đảng bộ đã có sự nhất trí cao với

các quan điểm đổi mới của Trung ương, do đó đã có nhiều cố gắng triển khai thực hiện, nhằm đưa các Chỉ thị, Nghị quyết, đường lối của Đảng vào cuộc sống, từng bước tháo gỡ ách tắc, khó khăn của huyện. Với bầu không khí đổi mới trong sinh hoạt Đảng, đã thể hiện tính dân chủ, tính chiến đấu, dám nói thẳng, nói thật, phê bình góp ý đảng viên, góp ý cho lãnh đạo. Đồng thời đã đề xuất nhiều ý kiến quan trọng giúp Đảng bộ tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, đấu tranh chống những hành vi làm ăn phi pháp, sai nguyên tắc, sinh hoạt không lành mạnh.

Tuy nhiên, công tác tư tưởng chưa đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Đứng trước những khó khăn gay gắt của nền kinh tế, hiện tượng tiêu cực xã hội phát triển, số ít đảng viên thiếu tu dưỡng rèn luyện, lập trường quan điểm không vững vàng, dao động, giảm sút ý chí chiến đấu, sa ngã trong lối sống, có đồng chí đã vi phạm pháp luật Nhà nước, vi phạm kỷ luật của Đảng, phát ngôn vô tổ chức, vun vén cá nhân, không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhưng qua các đợt sinh hoạt kiểm điểm, xếp loại đảng viên đều đủ tư cách, điều đó chứng tỏ việc quản lý đảng viên thiếu chặt chẽ. Trong sinh hoạt Đảng phê và tự phê

bình còn yếu, tình trạng nể nang suê xoa, né tránh, sợ mất lòng, sợ trách nhiệm còn phổ biến. Về công tác kiểm tra còn xem nhẹ, nhất là kiểm tra đảng viên chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ, chưa xây dựng kế hoạch định kỳ kiểm tra theo qui định của Đảng.

Xuất phát từ đặc điểm của Đảng bộ huyện là có số đảng viên ít, nên lâu nay ghép 5 - 6 cơ quan thành một chi bộ, việc quản lý đảng viên là lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị gặp rất nhiều khó khăn. Để quản lý đảng viên và xây dựng Đảng bộ, huyện đã quyết định tách và thành lập thêm một số chi bộ, như Chi bộ Trường phổ thông trung học, Chi bộ Cơ khí máy kéo, Chi bộ Phòng giáo dục, Chi bộ Phòng Thông tin- Văn hóa và thành lập 2 Đảng ủy xã Lạc Tánh, Nghị Đức. Đến năm 1989, toàn Đảng bộ có 33 tổ chức Chi, Đảng bộ, trong đó có 12 chi đảng bộ nông thôn.

Công tác phát triển Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội lần thứ I, được Đảng bộ huyện quan tâm, đã mở 2 lớp đối tượng đảng cho 180 người, các Chi - Đảng bộ mới kết nạp được trên 40 đảng viên. Hầu hết những đồng chí được kết nạp là những đoàn viên, hội viên tích cực trong phong trào thi đua lao động

sản xuất, là những cán bộ có trình độ văn hóa, nghiệp vụ, góp phần làm trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên của huyện. Tuy nhiên, vẫn còn một số Chi - Đảng bộ trong nhiệm kỳ không kết nạp được một đảng viên mới nào. Đây là khuyết điểm lớn, do vẫn còn tư tưởng cầu toàn của một bộ phận đảng viên trong các chi bộ, cũng có khi do việc xác minh lý lịch khó khăn...

Trong công tác tổ chức cán bộ, qua việc thực hiện Thông báo 46 của Ban Bí thư Trung ương, Chỉ thị 67 của Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiện toàn bộ máy Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, giảm biên chế hành chính, huyện đã sắp xếp lại bộ máy, sát nhập một số phòng chuyên môn để hoạt động một cách nhanh gọn và có hiệu quả. Khối Đảng từ chỗ 7 ban còn lại 4 ban (Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên giáo, Dân vận), khối Nhà nước 20 phòng ban còn 10 phòng ban và khối sản xuất kinh doanh cũng được sắp xếp một bước theo hướng giảm đầu mối và bộ phận gián tiếp.

Công tác chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận, Đảng bộ đã cử 43 người đi học ở trường chính trị các cấp (16 đồng chí đi học dài hạn, 10 đồng chí trung cấp, 1 đồng chí cao cấp, 3 đồng chí

học trường quản lý kinh tế, quản lý nhà nước); đề bạt 20 đồng chí giữ chức vụ trưởng, phó ban, ngành, trong đó có 2 đồng chí nữ, phần đông là những đồng chí trẻ đã được thử thách, rèn luyện trong công tác; tiếp nhận 180 giáo viên về giảng dạy đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục địa phương.

Về công tác đoàn thể quần chúng, với quan điểm "lấy dân làm gốc", cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Đảng bộ đã chú trọng việc xây dựng các tổ chức đoàn thể, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho quần chúng nhân dân. Qua đó, đã nâng dần ý thức trách nhiệm của quần chúng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, động viên quần chúng tham gia tốt các phong trào cách mạng, như thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự, mua công trái xây dựng Tổ quốc, gởi tiền tiết kiệm, ủng hộ các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ trên đảo Trường Sa...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện từng bước thể hiện được vai trò trung tâm đoàn kết, tập hợp lực lượng, đã có cố gắng thâm nhập quần chúng, xây dựng tổ chức mặt trận, tham gia xây dựng chính quyền, tuyên truyền, giáo dục về các chính sách tôn

giáo, dân tộc của Đảng, tăng cường khối đoàn kết toàn dân. Công tác Mặt trận còn vận động nhân dân thực hiện ba chương trình kinh tế lớn của Đảng. Vận động xây dựng quỹ bảo thọ 9/14 xã, cùng các đoàn thể vận động mua công trái, gởi tiền tiết kiệm, cứu trợ xã hội. Tuy nhiên, hình thức tổ chức của Mặt trận còn chậm đổi mới, nhiều mặt yếu kém chưa khắc phục được.

Hội Nông dân Việt Nam được củng cố từ cơ sở đến cơ quan thường trực của huyện. Phát huy thắng lợi Đại hội các cấp, hưởng ứng các chính sách đổi mới của Đảng, nông dân hăng hái nhận khoán theo tinh thần Nghị quyết 10. Được làm chủ trong sản xuất, nhiều hộ nông dân đã đầu tư thâm canh tăng vụ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, năng suất, sản lượng ngày càng tăng, tích cực phát triển kinh tế gia đình. Tuy vậy, tổ chức hội chưa được mở rộng, chưa thu hút đông đảo nông dân vào tổ chức hội; nông dân chưa tự giác trong xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, như bệnh viện, trường học... còn ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được Đảng giáo dục và quan tâm dìu dắt, trong nhiệm kỳ qua đã có nhiều cố gắng, gương mẫu đi đầu trong

phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào tình nguyện nhập ngũ sẵn sàng bảo vệ quê hương, đất nước, có ý thức giáo dục và rèn luyện thiếu niên nhi đồng. Từ phong trào, nhiều đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng. Tuy vậy, hoạt động của Đoàn trong thời gian qua còn nhiều mặt yếu kém, các cơ sở đoàn nông thôn hoạt động không thường kỳ, có chiều hướng giảm sút, chỉ còn một bộ phận Đoàn trong nhà trường và khối cơ quan Nhà nước còn hoạt động, nhưng vẫn không đều. Từ đó dẫn đến một bộ phận đoàn viên, thanh niên sa ngã vào hư hỏng, lao vào các hoạt động làm ăn phi pháp, tham gia vào các tệ nạn xã hội.

Hoạt động của Hội Phụ nữ có tiến bộ hơn các đoàn thể khác. Tổ chức hội cơ sở vẫn duy trì được và hoạt động có hiệu quả. Phong trào "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" đang là động lực thúc đẩy chị em vươn lên làm tốt chức năng người mẹ, người vợ. Nhiều cuộc vận động ủng hộ chiến sĩ biên cương, hải đảo, mua công trái, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ, tuyển quân... đều được chị em hăng hái tham gia. Tuy nhiên, phong trào phát triển chưa đều, chưa vững chắc. Nhiều chị em trong độ tuổi học còn mù chữ, nên hiểu biết của chị em trên nhiều lĩnh vực còn hạn chế, nhất là chị em phụ nữ

các dân tộc ít người. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới còn buông lỏng. Thiếu sót trên, do Đảng bộ quan tâm chưa đúng mức và trình độ năng lực cán bộ Hội chưa theo kịp với tình hình mới.

Tổ chức Công đoàn nhìn chung vẫn giữ được sinh hoạt bình thường, nên đã thực hiện được chức năng tham gia quản lý Nhà nước. Đối với cán bộ, công nhân viên, ý thức làm chủ tập thể được nâng lên, tham gia đấu tranh chống tiêu cực trong xã hội. Bên cạnh đó, cũng còn những thiếu sót, như hoạt động công đoàn không đều, không mạnh, chưa gây dựng được khí thế thi đua sôi nổi trong cán bộ, công nhân viên chức, ý thức làm chủ tập thể chưa cao, còn có những biểu hiện cửa quyền, hách dịch, thậm chí còn một số ít công nhân viên ăn cắp, móc ngoặc, tham gia các hoạt động làm ăn phi pháp, vi phạm kỷ luật lao động.

Hội Chữ thập đỏ và Hội Y học dân tộc đã có những cố gắng, đã phối hợp với ngành y tế thực hiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, vận động quần chúng giữ gìn vệ sinh phòng bệnh, hoạt động cứu trợ xã hội thiết thực. Hội Y học dân tộc thành lập phòng Chẩn trị Y học Dân tộc huyện và tổ Y học dân tộc ở các xã. Bước đầu, Hội đã khai thác chế biến thuốc

nam trong điều trị, song hoạt động chưa đều, chưa đầu tư thích đáng để cho Hội hoạt động phục vụ tốt nhân dân.

Do đặc điểm cơ cấu dân cư trong huyện bao gồm nhiều thành phần dân tộc, trong đó có số dân tộc ít người như K'ho, Rai, Chăm đã sinh sống lâu đời ở địa phương nên Đảng bộ luôn coi trọng và thường xuyên quan tâm chỉ đạo về sản xuất, đời sống vật chất, tinh thần cho bà con, tôn trọng và tạo điều kiện phát triển các tập quán tốt đẹp, giữ gìn truyền thống đoàn kết các thành phần dân tộc trong huyện. Song, nhìn chung đời sống đại bộ phận nhân dân các dân tộc ít người chưa ổn định, có vùng hàng năm vẫn bị thiếu đói, sản xuất không phát triển, nhà cửa tạm bợ, những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan chưa xoá bỏ, phần động con em không được học hành và huyện chưa có kế hoạch đào tạo cán bộ các dân tộc ít người.

Như vậy, sau gần 03 năm triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I, trước thực trạng nền kinh tế - xã hội có nhiều biến động phức tạp, đó là những thử thách gay go và không kém phần quyết liệt đối với Đảng bộ trước vận mệnh của các dân tộc trong huyện. Nhưng, Đảng bộ đã đoàn kết nội bộ, đoàn kết toàn dân, ra sức khắc phục khó khăn thực

hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương, từng bước ổn định đời sống, giữ vững an ninh-quốc phòng. Kết quả đó càng có ý nghĩa hết sức quan trọng là tạo niềm tin cho nhân dân vào sự nghiệp xây dựng quê hương theo đường lối đổi mới của Đảng.

Sau gần 03 năm thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ I, từ ngày 10 đến ngày 11/4/1989, Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tánh Linh lần thứ II, nhiệm kỳ 1989- 1991 đã thành công tốt đẹp. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II đã đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ I, đề ra phương hướng nhiệm kỳ II và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ. Kết quả bầu Ban Chấp hành Đảng bộ lần II, nhiệm kỳ 1989-1991 có 27 ủy viên và 9 đồng chí trong Ban Thường vụ, gồm:

1. Đ/c Nguyễn Quang Kiệu, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy;

2. Đ/c Huỳnh Quang Hòa, Phó Bí thư- Chủ tịch UBND huyện;

3. Đ/c Dương Đình Châm, UVTV, trực Đảng;

4. Đ/c Nguyễn Hữu Trí, UVTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;

5. Đ/c Phạm Ngọc Chính, UVTV, Trưởng ban Tổ chức;

6. Đ/c Hồ Đức Hiền, UVTV, Chỉ huy trưởng Quân sự;

7. Đ/c Nguyễn Văn Tới, UVTV, Trưởng Công an huyện;

8. Đ/c Huỳnh Hữu Sâm, UVTV, Chủ tịch MTTQ huyện;

9. Đ/c Trần Khánh Linh, UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện.

Từ năm 1989 đến 1991, thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện nhiệm kỳ II với tư tưởng chỉ đạo là "...Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế-xã hội, thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, mà trọng tâm là chương trình lương thực, thực phẩm ...".

Trong sản xuất nông nghiệp, huyện tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, đã tạo ra động lực mới trong sản xuất. Nông dân phấn khởi nhận ruộng khoán, đầu tư vốn thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích, cải tạo đồng ruộng, sử dụng giống mới, vật nuôi, cây trồng. Họ đã thật sự gắn bó với mảnh đất, thửa ruộng, nơi mình đến sinh cơ lập nghiệp, kể cả bà con ở Phan Thiết đi kinh tế mới nhiều năm nhưng vẫn sống trong cảnh tạm bợ "chân trong, chân ngoài". Sản lượng

lương thực tăng bình quân 6%/năm (năm 1989: 28.769 tấn, năm 1991 trên 32.000 tấn), bình quân lương thực 492kg/người/năm.

Diện tích cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày tăng khá, nhất là cây màu (năm 1989: 1.777 ha, năm 1991 lên 2.796 ha). Cây đào năm 1989: 990 ha, năm 1991: 1.100 ha. Cây tiêu chựng lại, gần đây có xu hướng giảm nhanh, do giá cả không tương xứng với vốn đầu tư, lại bị sâu bệnh. Năm 1991, huyện chỉ đạo đưa cây bông vào kế hoạch trồng thử 200 ha. Huyện đã hợp đồng với Trung tâm Nha Hố trồng được 165 ha, nhưng do thời tiết không thuận (cuối tháng 8 và đầu tháng 9 mưa nhiều), chỉ tồn tại 86 ha, phát triển tốt. Cây mía - cây truyền thống của địa phương phát triển diện tích rộng ở dọc sông La Ngà, nhưng do giá cả thấp và thiếu thị trường tiêu thụ nên diện tích trồng bị giảm. Năm 1991, huyện đưa vào kế hoạch trồng mía khoảng 80 ha, phần lớn được trồng ở xã Gia An.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm tăng bình quân 5%/năm và tăng 23% so với thời kỳ 1987-1989 (năm 1989 có 6.280 con, năm 1991 tăng lên 8.591 con, trong đó đàn bò có 2.719 con). Một số nơi còn nuôi vịt đàn và phát triển chăn nuôi dê để vừa phục vụ thực phẩm tại chỗ và bán sang các địa phương khác.

Tồn tại của sản xuất nông nghiệp là tình trạng vi phạm luật đất đai khá phổ biến ở các xã, thể hiện ở việc phân bố ruộng đất không đều giữa các xã, giữa các hợp tác xã và giữa các hộ; việc giấu diện tích, khai thấp sản lượng, năng suất và cấp đất, bán đất không thông qua các ngành chức năng.

Về lâm nghiệp, trước năm 1990, huyện quản lý rừng và đất rừng. Tổng diện tích rừng tự nhiên ở Tánh Linh là 93.353 ha, trữ lượng lâm sản ước tính 11.980.000m^3 gỗ các loại từ nhóm 1 đến nhóm 8; 13.856 tấm lá buông và trên 750 triệu cây tre nứa. Trong đó, 5 đơn vị lâm trường của trên quản lý 87.387,5 ha (1); còn 16.948 ha chủ yếu đất ở do huyện quản lý. Tổng thu ngân sách của ngành lâm nghiệp trên địa bàn huyện trong 3 năm 1989 - 1991 là 3.085.898.180 đồng, trong đó thu thuế nuôi rừng đạt 2.621.096.243 đồng.

Tuy nhiên, rừng là vàng, tài sản vô giá của quốc gia nhưng đã bị khai thác không có kế hoạch làm thất thoát lớn thu ngân sách của Nhà nước và môi trường sinh thái bị đe dọa. Trong việc giao đất,

---

(1) Gồm Lâm trường La Ngà, Lâm trường Thuận Hải II, Lâm trường Quân đội, Lâm trường Sông Cát và Ban quản lý rừng cấm Biển Lạc.

giao rừng cho nhân dân sinh sống bằng nghề rừng, cơ chế phối hợp quản lý giữa ngành và lãnh thổ chưa chặt chẽ và đồng bộ. Các lâm trường rất sơ hở trong khâu quản lý bảo vệ rừng, liên doanh liên kết với tư nhân ở thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai khai thác gỗ bừa bãi. Một số tư nhân núp dưới vỏ "công ty " thu gom, khai thác, chế biến, vận chuyển, làm ăn gian dối, làm thiệt hại nghiêm trọng sản phẩm lâm nghiệp và gây rối trật tự xã hội.

Về kinh tế tập thể, huyện vận dụng quan điểm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy đã đem lại chuyển biến rõ nét. Toàn huyện có 27 hợp tác xã và 12 tập đoàn sản xuất, qua khảo sát phân loại với cơ chế "khoán 10", người nông dân đã thiết tha gắn bó với đất ruộng để sản xuất, yên tâm đầu tư vốn và lao động mở rộng diện tích, thâm canh, tăng vụ nên năng suất, sản lượng năm sau tăng hơn năm trước. Các hợp tác xã ổn định diện tích khoán và hàng năm giảm sản lượng nộp khoán của xã viên từ 40- 50% năm 1989 xuống 20 - 25% năm 1991 và tinh giảm bộ máy gián tiếp (ban quản lý năm 1989 có 400 người, năm 1991 còn 172 người). Do đó, phần đóng góp của xã viên để chi cho quản lý hợp tác xã giảm được 856 tấn lúa.

Nhiều hợp tác xã đảm nhận dịch vụ cho xã viên từ 3- 5 khâu như cày đất, phân bón, giống, phát hiện và dập dịch sâu bệnh... Mặt khác, còn bảo tồn được vốn lưu động, giải quyết nợ tồn đọng thuế, sản phẩm giữa xã viên với hợp tác xã và hợp tác xã với Ngân hàng, Chi Cục thuế. Quan tâm giúp đỡ những gia đình chính sách, neo đơn, nghèo túng nên đã tạo sự gắn bó xã viên với hợp tác xã. Phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế ngoài quốc doanh, Đảng bộ đã vận dụng vào thực tế địa phương, qua đó động viên mọi tầng lớp nhân dân bỏ vốn đầu tư phát triển kinh tế hộ gia đình với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đem lại nguồn thu đáng kể. Một bộ phận lớn nhân dân đời sống được ổn định và có bước cải thiện rõ nét, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới [1].

---

(1) Toàn huyện có 13.188 hộ, với trên 7 vạn dân. Trong đó:

+ Hộ giàu có thu nhập trên 5 triệu/năm là 896 hộ, chiếm 6%;

+ Hộ khá giả, thu nhập từ 3-5 triệu/năm là 4.743 hộ, chiếm 36%;

+ Số hộ trung bình, có mức thu nhập 2-3 triệu/năm là 5.062 hộ, chiếm 38%;

+ Số hộ nghèo, có mức thu 1 triệu trở xuống là 2.487 hộ, chiếm 20%.

Phát triển kinh tế gia đình với nhiều hình thức khác nhau: ngoài việc thu nhập từ kinh tế tập thể (nhận ruộng khoán), đại bộ phận nhân dân chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cây ăn trái, cây thực phẩm, cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày, như các loại cây tiêu, đào, mía, dâu tằm, đậu phụng, đậu nành... theo mô hình VC (vườn - chuồng) hoặc VAC (vườn-ao- chuồng). Một bộ phận mở dịch vụ chế biến nông sản, thực phẩm, dịch vụ thương nghiệp; hợp đồng khai thác, chế biến lâm sản cho lâm trường hoặc phát triển tiểu thủ công nghiệp như rèn, mộc, gò, hàn, đan lát, sửa chữa cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng. Tổng số máy xay xát (lúa, bắp, mì, thức ăn gia súc) 71 máy, với tổng công suất 24,3 tấn/giờ (năm 1987 - 1988 có 23 máy), máy kéo lớn nhỏ 49 máy (năm 1987- 1989 chỉ có 12 máy), chưa kể 17 máy kéo quốc doanh, 24% số hộ có máy suốt lúa, máy bơm nước. Phương tiện vận tải đơn vị quốc doanh có 4 xe chở khách, 3 xe vận tải hàng hóa. Tư nhân bỏ vốn mua 11 xe tải và 4 xe chở khách.

Tiểu thủ công nghiệp có giá trị tổng sản lượng bình quân đạt 26 triệu (giá năm 1982), tăng so với thời kỳ 1987- 1989 là 71 %, chủ yếu sản xuất vật liệu xây dựng (đá chẻ, gạch ngói, cát) đáp ứng đủ nhu cầu xây dựng cơ bản trong huyện và tham gia thị

trường trong tỉnh. Ngoài ra còn phát triển cơ khí sửa chữa, dịch vụ chế biến lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc.

Về thông tin - bưu điện, theo chỉ đạo của ngành dọc và kế hoạch của huyện, hoạt động thông tin - bưu điện đã đổi mới thiết bị (hệ thống bán tự động) đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, ý thức phục vụ tốt hơn, bảo đảm cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; Nhà nước và của nhân dân trong huyện với các nơi trong tỉnh, trong nước và quốc tế.

Toàn huyện có 338 hộ đăng ký kinh doanh dịch vụ. Tuy chưa nhiều so với các huyện, thành phố trong tỉnh, nhưng với thị trường nhỏ hẹp thì con số trên là đáng kể, đã đáp ứng được hàng tiêu dùng và tạo thuận lợi mua bán trao đổi cho nhân dân. Hiện đã hình thành 5 tụ điểm kinh tế, văn hóa với 5 chợ nông thôn xây dựng kiên cố, buôn bán sầm uất, nhất là trung tâm huyện lỵ và ở xã Măng Tố, thể hiện bộ mặt của một thị trấn, thị tứ rõ nét. Đi đôi với việc mở rộng sản xuất kinh doanh huyện tăng cường chỉ đạo chống thất thu nhằm đảm bảo ngân sách cho hoạt động. Tuy nhiên, tình trạng trốn thuế, nợ thuế dây dưa và làm hàng giả vẫn còn xảy ra.

Kinh tế quốc doanh, trên địa bàn huyện có 11 đơn vị, trong 3 năm 1989 - 1991 được Uỷ ban nhân dân huyện quan tâm củng cố để từng bước thích ứng với cơ chế thị trường. Song, nhìn chung các đơn vị có nhiều khó khăn thử thách (trừ các đơn vị lâm trường và vật tư), còn lại các đơn vị cơ khí, máy kéo, ô tô, thương nghiệp, lương thực không cạnh tranh nổi với tư nhân, dẫn đến hoạt động cầm chừng hoặc thua lỗ mất vốn.

Thu ngân sách từ 1989 đến 1991 tăng 3,6 lần so với nhiệm kỳ 1987- 1989, với cơ cấu nguồn thu: Thu từ kinh tế quốc doanh (chủ yếu các lâm trường), chiếm 54%; thu từ kinh tế ngoài quốc doanh (thuế nông nghiệp thu từ các hợp tác xã, thuế ở các bộ phận kinh doanh dịch vụ) chiếm 26%.

Tổng chi ngân sách cũng tăng 3,5 lần so với trước, tập trung cho xây dựng cơ bản khá lớn, phân theo tỉ lệ đầu tư các hạng mục: giao thông, thủy lợi, giao thông nội đồng; xây dựng, sửa chữa nhà làm việc và công trình phúc lợi, chưa kể hàng vạn ngày công được huy động, trị giá hàng tỉ đồng xây dựng giao thông nội đồng, cải tạo đồng ruộng và xây dựng các trường học.

Về lĩnh vực xã hội, hai năm thực hiện chủ trương giảm nhẹ biên chế ở các cơ quan hành chính sự nghiệp và chuyển hướng sản xuất kinh doanh của các đơn vị quốc doanh (thương nghiệp, lương thực, Nông trường La Ngà, cơ khí máy kéo... (1).

Về giao thông, mặc dù các trục đường đều bị hư hỏng, lầy lội ở các đoạn khác nhau, do nền đường xây dựng không bảo đảm kỹ thuật và đang trong thời điểm xuống cấp, địa hình phức tạp, nên sửa đoạn này lại hư đoạn khác do vận chuyển sản phẩm lâm nghiệp của các lâm trường với khối lượng lớn. Trong tình hình đó, huyện đã chú ý tập trung xây dựng kiên cố gần 20 cầu cống lớn xung yếu nên đã bảo đảm giao thông tốt hơn trước. Các loại phương tiện phục vụ cho sản xuất kinh doanh đã được các cơ quan Nhà nước và tư nhân mua sắm gần 50 ô tô lớn nhỏ các loại.

Về văn hóa - giáo dục, toàn huyện có 02 Đội chiếu bóng, chiếu phim nhựa và vidéo quốc doanh. Ngoài ra trung tâm huyện và các xã còn có sân vận động, nhà hát để phục vụ, nên đã đáp ứng tốt hơn về nhu cầu văn hóa của nhân dân.

---

(1) Giảm 610 người khối cơ quan và 131 người khối xã, giải quyết nghỉ chế độ hưu trí - mất sức 49 người, được đảm bảo đầy đủ chế độ chính sách theo Chỉ thị 176 của Hội đồng Bộ trưởng.

Ngành giáo dục đã huy động 15.000 học sinh từ mẫu giáo, nhà trẻ đến phổ thông cơ sở và phổ thông trung học đến trường. Tính bình quân cứ gần 5 người dân có 1 người đi học, đảm bảo đủ phòng học và bàn ghế cho thầy cô giáo và học sinh. Trong đó, 80% phòng học được xây dựng kiên cố, không còn tình trạng học 3 ca và trường lớp tạm bợ. Đời sống giáo viên được quan tâm tốt hơn. Nhờ vậy nên đại bộ phận giáo viên đã yên tâm giảng dạy, chịu khó bám trường, bám lớp, số giáo viên bỏ nghề không đáng kể, chất lượng giáo dục được nâng lên một bước, phong trào học sinh giỏi đã khởi sắc. Nhiều học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học đã tình nguyện làm đơn thi vào sư phạm để sau này về phục vụ dạy học tại địa phương. Đây là một cố gắng lớn của một huyện có nhiều người dân từ các nơi về đây xây dựng vùng kinh tế mới.

Về y tế, huyện đã cố gắng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đào tạo thầy thuốc. Đội ngũ y tá, y sĩ, bác sĩ, tăng 30% so với thời kỳ 1987 - 1989, các địa phương và nơi có đông đồng bào kinh tế mới của huyện đều có hiệu thuốc. Mỗi trạm y tế xã đều có tủ thuốc dân lập. Trong huyện đã hình thành một hệ thống mạng lưới khám chữa trị với 1 bệnh viện trung tâm, 1 phòng khám đa khoa, 1 phòng chẩn trị đông

y, 1 trung tâm dịch vụ sinh đẻ có kế hoạch với trên 100 giường bệnh, nên đã thực hiện được phương châm "thầy tại chỗ, thuốc tại chỗ", hạn chế rất lớn tình trạng do bị tử vong về dịch bệnh và các bệnh thông thường khác. Đặc biệt, bệnh viện đã hình thành khoa ngoại, với 1 phòng mổ, được trang bị khá hiện đại và một kíp mổ gồm các y, bác sĩ có tay nghề giỏi, có tinh thần trách nhiệm cao đảm nhận nhiều ca mổ khá an toàn, hạn chế việc chuyển bệnh nhân lên tuyến trên. Đã có 12/14 xã có trạm y tế, công tác tiêm chủng mở rộng đạt khá hơn trước.

Thực hiện Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị, Nghị định 69 của Hội đồng Bộ trưởng về chính sách tôn giáo, năm 1990- 1991 đã cho phép bà con có đạo (chủ yếu là đạo Phật và Thiên chúa Giáo) xây mới, tu sửa 3 nhà thờ và 5 chùa ở khu vực Gia An, Lạc Tánh, Huy Khiêm, Đức Tân, Nghị Đức, nên quần chúng có đạo đã yên tâm sản xuất, phần nào đã xoá đi sự mặc cảm, nghi ngờ về chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng.

Toàn huyện có trên 11.000 người thuộc đồng bào các dân tộc ít người (Rai, K'ho, Chăm, Nùng...) đã định canh định cư và đi vào sản xuất ổn định, nhất là đồng bào Rai, K'ho đã thành thạo sản xuất lúa nước, một bộ phận đã biết làm vườn, trồng cây công nghiệp

và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tình trạng du canh du cư, phá rừng làm rẫy giảm nhiều, một bộ phận đã đủ ăn, đời sống được cải thiện, mua sắm trang thiết bị đắt tiền phục vụ sản xuất và đời sống văn hóa. Trường học, trạm xá, nhà làm việc ủy ban, nơi hội họp sinh hoạt của tập đoàn, đội sản xuất được xây cất khang trang kiên cố. Thôn Đồng Me, xã Măng Tố được vốn đầu tư định canh định cư của tỉnh cấp xây dựng 2 đập thủy lợi trị giá gần 80 triệu đồng.

Tình hình chính trị trên thế giới diễn biến rất phức tạp, nhất là sau khi các nước Xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, đang là mối quan tâm băn khoăn lo ngại của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng. Trong khi đó, chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế coi Việt Nam là trọng điểm chống phá. Chúng đang tìm mọi thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, trắng trợn tuyên truyền kích động, xuyên tạc, móc nối với bọn phản động trong nước, phần tử thoái hóa biến chất, cơ hội, bất mãn để hòng làm giảm vai trò lãnh đạo của Đảng, đi đến vô hiệu hóa và lũng đoạn chính quyền. Tình hình kinh tế - xã hội trong nước cũng như tỉnh, huyện, thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo đã đạt được những thành tựu quan trọng, song vẫn còn những khó khăn trở ngại trên

nhiều lĩnh vực. Đó là yếu tố không thuận lợi cho công tác an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Nhưng trên lĩnh vực này, Đảng bộ huyện vẫn giữ vững, không để những tình huống xấu xảy ra. Lực lượng bộ đội, công an, dân quân tự vệ được tăng cường về số lượng và chất lượng, sẵn sàng chiến đấu, thực sự là công cụ chuyên chính rất đáng tin cậy của Đảng bộ. Lực lượng dân quân tự vệ thường xuyên được củng cố, bổ sung từ lãnh đạo đến chiến sĩ, đảm bảo chất lượng và tỉ lệ thích hợp. Công tác huấn luyện, diễn tập đã đi vào nề nếp với chất lượng ngày càng cao. Làm tốt chính sách hậu phương quân đội. Giao quân vượt chỉ tiêu trên giao, bình quân mỗi năm là 120%. Công tác quân sự địa phương của huyện đã được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chọn là lá cờ đầu của tỉnh, được đi báo cáo điển hình tại Hội nghị quân sự địa phương Quân khu V tại Đà Nẵng.

Từ tháng 5/1989, thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác an ninh trật tự trong tình hình mới, kết hợp với Quyết định 240 về chống tham nhũng với 11 cao điểm truy quét trấn áp các loại đối tượng chính trị và hình sự. Lực lượng công an kết hợp với các ngành trong khối nội chính, các đoàn thể quần chúng phát hiện, điều tra, thanh tra xác minh làm rõ hàng

trăm vụ, với hàng ngàn đối tượng các loại và được xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau đã góp phần quan trọng giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội và tạo môi trường thuận lợi cho Đảng bộ lãnh đạo nhiệm vụ chính trị của địa phương, thực hiện công cuộc đổi mới và đã thu được những thành tựu kinh tế - xã hội rất quan trọng.

Mặc dù những biến động phức tạp về chính trị ở các nước Đông Âu và Liên Xô có tác động đến đảng viên và nhân dân, về công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ huyện đã quán triệt quan điểm Nghị quyết 5, 6, 7,8 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI; thông qua những đợt sinh hoạt chính trị kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm 1990, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ và học tập 5 quan điểm cơ bản của các văn kiện được Đại hội VII đề ra, đại bộ phận cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất chính trị, lối sống giản dị trong sạch, trung thành và kiên định với con đường XHCN mà Đảng và Bác Hồ đã chọn. Số đảng viên thực sự tiền phong gương mẫu theo yêu cầu của công cuộc đổi mới chiếm tỉ lệ cao. Đặc biệt là củng cố được khối đoàn kết nhất trí từ các đồng chí cán bộ chủ chốt trong nội bộ Đảng và trong quần chúng, nên đã tạo ra bước phát triển quan trọng về kinh tế- xã hội, an ninh - quốc phòng.

Đến 30/9/1991, tổng số đảng viên trong Đảng bộ huyện có 600 đồng chí, sinh hoạt trong 35 tổ chức Chi, Đảng bộ, so với đầu nhiệm kỳ (tháng 4/1989) tăng 163 đồng chí.

Thực hiện Thông báo 46 của Ban Bí thư Trung ương và Chỉ thị 176 của Hội đồng Bộ trưởng, huyện đã tiến hành kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính các cấp với phương châm tinh giản, gọn nhẹ, nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng và hiệu quả công tác. Sau gần 3 năm thực hiện, đã giảm được 21 đơn vị đầu mối (1), chủ yếu là Công ty Thương nghiệp và Nông trường La Ngà. Toàn huyện hiện có 21 cơ quan với 154 công nhân viên chức. Đồng thời đề bạt, bổ nhiệm 29 đồng chí trưởng, phó phòng ban của huyện, 28 đồng chí giám đốc, phó giám đốc các đơn vị kinh tế, bầu bổ sung 11 đồng chí Cấp ủy cơ sở, 10 đồng chí Bí thư Chi, Đảng bộ, bầu mới 7 đồng chí Chủ tịch và 20 Phó Chủ tịch xã; tuyển dụng mới 19 nhân viên và điều động 73 đồng chí.

Sau đợt bầu cử HĐND 3 cấp (tháng 11/1989), chính quyền từ huyện tới xã được Đảng bộ thường

---

(1) Các đơn vị sản xuất kinh doanh: 6, hành chính sự nghiệp: 15 và 610 cán bộ, công nhân viên chức (hành chính sự nghiệp 23 và sản xuất kinh doanh 577).

xuyên chăm lo, củng cố và bổ nhiệm 7 đồng chí Chủ tịch, 20 Phó Chủ tịch, một số trưởng, phó ban ngành huyện. Nhìn chung đội ngũ chính quyền các cấp, qua thực tiễn công tác đã phát huy được năng lực tổ chức thực hiện và trình độ điều hành quản lý có nhiều tiến bộ. Do đó, cơ chế "Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ" được vận hành rõ nét hơn trước. Tình trạng Đảng làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo công việc của chính quyền đã giảm đáng kể và hiệu lực quản lý của Nhà nước được đề cao.

Các đoàn thể quần chúng tuy nhiệm vụ và chức năng của mỗi tổ chức có khác nhau, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa Đảng và quần chúng, tập hợp, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân vào hành động cách mạng. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8B về đổi mới công tác quần chúng của Đảng đã có bước chuyển biến cơ bản về nhận thức và hành động của các Cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành và đã tạo thuận lợi cho các đoàn thể hoạt động.

Trong thực tế, công tác đoàn thể quần chúng còn vô vàn khó khăn chủ quan, khách quan tác động, cản trở. Đó là sự phá hoại về tư tưởng và lối sống thực dụng tác động đến quần chúng, nhất là thanh-

thiếu niên. Qua Đại hội các đoàn thể từ cơ sở đến huyện, Ban Chấp hành các cấp được kiện toàn một bước theo hướng tinh gọn, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động. Từng đoàn thể bám sát chức năng, nhiệm vụ của mình tháo gỡ với những biện pháp thích hợp.

Đoàn thanh niên tổ chức về thăm căn cứ Nam Sơn, cắm trại văn nghệ, thể dục thể thao. Hội Nông dân với phong trào "nông dân sản xuất giỏi", những mô hình khoán 10 theo cơ chế mở của Đảng. Hội Phụ nữ kiên trì cuộc vận động "giúp nhau làm kinh tế gia đình, chống trẻ suy dinh dưỡng và chống trẻ bỏ học nửa chừng, nuôi con khỏe dạy con ngoan, phụ nữ tham gia quản lý nhà nước", quyên góp vật chất, động viên con em lên đường nhập ngũ, thăm bộ đội ngoài đảo, thăm vùng thiên tai lũ lụt, v.v... Hội Chữ thập đỏ với chức năng là một tổ chức làm công tác nhân đạo của mình đã cứu trợ hàng chục tấn gạo cho gia đình thiếu đói, cơ nhỡ. Mặt trận làm tốt đợt bầu cử HĐND 3 cấp, làm tốt công tác vận động quần chúng tôn giáo và dân tộc, tạo được khối đoàn kết toàn dân để góp phần đưa nền kinh tế huyện nhà từng bước phát triển.

Ngoài những khó khăn chung như các địa phương trong tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Tánh Linh

còn có những khó khăn riêng mang tính đặc thù, đó là mâu thuẫn gay gắt giữa mục tiêu phấn đấu dân giàu nước mạnh theo định hướng XHCN với thực trạng một kết cấu hạ tầng nghèo nàn lạc hậu, nhất là về giao thông, thủy lợi, năng lượng điện. Nhưng kết quả nổi bật của huyện là mặt trận nông nghiệp, ngành kinh tế chủ yếu cây lúa, cây màu, cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày, cả chăn nuôi gia súc gia cầm, với năng suất, sản lượng, diện tích năm sau tăng hơn năm trước. Do vậy, tổng sản lượng lương thực hàng năm tăng đáng kể. Kết quả sản xuất nông nghiệp là thắng lợi có ý nghĩa nền tảng của Tánh Linh để ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, hoàn thành nghĩa vụ cho Nhà nước và cải thiện một bước đời sống nhân dân, trong đó có đến 70% là đồng bào kinh tế mới.

Quán triệt 2 nhiệm vụ chiến lược của Đảng, đã gắn chặt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với công tác an ninh- quốc phòng được giữ vững, trật tự an toàn xã hội có mặt chuyển biến tiến bộ.

Trong suốt quá trình chặng đường đầu đổi mới, Đảng bộ tiếp tục công tác xây dựng Đảng, coi đó là một nội dung then chốt, nên được tiến hành thường xuyên, liên tục, gắn với các nhiệm vụ kinh tế - xã

hội, không ngừng nâng cao năng lực, sức chiến đấu của Đảng, cũng như hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp.

Những kết quả nêu trên, tuy mới là bước đầu, nhưng có ý nghĩa rất quan trọng, nó đã khẳng định sự đúng đắn của các chủ trương đổi mới của Đảng, sự vận dụng sáng tạo cụ thể vào hoàn cảnh của huyện, sự phấn đấu quyết tâm, sự đoàn kết thương yêu gắn bó của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện, làm cho mỗi đơn vị, mỗi địa phương nhận rõ mình hơn, tự tìm ra lời giải đáp cho chính mình, tự tin vào khả năng và sức lực của mình trên bước đường tiếp tục đổi mới.

Chương V:

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN TÁNH LINH TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1991 - 2000)

Sau 15 năm thành lập tỉnh Thuận Hải (1976-1991), nhân dân trong tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ cải tạo, xây dựng CNXH và bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới. Đến năm 1991, do yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII

đã quyết định phân chia Thuận Hải thành 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Ranh giới Bình Thuận bao gồm cả tỉnh Bình Tuy và Bình Thuận trong kháng chiến chống Mỹ, gồm có các huyện Phú Quý, Tuy Phong, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh và thị xã Phan Thiết (năm 1999 nâng lên thành phố). Đến cuối năm 2005, huyện Hàm Tân chia thành huyện Hàm Tân và thị xã La Gi; huyện Tánh Linh thuộc tỉnh Bình Thuận.

Để chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ VIII, các cơ sở Đảng trong tỉnh thực hiện Chỉ thị 59 ngày 25/5/1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 75 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành Đại hội các cấp.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, từ ngày 9 đến ngày 10/4/1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tánh Linh lần thứ III (1991 - 1995) đã diễn ra tại thị trấn Lạc Tánh, có 99 đại biểu chính thức do 35 cơ sở Đảng bầu và 3 đồng chí đại biểu cấp tỉnh, tổng cộng có 102 đại biểu được triệu tập về tham dự Đại hội. Ngoài việc đại biểu Đại hội tham gia góp ý kiến Cương lĩnh chính trị của Đảng, Báo cáo chính trị chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh và Báo cáo chính trị của Đảng bộ huyện, Đại hội còn bầu đại biểu đi dự

Đại hội Đảng cấp trên và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa III, có 31 ủy viên; Ban Thường vụ huyện có 9 đồng chí, gồm:

1. Đ/c Nguyễn Quang Kiệu, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy;

2. Đ/c Huỳnh Quang Hòa, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện;

3. Đ/c Nguyễn Hữu Trí, UVTV, trực Đảng;

4. Đ/c Trần Khánh Linh, UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện;

5. Đ/c Phạm Văn Hồng, UVTV, Chủ nhiệm Ủy Ban Kiểm tra;

6. Đ/c Phạm Ngọc Chính, UVTV, Trưởng Ban Tổ chức;

7. Đ/c Nguyễn Sơn Huệ, UVTV, Trưởng Ban Dân vận;

8. Đ/c Nguyễn Đình Phương, UVTV, Trưởng Công an;

9. Đ/c Nguyễn Quang Tân, UVTV, Chỉ huy trưởng Quân sự.

Đến tháng 7/1993, đồng chí Nguyễn Quang Kiệu chuyển về Sở Giáo dục tỉnh, đồng chí Huỳnh Quang Hòa được bầu làm Bí thư Huyện uỷ và đồng

chí Trần Khánh Linh được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch UBND huyện.

Giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III, thực hiện Chỉ thị số 13 ngày 1/9/1993 về việc tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Trung ương Đảng, đầu năm 1994, Đảng bộ huyện đã tiến hành Hội nghị giữa nhiệm kỳ. Hội nghị thảo luận và ra Nghị quyết về công tác 2 năm (1991 - 1993) và phương hướng 2 năm còn lại (1994 - 1995) của nhiệm kỳ III và bầu bổ sung Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ III (1991 - 1995) đã đề ra nhiệm vụ và mục tiêu tổng quát đến năm 1995 là: Giữ vững an ninh chính trị, tạo điều kiện để ổn định và phát triển kinh tế- xã hội. Đẩy mạnh hơn nữa nền kinh tế hàng hóa, chủ yếu là hàng hóa nông - lâm sản mà trọng tâm là sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở củng cố hợp tác xã và phát triển mạnh kinh tế hộ gia đình nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; tạo thêm việc làm cho người lao động, giảm mạnh nhịp độ tăng dân số. Tìm mọi nguồn thu với quan điểm tận thu để đảm bảo chi. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, trong đó Lâm trường Sông Cát được chuyển sang quản lý khu rừng đặc dụng Núi Ông -

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện lần thứ IV (1996 - 2000).

Ảnh: Tư liệu

Biển Lạc, phải sắp xếp lại tổ chức xây dựng kế hoạch để bảo vệ rừng đúng với quy định chức năng trên giao. Giữ gìn động thực vật quý hiếm cho quốc gia. Đồng thời làm tốt việc khoanh nuôi, trồng rừng, bảo vệ rừng, đi đôi với khai thác kinh doanh chế biến lâm sản theo kế hoạch đã được cấp trên duyệt. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong mọi mặt đời sống xã hội. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Đổi mới tổ chức và cán bộ theo hướng làm cho bộ máy Đảng và Nhà nước thật sự trong sạch vững mạnh. Củng cố vững chắc an ninh và quốc phòng, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Mục tiêu cụ thể 5 năm (1991 - 1995) là: Sản lượng lương thực đạt 46.000 tấn qui thóc. Trong đó, thóc 39.500 tấn, màu 5.500 tấn, tăng bình quân hàng năm 6-8%. Lương thực bình quân đầu người 590kg/năm. Tổng thu ngân sách đạt 3,4 tỉ năm 1991, phấn đấu đến năm 1995 thu 5,5 tỉ. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm 5 - 7%. Mức tích lũy để đầu tư xã hội 12%, phát triển dân số tự nhiên 2,3%. Hàng hóa nông- lâm sản có giá trị xuất khẩu đạt 500.000 USD. Huy động 90-95% trẻ em trong độ tuổi đi học.

Sau khi kết thúc nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III, ngày 9/3/1995 chấp hành Chỉ thị 51 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 42 ngày 23/5/1995 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận về Đại hội Đảng các cấp. Từ ngày 9 đến ngày 10/2/1996, Đảng bộ huyện Tánh Linh đã tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ IV, nhiệm kỳ 1996-2000.

Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ huyện có 134 đại biểu tham dự (105 đại biểu do Đại hội cơ sở bầu). Cũng như các kỳ Đại hội trước, đại biểu tham gia góp ý các văn kiện Đảng bộ cấp trên, các văn kiện Đảng bộ huyện và bầu Ban Chấp hành khóa IV gồm có 33 đồng chí. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ I bầu Ban Thường vụ có 11 đồng chí và phân công:

1. Đ/c Huỳnh Quang Hòa, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy;

2. Đ/c Nguyễn Hữu Trí, Phó Bí thư, Thường trực Đảng;

3. Đ/c Trần Khánh Linh, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện;

4. Đ/c Phạm Ngọc Chính, UVTV, Trưởng Ban Tổ chức;

5. Đ/c Thái Thảo, UVTV, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra;

6. Đ/c Trương Văn Thưởng, UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện;

7. Đ/c Nguyễn Quang Tân, UVTV, Chỉ huy trưởng Quân sự;

8. Đ/c Nguyễn Đình Phương, UVTV, Trưởng Công an;

9. Đ/c Đinh Đây, UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện;

10. Đ/c Dương Đình Châm, UVTV, Trưởng Ban Dân vận;

11. Đ/c Đoàn Ngọc Thánh, UVTV, Trưởng Ban Tuyên giáo.

Nhiệm vụ tổng quát mà Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IV đề ra cho đến năm 2000 là: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ, trọng tâm là phát triển mạnh mẽ kinh tế-xã hội nông thôn, đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, coi đó là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu. Từng bước thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, Đại hội đã xác định cần tập trung giải quyết theo các định hướng:

- Ưu tiên đầu tư có trọng điểm kết cấu hạ tầng vật chất và xã hội ở những khâu ách tắc, cản trở sự phát triển. Phát triển một số cơ sở công nghiệp trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách phù hợp với khả năng và điều kiện của địa phương.

- Tăng cường nhịp độ phát triển đi đôi với tăng mức tích lũy để động viên vào ngân sách, phấn đấu tiến tới cân bằng thu chi ngân sách. Khuyến khích động viên mọi người, mọi thành phần tiết kiệm để dồn vốn đầu tư cho sản xuất.

- Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, vật nuôi, trọng tâm là cây công nghiệp dài ngày và chuyển hóa mạnh đàn bò. Phát triển nông- lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, đổi mới cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp.

- Thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn lực từ bên ngoài. Huy động tối đa tiềm năng của các thành phần kinh tế, mở rộng các hình thức dịch vụ trong nông thôn phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

- Tăng trưởng kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục thực hiện những mục tiêu và giải pháp các chuyên đề của Nghị quyết Hội nghị Trung ương IV (khóa VII).

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, quyết tâm làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

- Triển khai thực hiện đi vào chiều sâu Nghị quyết Hội nghị Trung ương III về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, từng bước thực hiện có kết quả việc cải cách hành chính, tăng cường hiệu lực quản lý điều hành từ huyện đến các xã.

Mục tiêu chủ yếu đến năm 2000 của Đảng bộ huyện là: Tổng sản phẩm nội huyện (GDP) tăng bình quân hàng năm trên 15%. Tỉ lệ huy động vào ngân sách từ 10 - 12% trong tổng thu nhập quốc dân. Tổng sản lượng lương thực đến năm 2000 đạt 60.000 tấn. Tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ để phấn đấu giảm tỉ lệ 80% lao động nông nghiệp hiện nay xuống còn dưới 50%. Đạt tỉ lệ giảm sinh hàng năm 0,08 - 0,1%. Xóa hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 15%, phấn đấu

tăng GDP bình quân đầu người 227 USD hiện nay lên 450 USD. Lực lượng dân quân tự vệ không dưới 3,3% so với dân số. Hàng năm xây dựng 75 - 80% chi, đảng bộ trong sạch vững mạnh, Đảng bộ huyện là đơn vị vững mạnh của tỉnh. Mỗi năm phát triển trên 50 đảng viên mới.

Việc thực hiện các Nghị quyết do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III và IV đề ra, Đảng bộ và nhân dân Tánh Linh đã đạt nhiều kết quả.

Từ năm 1991 đến năm 1995, thực hiện nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III đề ra, Đảng bộ đã lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch được cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Các ngành sản xuất nhịp độ tăng trưởng khá và liên tục, nhiều chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tổng sản phẩm nội huyện (GDP) tăng bình quân hàng năm 16,8%, năm 1995 đạt gần 200 tỉ đồng, tăng 1,86 lần so với năm 1991. Trong nông nghiệp, sản xuất lương thực phát triển đi đôi với chuyển đổi cơ cấu theo hướng đẩy mạnh kinh tế hàng hóa nông nghiệp. Sản lượng lương thực năm 1995 đạt 44.900 tấn, tăng bình quân hàng năm 9%, gấp 1,4 lần so với năm 1991. Nâng bình quân lương thực đầu người từ 463 kg năm 1991 lên 560 kg năm 1995, đảm bảo đủ ăn,

có tích lũy, phục vụ chăn nuôi và hàng năm có gần 10.000 tấn lương thực hàng hóa.

Cùng với sự gia tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng, đã chú trọng các biện pháp chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, các bộ giống lúa mới, giống bắp lai cho năng suất cao và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Mỗi năm toàn huyện mở rộng thêm trên 500 ha cây công nghiệp dài ngày, gần 4.000 ha đào lộn hột trở thành cây trồng chủ lực, đang tập trung sức trồng cây cao su, một trong những loại cây có ý nghĩa chiến lược về giá trị lâu dài. Chăn nuôi tăng bình quân hàng năm 12,4%, đàn bò và đàn heo tăng gấp hai lần so với năm đầu nhiệm kỳ.

Công tác quản lý đất đai khá chặt chẽ, khai thác sử dụng ngày càng có hiệu quả, đã đưa vào quản lý trên 3.000 ha đất khai hoang phục hóa mà nhiều năm trước đây chưa làm được. Thực hiện chủ trương giao quyền sử dụng ruộng đất cho 80% hộ nông dân với diện tích trên 10.000 ha. Các vụ việc tranh chấp ruộng đất được giải quyết, đảm bảo công bằng và đoàn kết trong nông thôn.

Phong trào hợp tác hóa trong thời kỳ đổi mới được chú ý củng cố, duy trì trên 20 hợp tác xã, số yếu

kém đã chuyển đổi sang hình thức và nội dung phù hợp. Thường xuyên tổng kết kinh nghiệm, chỉ đạo đổi mới kinh tế hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI) và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII).

Về lâm nghiệp, Tánh Linh là địa bàn có diện tích rừng lớn trong tỉnh, với diện tích tự nhiên là 93.350 ha. Từ tháng 11/1991, UBND tỉnh Thuận Hải đã quyết định sắp xếp lại 15 lâm trường quốc doanh thành những đơn vị kinh tế hạch toán và mở tài khoản tại Ngân hàng và trực thuộc Sở Nông - Lâm nghiệp. Sau khi chia tách tỉnh Thuận Hải, ngày 26/10/1992, UBND tỉnh Bình Thuận đã ra Quyết định số 541, qui định lại trong tỉnh có 11 lâm trường quốc doanh là đơn vị kinh tế cơ sở trực thuộc sự quản lý của Sở Nông - Lâm nghiệp về mặt Nhà nước. Trong đó, ở địa bàn huyện Tánh Linh có 3 lâm trường: La Ngà, Tánh Linh và Sông Dinh. Riêng lâm trường quốc doanh Sông Dinh trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và chịu sự chỉ đạo theo chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật của Sở Nông - Lâm nghiệp tỉnh Bình Thuận. Như vậy, so với trước năm 1990, một số lâm trường quốc doanh thuộc huyện quản lý, đến nay đã phân định lại chức năng, quyền hạn và sản xuất theo kế hoạch của tỉnh. Tháng 12/1995, Lâm trường

quốc doanh La Ngà đổi thành Ban Quản lý rừng Phòng hộ Trị An nhưng vẫn trực thuộc Sở Nông - Lâm nghiệp tỉnh.

Tuy ngành lâm nghiệp không trực thuộc huyện quản lý như trước đây, nhưng nhiệm vụ bảo vệ rừng về mặt quản lý lãnh thổ vẫn thuộc địa phương, nên việc chống phá rừng, vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng huyện tiếp tục thực hiện. Hàng năm tổ chức tốt các phương án phòng chống cháy rừng, truy quét và ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng ở khu vực giáp ranh. Quản lý giám sát chặt chẽ chỉ tiêu khai thác lâm sản hàng năm, uốn nắn xử lý những việc làm lệch lạc. Tổ chức xã hội nghề rừng thông qua các chương trình dự án có tác dụng bảo vệ và phát triển vốn rừng, giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động, giao khoán cho các xã và hộ gia đình nhận quản lý bảo vệ trên 36.000 ha rừng (1).

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có chuyển biến theo hướng tích cực, năm 1995 chiếm tỉ trọng 14% trong tổng thu nhập nội huyện. Tốc độ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng

---

(1) Theo báo cáo của Công an huyện, từ năm 1993 đến 1995 đã phát hiện bắt giữ hàng trăm vụ vi phạm lâm luật, trong đó khởi tố 11 vụ.

hàng năm 15%, nhất là trong 2 năm 1994 - 1995, tăng gần bằng 3 năm trước đó gộp lại. Đến nay đã tạo được một số tiền đề mở ra các cơ sở công nghiệp chế biến nông lâm sản, khai thác nước khoáng, vật liệu xây dựng.

Kết cấu hạ tầng trong huyện từng bước được khắc phục, tạo động lực thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển, hình thành rõ nét bộ mặt nông thôn mới. Mặc dù thu- chi ngân sách còn khó khăn, nhưng với tinh thần dám nghĩ, dám làm trong chỉ đạo và điều hành tập trung giải quyết một số vấn đề bức bách như xây dựng đường điện, làm giao thông, các vấn đề văn hóa xã hội, cụm kinh tế thương mại làm cho bộ mặt trung tâm huyện lỵ đã có nhiều thay đổi. Bằng nhiều nguồn vốn đầu tư, huyện đã chi 41 tỉ đồng cho các công trình điện, tăng bình quân hàng năm 1,4 lần, trong đó nguồn tích lũy của địa phương và nhân dân đóng góp tăng đáng kể, năm 1995 chiếm 26%. Cơ cấu đầu tư theo hướng qui hoạch, ưu tiên có trọng điểm, quản lý điều hành chặt chẽ, do đó kịp thời tháo gỡ ách tắc đạt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cả trước mắt cũng như lâu dài.

Năm 1993, điện lưới quốc gia được kéo về trung tâm huyện sớm hơn Nghị quyết đề ra 2 năm,

làm được trên 56 km đường dây trung thế và gần 40 km đường dây hạ thế, phủ mạng lưới điện 10/14 xã và lúc mới kéo điện về huyện ban đầu có 16% số hộ được dùng điện.

Đầu tư giao thông cũng đi trước một bước, nhiều cầu cống được kiên cố hóa, rãi nhựa hơn 10 km. Phong trào làm giao thông nông thôn, giao thông đồng ruộng có những chuyển biến tích cực. Đầu tư các công trình thủy lợi nhỏ đã phát huy hiệu quả về năng lực tưới phục vụ sản xuất.

Đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế đi đôi với kết cấu hạ tầng văn hóa xã hội đã tạo được nền móng khá vững chắc để phát triển toàn diện kinh tế- xã hội nông thôn. Trường học, trạm xá được huyện quan tâm chỉ đạo nhiều hơn, mạng lưới thông tin liên lạc, Đài truyền thanh, truyền hình có khá hơn. Bộ mặt trung tâm huyện lỵ hình thành rõ nét bao gồm khu dân cư, khu dịch vụ thương mại, khu văn hóa thể thao và khu công sở làm việc. Cùng với khu trung tâm, một số xã đã phát triển được các cụm kinh tế thương mại. Đầu tư cho bà con vùng đồng bào dân tộc thiểu số tăng khá, chiếm 10% tổng vốn đầu tư của toàn huyện.

Thị trường nông thôn được mở rộng, nền kinh tế huyện bắt đầu có tích lũy, hoạt động tài chính, tín dụng đạt được những tiến bộ đáng kể. Bằng nhiều biện pháp tích cực và đồng bộ, đã huy động nguồn thu vào ngân sách năm sau cao hơn năm trước 30%, vượt kế hoạch hàng năm từ 15 đến 20%. Thực hiện mức chi ngân sách đảm bảo kế hoạch tỉnh giao, nhờ vậy tạo được một phần tích lũy để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Hoạt động ngân hàng có chuyển biến hơn, phương thức kinh doanh linh hoạt, nguồn vốn huy động năm 1995 tăng 3,5 lần so với năm 1991. Đối tượng cho vay mở rộng, cho vay trung hạn tăng khá, chiếm tỉ lệ trên 50%, góp phần phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo.

Ở nông thôn nhịp độ phát triển nhanh, nhiều tụ điểm kinh doanh, dịch vụ hình thành ở các khu vực đông dân cư. Số hộ kinh doanh tăng gấp 2 lần so với năm 1991. Tổng mức bán lẻ tăng bình quân hàng năm 1,2 lần, hàng hóa phong phú đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã khơi dậy nhiều nguồn lực làm cho sản xuất kinh doanh phát triển năng động hơn, đời sống nông dân và bộ mặt nông thôn có nhiều biến đổi tích cực.

Công tác văn hóa- xã hội đã từng bước đáp ứng cho nhân dân. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ. Việc phòng, chữa bệnh, khống chế và đẩy lùi dịch bệnh và các bệnh xã hội được chú ý quan tâm. Cơ bản đã khống chế bệnh sốt rét. Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố và nâng cấp, xoá xã trắng về y tế. Công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình triển khai tích cực và đồng bộ, giảm tỉ lệ sinh bình quân hàng năm 0,08%, số người áp dụng các biện pháp tránh thai tăng bình quân hàng năm từ 1,4 đến 1,5 lần.

Thực hiện xã hội hóa công tác giáo dục đạt được kết quả bước đầu. Các ngành học, cấp học phát triển khá (mẫu giáo, phổ thông, phổ cập cấp I, chống mù chữ). Cơ sở vật chất từng bước được kiên cố hóa, trang thiết bị được đầu tư khá hơn. Chấm dứt tình trạng học ca ba, tỉ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp tăng bình quân hàng năm đạt 5%. Tình trạng giáo viên bỏ dạy, học sinh bỏ học đã giảm từng bước. Toàn huyện đã có 7/14 xã được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập cấp I và chống mù chữ; thành lập mới Trường Dân tộc nội trú để thu hút con em đồng bào các dân tộc trong huyện đến học tập nhằm thực hiện chính sách văn hóa của Đảng. Khắc phục được một bước tình trạng thiếu giáo viên và

duy trì bồi dưỡng thường xuyên để chuẩn hóa đội ngũ, nâng dần chất lượng giảng dạy.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, truyền thanh- truyền hình có nhiều khởi sắc, khắc phục tình trạng yếu kém một số mặt của những năm trước đây. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng có những chuyển biến tích cực bước đầu. Thường xuyên tổ chức các đợt hội diễn, biểu diễn, nhiều xã duy trì tốt đội văn nghệ, hình thành câu lạc bộ ca nhạc, nhiếp ảnh tại trung tâm huyện. Duy trì và cải tiến bản tin, nội dung tuyên truyền của Đài truyền thanh- truyền hình đáp ứng ngày một tốt hơn nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hoạt động thể dục thể thao được củng cố và phát triển. Các xã đều có phong trào rèn luyện thể dục thể thao, lập các đội bóng đá, bóng chuyền, tổ chức thành công nhiều giải thi đấu thu hút đông đảo người dân tham gia. Bên cạnh đó, các ngành chức năng đã tích cực đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội, coi trọng biện pháp phòng ngừa là chính.

Các chính sách giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng được thực hiện tốt. Huyện đã quy tập 230 hài cốt liệt sĩ, xây dựng 42

Viếng liệt sĩ tại Đài tưởng niệm.

nhà tình nghĩa, tặng 250 sổ tiết kiệm tình nghĩa, giải quyết chính sách cho trên 1.000 đối tượng. Thực hiện tốt việc lập sổ vàng truyền thống ở các xã. Các Bà mẹ Việt Nam anh hùng đều được nhận đỡ đầu, phụng dưỡng. Kinh tế phát triển khá nên đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt. Số hộ nghèo khó giảm bớt và số hộ khá, hộ giàu tăng lên. Nhu cầu về ăn, ở, đi lại, học hành được đáp ứng khá hơn. Trong nhân dân đã có từ 75 đến 80% hộ có nhà xây và nhà ngói, một bộ phận nhân dân làm ăn có tích lũy, mua sắm phương tiện, đầu tư vào sản xuất và sinh hoạt.

Công tác an ninh chính trị và trật tự xã hội trong huyện được giữ vững. Trong khi tập trung sức cho phát triển kinh tế- xã hội, Đảng bộ đã coi trọng tăng cường công tác quốc phòng và an ninh cho xã hội. Các lực lượng vũ trang địa phương với sự tham gia của toàn dân, đã xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, góp phần tích cực phát triển kinh tế- xã hội, giữ vững ổn định chính trị.

Lực lượng vũ trang địa phương luôn luôn củng cố và phát triển toàn diện. Các phương án diễn tập phòng thủ và kế hoạch A, A2 được bổ sung hoàn

chỉnh, tổ chức diễn tập đạt yêu cầu chỉ đạo của tỉnh. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đảm bảo độ tin cậy về chất lượng, số lượng đạt 3,1% so với dân số trong toàn huyện. Chất lượng huấn luyện đạt cao, liên tục giao quân đạt và vượt chỉ tiêu, tỉ lệ quân nhân đào ngũ thấp nhất toàn tỉnh. Trong nhiều năm liền lực lượng vũ trang địa phương xứng đáng trở thành điển hình xuất sắc của tỉnh và Quân khu 5.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng được nhân rộng, các mô hình tự quản trong nhân dân được đẩy mạnh. Trong nội bộ và nhân dân có chuyển biến nhận thức về pháp luật và nguy cơ diễn biến hòa bình. Liên tục mở nhiều đợt tấn công, kết hợp phát động quần chúng đấu tranh kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm, tội phạm có kết quả. Từng bước xây dựng lực lượng công an chuyên trách và bán chuyên trách trở thành nòng cốt, đáp ứng sự tin cậy của Đảng và Nhà nước. Luôn luôn giữ vững đoàn kết nội bộ, tư tưởng quan điểm vững vàng, không biểu hiện mơ hồ mất cảnh giác.

Hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền được tăng cường. Hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể và phong trào quần chúng có những chuyển biến

mới. Trong chỉ đạo và điều hành của chính quyền từ huyện đến các xã đã có nhiều biện pháp tích cực, tạo chuyển biến quan trọng, kịp thời đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Từng bước thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính Nhà nước, trước hết là cải cách một số thủ tục cần thiết, sắp xếp lại bộ máy và đội ngũ công chức. Quan tâm bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ và công chức nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành. Hiệu lực quản lý của chính quyền cấp huyện nâng lên rõ, nhiều xã có cố gắng vươn lên trong công tác quản lý Nhà nước ở địa phương mình.

Quán triệt quan điểm về đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, các Cấp ủy đã chú ý tăng cường chỉ đạo công tác quần chúng. Đảng bộ huyện đã có những Chỉ thị, Nghị quyết lãnh đạo công tác quần chúng, tập trung củng cố các đoàn thể, đi sát cơ sở, lắng nghe ý kiến, tìm hiểu nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Các tổ chức Đảng cơ sở có chuyển biến, quan tâm hơn công tác vận động, giáo dục quần chúng. Mặt trận và các đoàn thể có cố gắng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Trong thời kỳ đổi mới đất nước, các hoạt động hướng vào những nhu cầu lợi ích chính đáng, đồng thời hướng nhân dân vào các phong trào yêu nước, vì sự

nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Các đoàn thể quần chúng như Thanh niên, Nông dân, Phụ nữ, Công đoàn đã được thành lập trước đây. Ngày 30/3/1990 thực hiện chủ trương của tỉnh, Hội Cựu chiến binh huyện Tánh Linh được thành lập. Đến cuối năm 1991, toàn huyện có 12/14 xã thành lập Hội Cựu chiến binh cơ sở. Hội Cựu chiến binh là một tổ chức chính trị cùng với các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Công đoàn góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngoài việc vận động nhiều phong trào quần chúng hoạt động đem lại kết quả, Mặt trận và các đoàn thể còn tham gia tích cực công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, phổ cập tiểu học, xóa mù chữ và vận động nhân dân thực hiện các nghĩa vụ của công dân. Động viên nhân dân góp công, góp của tham gia cùng với Nhà nước xây dựng cơ sở vật chất: kéo điện, làm giao thông, xây dựng trường học và một số công trình khác. Vận động giáo dục bà con trong các tôn giáo sống tốt đời đẹp đạo, hoạt động đúng chính sách và pháp luật Nhà nước.

Công tác củng cố, xây dựng lực lượng có chú ý, đa dạng các hình thức tập hợp quần chúng. Quan tâm

hơn đến việc tham gia xây dựng bảo vệ chính quyền, qua học tập chính sách pháp luật, ý thức quần chúng nhân dân được nâng lên, tham gia các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp đạt kết quả cao.

Về công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ III, Đảng bộ huyện đã vận dụng quan điểm Nghị quyết Đại hội VII, nhất là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, để xây dựng Đảng bộ thật sự trong sạch vững mạnh, làm tròn sứ mệnh trong việc lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Bằng nhiều hình thức học tập, giáo dục và bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên nâng cao trình độ nhận thức, kiên định mục tiêu lý tưởng, thấu suốt quan điểm đường lối của Đảng. Mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị nghiên cứu các Nghị quyết, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, đã cuốn hút đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia. Trình độ nhận thức chính trị của đại bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng đã được nâng lên một bước mới, sát với tầm nhiệm vụ chính trị của địa phương. Chỉ riêng trong 2 năm 1994- 1995 đã có trên 1.000 cán bộ, đảng viên và quần chúng cốt cán hoàn thành học tập chương trình

lý luận chính trị phổ thông. Mặt khác, thông qua các đợt tổ chức kỷ niệm những ngày lịch sử của đất nước, địa phương đã nêu cao chủ nghĩa yêu nước, lý tưởng XHCN và hun đúc truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đã chú trọng giáo dục rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, uốn nắn những lệch lạc, nhận thức mơ hồ, dao động về tư tưởng và kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, chất lượng thông tin tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và sự chỉ đạo của Đảng bộ ngày càng được nâng lên.

Thực hiện nhiệm vụ chấn chỉnh tổ chức bộ máy của Đảng và đảng viên có nhiều chuyển biến tích cực. Ban chấp hành Đảng bộ huyện và Cấp ủy Chi bộ, Đảng bộ cơ sở được kiện toàn, năng lực và vai trò hạt nhân lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo có hiệu quả. Mọi hoạt động và điều hành theo quy chế, lề lối làm việc. Công tác tham mưu khá nhạy bén và phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng hoạt động đi vào nề nếp, nội dung phương thức có đổi mới, cải tiến nâng cao chất lượng. Qua nhiệm kỳ Đại hội cơ sở đã chuyển hóa đội ngũ cán bộ, hầu hết là trẻ thể hiện sự nhiệt tình và trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Số cơ sở Đảng yếu kém giảm, cơ sở vững mạnh tăng lên, năm 1993 chỉ có 22% cơ sở

vững mạnh thì đến năm 1994- 1995 có trên 70%. Đặc biệt, một số cơ sở yếu kém trì trệ trước đây, nay vươn lên trở thành vững mạnh.

Công tác bồi dưỡng và phát triển đảng viên có nhiều chuyển biến tiến bộ. Đại bộ phận đảng viên chuyển biến cả về nhận thức, thái độ và tinh thần trách nhiệm chính trị. Kết quả phân loại qua hàng năm có trên 70% đảng viên đạt loại tiền phong gương mẫu. Xử lý đảng viên vi phạm đúng nguyên tắc và Điều lệ Đảng qui định. Trong nhiệm kỳ III đã thi hành các hình thức kỷ luật 85 trường hợp, có 11 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng. Công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng được chú ý về chất lượng, không chạy theo số lượng. Trong nhiệm kỳ kết nạp được 56 đảng viên mới có trình độ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Nét nổi bật của đội ngũ cán bộ là đại bộ phận cán bộ thể hiện bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu lý tưởng của Đảng. Số đông cán bộ giữ gìn lối sống lành mạnh, kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo và quản lý từng bước trưởng thành. Đánh giá, tuyển chọn, sử dụng và bố trí cán bộ được đổi mới, bảo đảm nguyên tắc và đúng qui trình. Đội ngũ cán bộ từng bước được trẻ hóa, đồng thời trân trọng phát huy những cán bộ

có bề dày công hiến, có tích lũy nhiều kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn. Đã có chú ý quan tâm công tác cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc và cán bộ cơ sở. Huyện đã tiến hành khảo sát, đánh giá qui hoạch cán bộ đến năm 2000 và 2010, từ đó đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng theo hướng qui hoạch lâu dài. Đội ngũ cán bộ chủ chốt được đào tạo cơ bản về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho 71 đồng chí và từng bước phổ cập cấp 3 cho cán bộ. Thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ được quan tâm hơn trước. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được coi trọng, ngăn chặn những biểu hiện thoái hóa biến chất đội ngũ cán bộ.

Cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ đã từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và xử lý đúng đắn những vấn đề thực tiễn đặt ra. Thông qua qui chế làm việc, tạo mối quan hệ giữa tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, đơn vị theo hướng nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy chức năng quản lý điều hành của Nhà nước. Thực hiện đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Chỉ đạo sơ kết, tổng kết chủ trương, Nghị quyết và công tác đi vào nề nếp.

Sau khi kết thúc nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III, nhân dân Tánh Linh tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh mà Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ IV đề ra. Mục tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ IV đề ra từ năm 1996 đến năm 2000 là tổng sản phẩm nội huyện (GDP) tăng bình quân hàng năm trên 15%, huy động ngân sách 10 - 12% và tổng sản lượng lương thực đạt 60.000 tấn. Tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và giảm tỉ lệ lao động trong nông nghiệp từ 80% xuống 50%; đạt tỉ lệ sinh đẻ hàng năm 0,08 - 0,1%; xoá đói, giảm nghèo xuống 15% và GDP đầu người lên 450 USD. Lực lượng dân quân tự vệ chiếm 3,3% so với dân số; hàng năm có từ 75 - 80% Chi, Đảng bộ trong sạch vững mạnh và mỗi năm phát triển trên 50 đảng viên mới. Sau 5 năm thực hiện, Đảng bộ huyện Tánh Linh đã phấn đấu đạt được nhiều kết quả.

Trong ngành nông nghiệp, nhờ áp dụng rộng rãi các tiến bộ về giống, kỹ thuật canh tác, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, phát huy năng lực tưới của các công trình thủy lợi và máy bơm, nên duy trì được nhịp độ tăng trưởng; cơ cấu kinh tế nông nghiệp có sự chuyển đổi thích hợp theo hướng sản xuất hàng hóa. Sản lượng

lương thực trong huyện tăng bình quân 4%. Huyện đã tập trung chỉ đạo phát triển mạnh cây bắp lai tăng gấp 5 lần so với đầu nhiệm kỳ.

Các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị hàng hóa tiếp tục mở rộng với qui mô lớn, nâng diện tích cây công nghiệp dài ngày lên trên 8.000 ha vào năm 2000. Trong đó, cây tiêu tăng 2,7 lần và cây cao su tăng gấp 4 lần so với năm 1995. Cây điều đang được tập trung cải tạo bằng các biện pháp chặt tỉa thưa, chăm sóc và trồng dặm lại loại điều ghép cao sản.

Chăn nuôi phát triển khá, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng bình quân 10,3%, chiếm tỉ trọng 24% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng 1,4 lần so với năm 1995. Công tác sind hóa đàn bò được chú trọng, tỉ lệ đàn bò lai đạt trên 85% tổng đàn.

Các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất cơ giới hóa nông nghiệp thực hiện đa dạng, phong phú, đáp ứng khá tốt nhu cầu sản xuất, dịch vụ vật tư nông nghiệp, tăng gấp 5 lần so với năm 1995. Đặc biệt, nhân dân đã đầu tư mua sắm nhiều máy gặt, mở nhiều cơ sở sấy nông sản bảo quản tốt sản phẩm sau thu hoạch. Các loại giống lúa, bắp lai cao sản được đưa vào sản xuất đại trà cho năng suất cao, hàng

năm mở nhiều lớp chuyển giao kỹ thuật đầu tư thâm canh chăm sóc cây trồng, chương trình phòng ngừa trừ dịch hại tổng hợp đối với cây trồng được triển khai tích cực và mang lại hiệu quả thiết thực.

Kinh tế tập thể được chú ý củng cố, các hợp tác xã nông nghiệp phần lớn sau khi chuyển đổi hoạt động có hiệu quả, đã đảm nhận được các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất. Ngoài ra, các hình thức hợp tác giản đơn theo thời vụ cũng được hình thành và phát triển, đã tác động tích cực thúc đẩy sản xuất phát triển. Mô hình kinh tế trang trại từng bước hình thành và phát triển, thu hút trên 300 lao động với nhiều mô hình sản xuất như trồng cây ăn quả, chăn nuôi, trồng cây lương thực theo hình thức tập trung, mang lại hiệu quả rõ nét. Trong đó, trồng cây cao su ngày càng phát triển.

Công tác quản lý bảo vệ rừng được chú ý triển khai khá chặt chẽ. Việc tổ chức truy quét chống phá rừng hàng năm được duy trì, số vụ vi phạm lâm luật so với trước giảm bớt, tình trạng phá rừng làm rẫy từng bước ngăn chặn có hiệu quả, nạn khai thác gỗ trái phép giảm hẳn, tổ chức tốt các phương án phòng chống cháy rừng. Lực lượng bảo vệ rừng được chú ý tăng cường bổ sung và củng cố về tổ chức. Công tác tuyên truyền giáo dục về ý thức bảo vệ rừng trong

nhân dân được triển khai tích cực, phát động trong nhân dân trồng gần 100.000 cây phân tán. Tuy nhiên, việc phá rừng vẫn diễn ra âm ỉ, quyết liệt. Trong hai năm 1996 và 1997 phát hiện 13 vụ phá rừng, đã xử lý 3 vụ theo pháp luật (1).

Sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển về qui mô và chất lượng, giá trị sản phẩm công nghiệp chế biến nông sản và tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 14%/năm, chiếm tỉ lệ đáng kể trong tổng sản phẩm nội huyện, đưa giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp lên 45 tỉ vào năm 2000, tăng gấp 2 lần so với năm 1995, ngành sản xuất gạch ngói có phát triển và bước đầu khôi phục một số ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống.

Hoạt động thương mại dịch vụ phát triển rộng khắp trong nông thôn, đáp ứng tốt nhu cầu trao đổi mua bán hàng hóa của nhân dân. Các hoạt động dịch vụ ngày càng phong phú đa dạng, hình thành nhiều tụ điểm thương mại ở các vùng đông dân cư tập trung. Tổng mức luân chuyển hàng hóa tương đối ổn định, đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường

---

(1) Năm 1997, Tòa án Nhân dân tỉnh mở phiên tòa xét xử một số người vi phạm về khai thác rừng ở Tánh Linh.

ngày càng được tăng cường. Phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách tăng đáng kể. Dịch vụ thông tin liên lạc phát triển khá, tỉ lệ sử dụng điện thoại 1,5 máy/100 dân, so với năm 1995 tăng 1,5 lần.

Lĩnh vực tài chính được chú ý tăng cường biện pháp thu, cơ bản đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên và dành một phần cho đầu tư phát triển, tỉ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt gần 6%, việc bồi dưỡng và khai thác các nguồn thu được chú trọng, đã từng bước tạo chủ động để quản lý và tăng nguồn thu. Điều hành chi ngân sách đảm bảo các nhu cầu hoạt động ở địa phương, thực hiện các qui định chủ trương tiết kiệm chi. Kịp thời chấn chỉnh những sai phạm trong chi ngân sách. Công tác huy động tiền mặt có nhiều cố gắng, hoạt động ngân hàng có tiến bộ trong việc huy động các nguồn vốn và mở rộng cho vay đến hộ nông dân. Tổng doanh số cho vay tăng gấp 2 lần và thực hiện cho vay các dự án 120 và ngân hàng phục vụ người nghèo tăng 1,5 lần so với nhiệm kỳ trước. Ngoài ra, hoạt động Quĩ Tín dụng nhân dân ngày càng mở rộng qui mô kinh doanh các loại hình tổ liên doanh, liên kết, tổ vay vốn hoạt động ngày càng có hiệu quả.

Công tác qui hoạch và đầu tư phát triển đã có chú trọng đi vào chiều sâu. Tổng vốn đầu tư tăng gấp

3 lần so với nhiệm kỳ trước. Trong đó, nguồn tích lũy của địa phương và huy động đóng góp trong nhân dân chiếm 46%. Các công trình, như đường điện, giao thông, trường học, trạm xá thực hiện đảm bảo kế hoạch và phát huy hiệu quả. Tỉ trọng đầu tư vào các lĩnh vực lưới điện 21%, giao thông 44%, giáo dục, y tế 25%, thủy lợi nhỏ 4%, các công trình khác 5%. Tiếp tục đưa điện về các xã Gia An, Suối Kiết, Gia Huynh, nâng tổng số xã phủ lưới điện quốc gia lên 13/14 xã, tỉ lệ hộ sử dụng điện toàn huyện đạt trên 55%.

Hoàn thành tráng nhựa tuyến đường từ Căn cứ 6 đi Gia An, nhựa hóa dần tuyến Lạc Tánh đi Đức Phú, đường Đồng Kho - Đa Mi, làm mới một số tuyến nhánh rẽ vùng nông thôn. Phong trào các xã làm giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được đẩy mạnh, cơ sở vật chất trường học, bệnh viện, trạm xá và các công trình phúc lợi xã hội được chú ý đầu tư, cơ bản hoàn thành mục tiêu phủ mạng lưới điện, nhựa hóa các tuyến đường chính, kiên cố hóa cơ sở vật chất cho y tế và giáo dục mà mục tiêu Nghị quyết đại hội IV đề ra.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được triển khai rộng rãi và tích cực, tỉ lệ giảm sinh hàng năm, góp phần giảm tốc độ tăng dân số tự nhiên từ 2,64% (năm 1995) xuống còn 2,15% (năm 2000).

Thông qua thực hiện các chương trình dự án đầu tư, phân bổ dân cư và mở rộng ngành nghề từ các thành phần kinh tế đã góp phần phân phối lại lao động, giảm tỉ trọng lao động sản xuất nông - lâm nghiệp 91,6% (năm 1995), xuống còn 81% (năm 2000) nên đã chuyển được một lượng lao động sang các lĩnh vực khác. Bình quân hàng năm giải quyết được trên 3.000 lượt lao động có việc làm. Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân trong huyện được nâng lên. Hạ tỉ lệ hộ đói nghèo năm 1995 với 1.596 hộ đói và 2.930 hộ nghèo xuống còn 380 hộ đói và 1.500 hộ nghèo năm 2000, xuất hiện nhiều mô hình làm ăn giỏi, số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng lên. Bình quân thu nhập đầu người từ năm 1995 đến 2000 là 242 USD/năm, tăng 37% so với năm 1995.

Từng bước thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, qui mô, chất lượng dạy và học, cơ sở vật chất trường lớp được nâng lên, không còn tình trạng tạm bợ, đã "tầng hóa" được 6 trường. Học sinh các cấp tăng hàng năm từ 6 đến 10%; huy động học sinh trong độ tuổi vào lớp 1 hàng năm đạt trên 96%; đội ngũ giáo viên phát triển về số lượng, trong đó có trên 80% giáo viên tiểu học và mẫu giáo đạt chuẩn của Bộ Giáo dục - Đào tạo; học sinh khá giỏi tăng lên, tỉ

lệ tốt nghiệp ở 3 cấp đều đạt mức bình quân chung của tỉnh. Thực hiện chính sách giáo dục đối với đồng bào dân tộc thiểu số đem lại kết quả thiết thực, học sinh là dân tộc thiểu số huy động vào trường Dân tộc nội trú của tỉnh, huyện tăng khá, hạn chế thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ được triển khai tích cực, có 13/13 xã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học- xoá mù chữ, là huyện thứ ba của tỉnh được công nhân đạt chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học và xoá mù chữ, từng bước chuẩn bị phổ cập trung học cơ sở. Ngành học bổ túc văn hóa duy trì tốt, đáp ứng nhu cầu học tập của cán bộ, nhân dân. Thông qua các hình thức đào tạo, lực lượng lao động địa phương có trình độ chuyên môn và tay nghề tăng lên, chủ động hơn trong tìm việc làm.

Công tac tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị ở địa phương có tiến bộ, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao có cải tiến về nội dung và hình thức, phát triển về loại hình, phù hợp với nhu cầu hưởng thụ của nhân dân và bản sắc văn hóa của dân tộc.

Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư" đã có hiệu quả bước đầu, xây dựng được 11 làng văn hóa và 49 cơ quan

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện lần thứ V (2001 - 2005).

Ảnh: Tư liệu

có nếp sống văn minh, trong đó, có 6 làng văn hóa được tỉnh công nhận, các tập tục lạc hậu từng bước được xoá bỏ, văn minh trong việc cưới, việc tang được hình thành rõ nét.

Thực hiện phong trào đền ơn đáp nghĩa đem lại kết quả thiết thực, trên 100 căn nhà tình nghĩa được xây dựng mới và sửa chữa lại. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai, chăm sóc người gặp rủi ro, hoạn nạn, ốm đau, neo đơn, ngày càng mở rộng. Các tệ nạn xã hội được chặn đứng, không để phát sinh.

Về nhiệm vụ quốc phòng an ninh có nhiều tiến bộ, chú trọng giáo dục ý thức xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Hàng năm tổ chức thực hiện diễn tập vận hành cơ chế phương án A kết hợp A2. Công tác xây dựng lực lượng vũ trang thường trực, dự bị động viên và dân quân tự vệ thường xuyên được củng cố, chất lượng dân quân, lực lượng dự bị động viên được nâng lên, trong đó, dân quân tự vệ bình quân hàng năm đạt 2,5% so với dân số, quân dự bị động viên đã sắp xếp và ổn định biên chế. Chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang của huyện và nêu cao ý thức giác ngộ chính trị, đồng thời quan tâm phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ. Đã có 100% Đảng bộ xã có chi bộ dân quân cơ động. Tổ

chức diễn tập vận hành cơ chế cấp xã, đạt 150% chỉ tiêu. Công tác giao quân, tuyển sinh quân sự đạt hàng năm 100% chỉ tiêu, chất lượng năm sau cao hơn năm trước, tình trạng chống lệnh hoặc đào ngũ đã giảm hẳn. Chính sách hậu phương quân đội ngày càng được chăm lo tốt hơn, đời sống của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang được cải thiện.

Từ năm 1994 đến năm 1999, với thành tích trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, Đảng bộ và nhân dân Tánh Linh đã vinh dự, tự hào được Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu cao quí là đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho huyện và 4 xã La Ngâu, Huy Khiêm, Nghị Đức, Bắc Ruộng.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục giữ vững, ổn định. Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực trật tự xã hội được tăng cường, kỷ cương pháp luật đi vào nền nếp, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hình sự, các vi phạm hành chính được đẩy mạnh và các tệ nạn xã hội từng bước được ngăn chặn. Ý thức pháp luật trong nhân dân được nâng lên. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được nhân rộng, thu nhiều kết quả. Hoạt động điều tra các vụ án hình sự làm khá hơn trước. Việc xây dựng và

củng cố lực lượng công an chuyên trách, thường xuyên được quan tâm, chú trọng.

Công tác xây dựng Đảng được thường xuyên chú trọng; nhiệm vụ giáo dục lý luận chính trị trong cán bộ, đảng viên được tăng cường. Các chủ trương, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng đều được triển khai quán triệt đầy đủ và kịp thời. Đội ngũ báo cáo viên về trình độ lý luận được nâng lên gắn với các hoạt động thực tiễn đã từng bước đổi mới công tác tuyên truyền. Mặt khác, về cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động từng bước được tăng cường. Việc nghiên cứu, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, kiến thức pháp luật Nhà nước bước đầu có sự cải tiến phương pháp phù hợp với từng loại, đối tượng cán bộ, đảng viên. Bằng nhiều hình thức, các Cấp ủy cơ sở, các ngành đã cùng phối hợp tổ chức bồi dưỡng học tập lý luận chính trị, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho trên chục ngàn cán bộ, đảng viên. Ngoài ra, Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện cũng đã mở nhiều lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, quản lý Nhà nước cho cán bộ chủ chốt và lực lượng cốt cán. Đặc biệt, Đảng bộ đã chỉ đạo triển khai quán triệt sâu sắc và thực hiện Chỉ thị 21, Chỉ thị 25 và Qui định 55 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Nhìn chung, trình độ nhận thức tư

tưởng, bản lĩnh chính trị của đại bộ phận đảng viên, cán bộ, công nhân viên chức được nâng cao và giữ vững, phần lớn giữ được phẩm chất đạo đức cách mạng, niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đối với công cuộc đổi mới của Đảng ngày càng nâng lên. Đặc biệt, sau đợt sinh hoạt chính trị nội bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, Trung ương 6 (lần 2), tập thể và từng cá nhân trong cấp ủy đã thể hiện tính nghiêm túc, tự giác nhìn nhận những thiếu sót, khuyết điểm và đề ra phương hướng khắc phục. Sau kiểm điểm, chất lượng, sức chiến đấu tổ chức cơ sở Đảng có nâng lên đáng kể, đã có những tác động tích cực trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Tiếp tục thực hiện tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, các Chi, Đảng bộ cơ sở được củng cố, chấn chỉnh, thể hiện được vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị ở địa phương, đơn vị mình. Từ đó nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đảng viên. Các nguyên tắc về sinh hoạt Đảng được coi trọng, nề nếp sinh hoạt được chấn chỉnh, nội bộ đoàn kết tốt hơn, số cơ sở yếu kém thu hẹp dần, cơ sở vững mạnh tăng lên, trình độ nhận thức, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ, đảng viên có bước chuyển biến rõ nét. Toàn huyện có 44

tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng bộ huyện, trong đó có 11 Đảng bộ cơ sở trực thuộc, so với đầu nhiệm kỳ tăng 8 tổ chức cơ sở, trong đó tăng 2 Đảng bộ cơ sở trực thuộc. Đảng bộ huyện có 890 đảng viên, chiếm 0,98% dân số. Các hoạt động của Đảng bộ và các tổ chức cơ sở Đảng đảm bảo thực hiện theo qui chế đề ra. Công tác bồi dưỡng, quản lý, sàng lọc và nâng cao chất lượng đảng viên hàng năm luôn được coi trọng. Đại bộ phận đảng viên được phân công công tác, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được thể hiện cao hơn trước. Kết quả phân loại chất lượng đảng viên hàng năm, số đảng viên đủ tư cách phát huy tác dụng tốt (1).

Công tác phát triển đảng viên mới được chú trọng hơn về chất lượng và ngày càng được các cấp ủy cơ sở quan tâm đúng mức. Trong nhiệm kỳ kết nạp 250 đảng viên mới, đạt chỉ tiêu đã đề ra. Hầu hết đảng viên mới kết nạp đã phát huy vai trò tác dụng tốt, có trình độ, năng lực, đảm nhận trách nhiệm được giao, một số đồng chí trưởng thành nhanh chóng, được bố trí giữ các nhiệm vụ chủ chốt ở huyện và xã.

---

(1) Loại I chiếm từ 82 đến 86%, so với đầu nhiệm kỳ tăng 1,74%; đảng viên đủ tư cách nhưng còn hạn chế một số mặt (loại II) chiếm từ 8-13%, tăng 1% hàng năm; đảng viên vi phạm tư cách (loại III) chiếm 0,8-1,2%, giảm 0,5% so với nhiệm kỳ trước.

Công tác cán bộ luôn được chú trọng từ việc qui hoạch rà soát, tuyển chọn, đề bạt và bổ nhiệm cán bộ cơ bản phù hợp với qui trình cơ cấu tổ chức bộ máy cấp huyện và xã. Trong 5 năm bổ nhiệm 44 cán bộ giữ chức trưởng, phó các ban ngành cấp huyện, điều động 22 lượt cán bộ, tuyển dụng 17 nhân viên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luôn được Đảng bộ chú ý quan tâm đúng mức, đã chọn cử 109 cán bộ học các lớp lý luận chính trị, trong đó, đào tạo hệ cao cấp chính trị 14 đồng chí, cử nhân chính trị 10 đồng chí. Đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ 23 đồng chí, trong đó đại học 18 đồng chí, trung học 8 đồng chí. Ngoài ra, gửi bồi dưỡng các chương trình quản lý nhà nước 202 đồng chí. Nhìn chung, công tác tổ chức và cán bộ thường xuyên được quan tâm, tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn và trẻ hóa cán bộ lãnh đạo. Số đông cán bộ lãnh đạo và quản lý vững vàng về chính trị, nhiệt tình, năng động, dần dần thích ứng với cơ chế mới; một số cán bộ trẻ đã chịu khó học tập nâng cao kiến thức và năng lực công tác. Đã chú ý quan tâm công tác cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc. Việc đánh giá, tuyển chọn, sử dụng và bố trí đảm bảo đúng nguyên tắc và qui trình gắn với việc soát xét chính trị nội bộ, tiến hành rà soát bổ sung qui hoạch cán bộ chủ chốt đến năm 2010. Công tác bảo vệ

chính trị nội bộ được quan tâm, việc quản lý hồ sơ cán bộ được theo dõi, quản lý chặt chẽ hơn.

Trong 5 năm (1995 - 2000), công tác kiểm tra đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện Điều lệ Đảng, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật, chấp hành các Chỉ thị, Nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức Đảng. Ủy ban Kiểm tra cấp huyện và cơ sở đã chú ý tăng cường công tác kiểm tra Đảng, xử lý và chấn chỉnh kịp thời một số trường hợp đảng viên vi phạm. Trong nhiệm kỳ đã xử lý bằng hình thức kỷ luật 93 đảng viên, trong đó khai trừ 20 trường hợp, xoá tên 02 trường hợp. Nội dung sai phạm chủ yếu là vi phạm các qui định bảo vệ rừng, chính sách dân số- kế hoạch hóa gia đình, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt, về phẩm chất đạo đức, lối sống.

Về xây dựng Nhà nước, huyện tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), trong nhiệm kỳ hoạt động của chính quyền từ huyện đến cơ sở từng bước có sự chuyển biến tích cực, nâng dần hiệu lực trong việc điều hành, quản lý của Nhà trước trên các lĩnh vực kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh và trật tự an toàn xã hội. Các Nghị quyết của Đảng đề ra được Nhà nước cụ thể hóa, triển khai và

tổ chức thực hiện, mang lại hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, làm cho bộ mặt nông thôn nhiều nơi khởi sắc.

Bộ máy Nhà nước được củng cố, sắp xếp kiện toàn về mặt tổ chức và đội ngũ cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Đội ngũ cán bộ, công chức của huyện và các xã, thị trấn từng bước được đào tạo cơ bản. Thực hiện khá đồng bộ cơ chế Đảng lãnh đạo với sự quản lý điều hành của Nhà nước và sự phối hợp hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể, đã tạo ra động lực mới trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Công tác quản lý hành chính, quản lý về kinh tế - xã hội từng bước đi vào nề nếp, ngày càng phù hợp với cơ chế mới. Việc cải cách hành chính nhà nước đã đạt được kết quả bước đầu, có những tác động tích cực trên một số mặt, thủ tục hành chính đã được soát xét cải tiến một bước, giảm đáng kể các thủ tục gây phiền hà trong nhân dân.

Về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân có nhiều tiến bộ. Việc tuyên truyền, giải thích, giáo dục pháp luật, công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã được chú ý tăng cường, góp phần phòng ngừa tội phạm, bảo vệ pháp luật.

Công tác đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng được chỉ đạo thực hiện thường xuyên và đạt được kết quả bước đầu.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân có những tiến bộ rõ nét, nâng dần chất lượng các kỳ họp của Hội đồng nhân dân từ huyện đến các xã, thị trấn. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các xã, thị trấn đã được tập huấn cơ bản, xác định được trách nhiệm của người đại biểu nhân dân. Công tác tiếp dân, tiếp xúc cử tri và công tác giám sát của đại biểu đã được chú trọng, tăng cường theo luật định. Ý kiến nguyện vọng, kiến nghị của cử tri được giải thích, trả lời và tổng hợp trình ra kỳ họp xem xét giải quyết cho nhân dân được khá kịp thời.

Thực hiện đoàn kết các dân tộc, xây dựng và phát huy quyền dân chủ của nhân dân, Mặt trận, đoàn thể và các hội quần chúng được củng cố về tổ chức, bằng các hình thức tổ chức các chi hội, tổ hội, các câu lạc bộ, đội nhóm, đã thu hút tập hợp ngày càng nhiều các tầng lớp quần chúng vào tổ chức. Các đoàn thể, hội quần chúng đã phát triển trên 12.000 đoàn viên, hội viên, nâng tổng số đoàn viên, hội viên toàn huyện đến năm 2000 lên 32.000 người. Trong đó, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên và Hội Cựu chiến binh có tỉ lệ phát triển đoàn viên, hội viên khá

cao. Các chi hội, tổ hội, câu lạc bộ, đội nhóm và các mô hình mới được xây dựng, củng cố, phát triển đến cụm dân cư. Hầu hết các thôn, xóm đều có các tổ chức chi, tổ hội... và hoạt động bước đầu có hiệu quả.

Hoạt động của Mặt trận, đoàn thể và các hội quần chúng có nhiều chuyển biến tiến bộ, cơ bản đã thoát khỏi sự lúng túng trong phương thức và nội dung hoạt động. Bằng nhiều hình thức hoạt động đa dạng, phong phú, nội dung đi vào chiều sâu, ngày càng thiết thực với cuộc sống, làm nòng cốt cho các phong trào cách mạng của quần chúng. Thông qua các hình thức hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể, công tác tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đã chuyển tải khá sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, tạo được nhiều phong trào như: phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; thanh niên lập nghiệp; tuổi trẻ giữ nước; phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước; phụ nữ tích cực lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ... được nhân dân hưởng ứng tích cực và thực hiện có kết quả.

Mặt trận và các đoàn thể đã tiếp nhận hàng chục dự án với trên 30 tỉ đồng cho đoàn viên, hội viên

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện lần thứ VI (2006 - 2010).

vay để phát triển kinh tế. Ngoài các dự án vay vốn của Nhà nước, các tổ chức đoàn thể phát động hội viên giúp nhau bằng tiền, vàng, giống cây trồng, vật nuôi trị giá trên 4,5 tỉ đồng, không tính lãi, nhất là Hội Phụ nữ phát động chị em giúp nhau vốn không tính lãi trên 4 tỉ đồng. Thường xuyên phối hợp với chính quyền phát động đoàn viên, hội viên thực hiện các chủ trương kế hoạch hóa gia đình, phổ cập tiểu học, chống mù chữ, vệ sinh môi trường, đền ơn đáp nghĩa, giáo dục nền quốc phòng toàn dân, phòng chống các tệ nạn xã hội, giáo dục cảm hóa người lầm lỗi... đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh của huyện Tánh Linh.

Thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới, nếp sống văn hóa" được Mặt trận, các đoàn thể phát động rộng rãi, nhân dân đồng tình hưởng ứng. Nhiều khu dân cư được đánh giá bình chọn tiên tiến xuất sắc, hàng ngàn hộ gia đình đăng ký và thực hiện tốt tiêu chí gia đình văn hóa, nhiều thôn đi vào xây dựng thôn văn hóa. Các cơ quan đều đăng ký xây dựng cơ quan văn minh.

Quá trình tổ chức thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở đã tạo cho cán bộ, đảng viên và phần lớn nhân

dân nhận thức đúng đắn về vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo nên bước tiến bộ trong phong cách làm việc, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, khối đại đoàn kết dân tộc được tăng cường, mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể với nhân dân ngày càng gắn bó, nhân dân phát huy vai trò tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền tốt hơn so với trước.

Kết thúc nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, Đảng bộ huyện Tánh Linh tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ V, từ ngày 6 đến ngày 8/12/2000. Đây là Đại hội cuối cùng của thế kỷ XX và chuẩn bị bước vào thiên niên kỷ mới, thế kỷ XXI, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân, cán bộ, đảng viên trong huyện sẽ gặt hái được nhiều kết quả tốt đẹp hơn.

Như vậy, từ năm 1986 đến năm 2000, thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo, Đảng bộ và nhân dân huyện Tánh Linh đã thu được nhiều kết quả bước đầu.

Trong chặng đường 15 năm đổi mới, Đảng bộ và nhân dân trong huyện vừa tiếp thu chủ trương, vừa nghiên cứu vận dụng vào thực tế địa phương, khắc phục những khó khăn, tồn tại, yếu kém, vừa

ngăn chặn những phát sinh tự phát theo kinh tế tư bản chủ nghĩa, vừa đấu tranh xây dựng nội bộ để thúc đẩy kinh tế phát triển; văn hóa - xã hội có bước trưởng thành, an ninh - quốc phòng được giữ vững và hệ thống chính trị được củng cố.

Trong 15 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng còn nhiều khó khăn thách thức và một bộ phận cán bộ, đảng viên không theo kịp với công cuộc đổi mới, nhưng sự nghiệp đổi mới đã đi qua chặng đường đầu với nhiều thắng lợi đáng phấn khởi. Chúng ta tin tưởng rằng, đến năm 2020, Đảng bộ và nhân dân trong huyện phấn đấu đưa Tánh Linh thành một huyện công nghiệp hóa ở địa phương.

Chương VI:

HUYỆN TÁNH LINH SAU 25 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1975 - 2000)

Tánh Linh là một huyện hình thành khá sớm (1895). Trong quá trình phát triển, dân cư từ nhiều nơi đến đây sinh sống, xây dựng nên huyện Tánh Linh ngày nay.

Sau ngày giải phóng 24/12/1974, nhân dân Tánh Linh dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, bắt đầu thực hiện một giai đoạn mới của lịch sử. Chặng đường 25 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2000) với bao thử thách, khó khăn, nhưng rất đáng tự hào về công sức, ý chí tự lực, sáng tạo của nhân dân đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lớn lao, tạo đà cho sự phát triển bền vững hướng tới tương lai. Với khí thế mới, giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất và tiến lên CNXH, nhân dân Tánh Linh nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế và xây dựng chính quyền cách mạng vững chắc.

Là một huyện miền núi của tỉnh Bình Thuận, Tánh Linh có địa bàn rừng núi và đồng bằng, nền kinh tế lâm nghiệp và nông nghiệp là thế mạnh của địa phương. Với bản chất cần cù, mang truyền thống yêu nước, yêu quê hương trong chống giặc ngoại xâm, nhân dân Tánh Linh lao động tạo thế chuyển biến mạnh mẽ xây dựng nên cơ sở vật chất ban đầu cho CNXH.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Tánh Linh chuyển sang một thời kỳ đột phá mới, phát triển toàn diện kinh tế - xã

Đoàn Tánh Linh diễu hành tại Lễ kỷ niệm 30 năm giải phóng tỉnh Bình Thuận (19/4/1975 - 19/4/2005).

Ảnh: Vũ Bình

hội mà tiền đề là mô hình làm ăn tập thể trong chặng đường đổi mới và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Quá trình thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng ở địa phương đã phản ánh một cách sinh động, phong phú, không ngừng phát triển về kinh tế cùng các lĩnh vực văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng quê hương trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ngày càng khởi sắc. Tuy nhiên, trong chặng đường 25 năm xây dựng và phát triển đi lên, Đảng bộ và nhân dân gặp không ít thách thức khó khăn vừa do khách quan và chủ quan gây ra.

Từ những thành công và những vấn đề còn tồn tại trong xây dựng và phát triển 25 năm qua, chúng ta rút ra một số bài học kinh nghiệm, đó là:

- *Một là,* các Cấp ủy Đảng từ cơ sở đến Đảng bộ huyện phải là hạt nhân- vai trò lãnh đạo trong mọi lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội cũng như công tác an ninh- quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị. Vai trò lãnh đạo của các Cấp ủy Đảng là căn cứ vào thực tiễn và chủ trương, Nghị quyết của cấp trên đề ra nhiệm vụ cụ thể để lãnh đạo và kiểm tra nhân dân thực hiện có hiệu quả trong xây dựng và phát triển của địa phương đi lên CNXH.

Muốn thực hiện vai trò lãnh đạo của mình thật tốt, Đảng bộ phải xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh về mọi mặt, là tấm gương cho mọi người noi theo, nhất là đoàn kết trong Đảng.

- *Hai là,* thực hiện tốt các nhiệm vụ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; công tác cán bộ phải được chú ý xây dựng, lựa chọn đủ cả năng lực và phẩm chất mới phát huy được sức mạnh lãnh đạo của Đảng. Như Bác Hồ đã nói: Cán bộ là gốc của mọi vấn đề. Cán bộ vừa hồng, vừa chuyên, vì dân thì cách mạng mau chóng thành công. Muốn đạt được, Đảng bộ phải coi trọng công tác đào tạo, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ.

- *Ba là,* phát huy lòng yêu nước của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là một động lực cho mọi sự thành công. Vì "đẩy thuyền là dân và lật thuyền cũng là dân". Tánh Linh là một huyện có nhiều dân tộc anh em, đã được thử thách trong kháng chiến chống xâm lược. Trong xây dựng và phát triển, động lực yêu nước được khơi dậy và phát huy, công cuộc cách mạng XHCN sẽ thành công.

- *Bốn là,* tự lực tự cường, phát huy thế mạnh của địa phương làm động lực chính cho phát triển. Tự lực

là chủ động trong phát huy nội lực, huy động toàn bộ khả năng về con người, tài nguyên vốn có vào phát triển kinh tế, phục vụ đời sống nhân dân.

- *Năm là,* cùng với phát huy nội lực, tiếp thu, học tập kinh nghiệm các huyện, thành phố và tranh thủ sự lãnh đạo của tỉnh cũng tạo đà cho địa phương phát huy tốt, đồng thời bổ sung những thiếu sót, yếu kém để khắc phục đi lên.

- *Sáu là,* Tánh Linh là một huyện có nhiều dân tộc và dân cư nhiều nơi trong cả nước về đây sinh sống, xây dựng nên vùng đất đầy tiềm năng, đưa huyện nhà ngày càng phát triển. Để tập hợp được nhân dân, ngoài đường lối đúng, việc đoàn kết cộng đồng các dân tộc trong huyện là yếu tố thành, bại của địa phương.

Hai mươi lăm năm xây dựng và phát triển, Đảng bộ và nhân dân Tánh Linh ghi đậm thêm nét son trên trang sử truyền thống quê hương./.

PHỤ LỤC

I - CÁC ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN:

1. Quyết định số 385, ngày 20/12/1994 của Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Tánh Linh.

2. Quyết định số 424, ngày 22/8/1998 của Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho hai xã La Ngâu và Huy Khiêm.

3. Quyết định số 203, ngày 11/6/1999 của Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho hai xã Nghị Đức và Bắc Ruộng.

II - DANH SÁCH CÁC BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG:

STT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh	Đơn vị	Số liệt sĩ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Chừ	1915-1985	Xã Huy Khiêm	3 con liệt sĩ	Đã qua đời
2	K'Thị Có	1912	Xã Đức Bình	con độc nhất là liệt sĩ	
3	Đinh Thị Diêu	1927	Xã Gia An	con độc nhất là liệt sĩ	
4	Phan Thị Hiền	1917	Xã Bắc Ruộng	chồng và 2 con là liệt sĩ	
5	Liệt sĩ Trần Thị Khì	1918-1967	Xã Nghị Đức	bản thân và 2 con là liệt sĩ	Hy sinh
6	Bùi Thị Ký	1912	Xã Bắc Ruộng	con độc nhất là liệt sĩ	
7	Nguyễn Thị Lan	1926-1950	Xã Lạc Tánh	con độc nhất là liệt sĩ	Đã qua đời
8	Nguyễn Thị Mại	1914	Thị trấn Lạc Tánh	3 con là liệt sĩ	
9	Võ Thị Mõ	1925	Xã Gia Huynh	chồng và 2 con là liệt sĩ	
10	Nguyễn Thị Nghĩa	1907-1996	Xã Gia An	con độc nhất là liệt sĩ	Đã qua đời
11	Đặng Thị Nhẫn	1914-1994	Xã Nghị Đức	3 con là liệt sĩ	Đã qua đời

12	Võ Thị Phụng	1923	Xã Huy Khiêm	chồng và 2 con là liệt sĩ	
13	Lê Thị Thâu	1920	Thị trấn Lạc Tánh	con độc nhất là liệt sĩ	
14	Lê Thị Yên	1924	Xã Bắc Ruộng	con độc nhất là liệt sĩ	
15	Nguyễn Thị Cân	1907-1972	Xã Nghị Đức	Bản thân và 2 con là liệt sĩ	Hy sinh
16	Phan Thị Mại	1927-1948	Xã Huy Khiêm	con độc nhất là liệt sĩ	Đã qua đời
17	Nguyễn Thị Nhứt	1896-1952	Xã Đức Thuận	chồng và 2 con là liệt sĩ	Đã qua đời

III - DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN
40, 50, 60 NĂM TUỔI ĐẢNG
(Tính đến 3/2/2006)

STT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh	Chi-đảng bộ	Ghi chú
	1. Đảng viên 40 năm tuổi Đảng:			
1	Trần Yết	20-06-1930	Gia An	
2	Đoàn Phú Vĩnh	03-03-1935	Lạc Tánh	
3	Nguyễn Văn Bích	05-1933	"	
4	Cao Thị Phúc	01-02-1940	"	
5	Nguyễn Đăng Lễ	25-05-1937	"	
6	Nguyễn Thị Lơi	17-02-1943	"	
7	Trương Khắc Bảo	01-01-1939	Lạc Tánh	
8	Lê Thị Đành	10-12-1940	"	
9	Lê Thị Thắm	02-09-1932	Đức Thuận	
10	Nguyễn Quốc Thược	06-1930	"	
11	Đỗ Ngọc Lĩnh	1933	"	
12	Nguyễn Sỹ Hùng	05-04-1933	"	
13	Nguyễn Văn Giang	18-08-1940	"	
14	Đinh Duy Tân	07-03-1937	Đức Bình	
15	Nguyễn Văn Ngai	13-09-1931	La Ngâu	
16	Trần Văn Đấu	1939	"	
17	Trần Đăng Nhự	05-01-1930	Huy Khiêm	

18	Trương Văn Bằng	22-02-1930	"	
19	Lê Văn Hiên	05-1935	"	
20	Lê Quang Nhân	01-01-1937	Bắc Ruộng	
21	Lê Quý Soạn	27-05-1927	"	
22	Lê Quang Vinh	28-02-1932	Măng Tố	
23	Lưu Văn Viếp	09-06-1937	"	
24	Phùng Thị Hồng	26-07-1932	Đức Tân	
25	Hoàng Văn Hòa	05-06-1935	"	
26	Lê Văn Tuân	18-07-1933	"	
27	Nguyễn Hồng Hảo	15-02-1933	"	
28	Nguyễn Thị Lán	25-02-1937	Đức Phú	
29	Trần Minh Hoàng	19-03-1926	"	
30	Nguyễn Văn Thanh	15-05-1923	"	
31	Trần Xuân Trí	12-1943	"	
32	Nguyễn Văn Tuy	28-12-1936	"	
33	Chu Văn Công	10-10-1943	"	
34	Trần Văn Dụng	10-11-1940	"	
35	Trần Quang Luận	10-10-1937	"	
36	Vũ Thanh Cường	20-10-1939	"	
37	Trần Thị Hồng Phú	10-10-1946	"	
38	Phạm Văn Hồng	01-12-1941	Suối Kiết	
39	Hồ Văn Ước	01-11-1929	Nghị Đức	

40	Nguyễn Văn Tấn	02-01-1944	"	
41	Nguyễn Thị Vui	02-09-1945	"	
42	Hoàng Lương Ánh	05-05-1934	Đồng Kho	
43	Nguyễn Đức Tước	14-11-1943	Gia Huynh	
44	Dương Đình Châm	29-08-1941	Chủ tịch Hội Người cao tuổi huyện	
45	Ngô Văn Liêm	17-08-1940	Đức Bình	
46	Nguyễn Sơn Huệ	10-02-1942	"	
47	Lê Thị Thường	06-08-1945	Đức Thuận	
48	Võ Trường An	15-03-1945	"	
49	Trần Trung Kiên	18-03-1939	"	
50	Lê Ngọc Hiệu	06-08-1941	Lạc Tánh	
51	Nguyễn Thị Tám		"	Chết 11-2005
	2. Đảng viên 50 tuổi Đảng:			
1	Phan Minh Tiến	18-12-1928	Gia An	
2	Trần Thị Luận	02-04-1930	"	
3	Trần Như	10-10-1923	Lạc Tánh	
4	Hồ Quang Chiêu	05-01-1925	"	
5	Trần Bôn	02-02-1929	"	
6	Trần Hữu Mưu	01-01-1927	Đức Thuận	
7	Phạm Kiểm	17-04-1930	Đức Thuận	

8	Mai Khắc Hải	05-05-1922	Đức Bình	
9	Nguyễn Thị Liệu	30-11-1921	"	
10	Nguyễn Văn Ngự	13-03-1925	Huy Khiêm	
11	Hồ Viết Đáo	23-08-1930	Bắc Ruộng	
12	Phan Phận	15-09-1929	"	
13	Hồ Xớn	03-03-1926	"	
14	Trần Thậm	20-05-1925	"	
15	Hồ Văn Ba	15-10-1929	"	
16	Mai Văn Vinh	03-10-1912	Đức Tân	
17	Đặng Láng	05-03-1925	"	
18	Trần Trịnh	04-05-1926	Nghị Đức	
19	Phan Văn Lào	05-02-1929	"	
20	Hồ Minh Giám	05-05-1928	"	
21	Nguyễn Minh Hộ	20-07-1927	Đức Phú	
	3. Đảng viên 60 năm tuổi Đảng:			
1	Nguyễn Văn Huệ		Bắc Ruộng	
2	Nguyễn Văn Vĩnh		Đức Tân	

IV- DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN TÁNH LINH QUA CÁC NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Ghi chú
I. DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ LÂM THỜI HUYỆN (1/5/1983- 24/9/1986):			
1	Đ/c Nguyễn Nhẫn	TUV, Bí thư Huyện ủy	
2	Đ/c Trương Khắc Bảo	UVTV, Trực Đảng, Kiêm trưởng Ban Tổ chức	
3	Đ/c Lê Hy	Quyền Chủ tich UBND huyện cuối 1983 - 6/1984	
4	Đ/c Trương Đình Đại	HUV, Chủ tịch UBND huyện từ 6/1984 đến 1986	
5	Đ/c Trương Đình Phố	UVTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng	
6	Đ/c Hồ Ca	UVTV, Trưởng khối Dân vận, Chủ tịch UBMTTQVN huyện	
7	Đ/c Đặng Cao Nhưng	UVTV, Trưởng công an huyện	
8	Đ/c Nguyễn Thanh Đồng	UVTV, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện	
9	Đ/c Phạm Ngọc Chính	HUV, Phó chủ nhiệm UBKT Đảng	
10	Đ/c Cáp Xuân Tẩn	HUV, Trưởng Ban Thanh tra Nhà nước	
11	Đ/c Trần Trung Kiên	HUV, Trưởng Ban Tuyên giáo	
12	Đ/c Ngô Kiên	HUV, Bí thư Huyện đoàn (tăng cường làm Bí thư Đồng Kho)	

13	Đ/c Nguyễn Khánh	HUV, Phó Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Nông trường La Ngà	
14	Đ/c Cao Tá Thanh	HUV, Trưởng phòng Tài chính - vật giá	
15	Đ/c Trần Khánh Linh	HUV, Phó chủ tịch UBND huyện phụ trách xây dựng cơ bản	
16	Đ/c Dương Đình Châm	HUV, Phó chủ tịch UBND huyện phụ trách lâm nghiệp	
II. DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA I (27/10/1986-1988):			
1	Đ/c Lê Kim Hoàng (Hải Anh)	Bí thư Huyện ủy	
2	Đ/c Nguyễn Thanh Đồng	Phó Bí thư - trực Đảng	
3	Đ/c Dương Đình Châm	UVTV, Chủ tịch UBND huyện	
4	Phạm Ngọc Chính	UVTV, Trưởng Ban Tổ chức	
5	Đ/c Ngô Kiên	UVTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng	
6	Đ/c Lê Hy	UVTV, Phó chủ tịch UBND huyện	
7	Đ/c Nguyễn Đăng Lễ	UVTV, Trưởng Công an huyện	
8	Đ/c Hồ Đức Hiền	UVTV, Chỉ huy trưởng Quân sự	
9	Đ/c Trần Trung Kiên	HUV, Trưởng Ban Tuyên giáo	
10	Đ/c Đinh Đây	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	
11	Đ/c Huỳnh Hữu Sâm	HUV, Bí thư Huyện đoàn	
12	Đ/c Nguyễn Văn Hoa	HUV, Bí thư Đảng ủy Đức Phú	
13	Đ/c Nguyễn Sơn Huệ	HUV, Trưởng phòng Tổ chức - XH	

14	Đ/c Trần Hoàng Mến	HUV, Ban Dân tộc huyện	
15	Đ/c Phan Văn Quảng	HUV, Bí thư xã Nghị Đức	
16	Đ/c K'Thái	HUV, Bí thư xã Măng Tố	
17	Đ/c Trần Đình Khôi	HUV, Trưởng phòng Giáo dục	
18	Đ/c Cao Tá Thanh	HUV, Trưởng phòng Tài chính	
19	Đ/c Trần Ngọc Tiễn	HUV, Phó chỉ huy Quân sự huyện	
20	Đ/c Nguyễn Văn Tiếu	HUV, Phó Công an huyện	
21	Đ/c Huỳnh Lưu Vĩnh	HUV, Bí thư xã La Ngâu	
22	Đ/c Lê Thị Kim Liên	HUV, Cửa hàng Trưởng Cty thương nghiệp huyện	
23	Đ/c Trần Khánh Linh	HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện	
24	Đ/c Lê Hồng Thái	HUV, Trưởng phòng Nông nghiệp	
25	Đ/c Nguyễn Thế Sáu	HUV, Bí thư Chi bộ xã Đức Tân	
26	Đ/c Nguyễn Thị Minh Khuê	HUV, Phó Giám đốc Trung tâm Y tế	
27	Đ/c Nguyễn Thế Trường	HUV, Giám đốc Lâm trường Tánh Linh	
28	Đ/c Hà Tấn Phương	HUV dự khuyết, Chủ nhiệm HTX NN Nghị Đức	
29	Đ/c Nguyễn Duy Trợ	HUV, Phó Ban Tổ chức Huyện ủy	
30	Đ/c Trần Văn Trinh	HUV, Phó Giám đốc Nông trường La Ngà	
31	Đ/c Đỗ Văn Hương	HUV, Bí thư xã Huy Khiêm	

III. DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA II (1988-1991):			
1	Đ/c Nguyễn Quang Kiệu	TUV, Bí thư Huyện ủy	
2	Đ/c Huỳnh Quang Hòa	Phó Bí thư -Chủ tịch UBND huyện	
3	Đ/c Dương Đình Châm	UVTV, trực Đảng kiêm Chủ tịch HĐND huyện	
4	Đ/c Nguyễn Hữu Trí	UVTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng	
5	Đ/c Phạm Ngọc Chính	UVTV, Trưởng Ban Tổ chức	
6	Đ/c Hồ Đức Hiền	UVTV, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện	
7	Đ/c Nguyễn Văn Tới	UVTV, Trưởng Công an huyện	
8	Đ/c Huỳnh Hữu Sâm	UVTV, Chủ tịch MTTQVN huyện	
9	Đ/c Trần Khánh Linh	UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện	
10	Đ/c Lê Hy	HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện	
11	Đ/c Trần Trung Kiên	HUV, Trưởng Ban Tuyên giáo	
12	Đ/c Trần Đình Khôi	HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện	
13	Đ/c Đinh Đây	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	
14	Đ/c Nguyễn Duy Trợ	HUV, Bí thư xã Gia An	
15	Đ/c Trương Văn Thưởng	HUV, Chánh Văn phòng UBND huyện	
16	Đ/c Thái Thảo	HUV, Phó Chủ nhiệm UBKT huyện	
17	Đ/c Nguyễn Thị Luận	HUV, Hội trưởng Phụ nữ huyện	

18	Đ/c Nguyễn Văn Tiếu	HUV, Phó Công an huyện	
19	Đ/c Tạ Hữu Phúc	HUV, Giám đốc Lâm trường Tánh Linh	
20	Đ/c Nguyễn Thị Hiền	HUV, Phó Ban Tuyên giáo	
21	Đ/c Lê Đức Tứ	HUV, Phó Ban Tổ chức	
22	Đ/c Lê Tịnh Thành	HUV, Trưởng Phòng Tài chính	
23	Đ/c Nguyễn Sơn Huệ	HUV, Phó Chủ tịch HĐND huyện	
24	Đ/c Huỳnh Lưu Vĩnh	HUV, Bí thư xã La Ngâu	
25	Đ/c Phan Văn Quảng	HUV, Bí thư xã Nghị Đức	
26	Đ/c Nguyễn Thế Sáu	HUV, Bí thư xã Đức Tân	
27	Đ/c Nguyễn Minh Hướng	HUV, Bí thư xã Đức Phú	
IV- DANH SÁCH BCH HUYỆN ỦY KHÓA III (1991-1996):			
1	Đ/c Nguyễn Quang Kiệu	Tỉnh ủy viên, Bí thư đến 1993	
2	Đ/c Huỳnh Quang Hòa	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện; từ năm 1993 -1996 Bí thư	
3	Đ/c Nguyễn Hữu Trí	UVTV, trực Đảng	
4	Đ/c Trần Khánh Linh	UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện; đến 1993, Chủ tịch UBND huyện	
5	Đ/c Phạm Văn Hồng	UVTV, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra	
6	Đ/c Phạm Ngọc Chính	UVTV, Trưởng Ban Tổ chức	
7	Đ/c Nguyễn Sơn Huệ	UVTV, Trưởng Ban Dân vận	
8	Đ/c Nguyễn Đình Phương	UVTV, Trưởng Công an huyện	
9	Đ/c Nguyễn Quang Tân	UVTV, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện	

10	Đ/c Trương Văn Thưởng	UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện	
11	Đ/c Đoàn Ngọc Thánh	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	
12	Đ/c Phan Văn Quảng	HUV, Phó Ban Tuyên giáo	
13	Đ/c Thái Thảo	HUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng	
14	Đ/c Trần Thảo	HUV, Chánh Văn phòng UBND huyện	
15	Đ/c Lê Đức Tứ	HUV, Phó Ban Tổ chức Huyện ủy	
16	Đ/c Dương Đình Châm	HUV, Chủ tịch HĐND huyện	
17	Đ/c Trần Đình Khôi	HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện	
18	Đ/c Đinh Xuân Thủy	HUV, Trưởng Phòng Tổ chức - xã hội	
19	Đ/c Nguyễn Văn Phú	HUV, Chánh Thanh tra Nhà nước	
20	Đ/c Nguyễn Hân	HUV, Trưởng Chi cục thuế	
21	Đ/c Lê Tịnh Thành	HUV, Trưởng Phòng Tài chính	
22	Đ/c Nguyễn Văn Tiếu	HUV, Phó Công an huyện	
23	Đ/c Đinh Đây	HUV, Giám đốc Lâm trường La Ngà	
24	Đ/c Nguyễn Minh Hướng	HUV, Bí thư xã Đức Phú	
25	Đ/c Nguyễn Thanh Bình	HUV, Chủ tịch UBND xã Mang Tố	
26	Đ/c Phạm Sơn	HUV, Bí thư xã Huy Khiêm	
27	Đ/c Kiều Hường	HUV, Chủ tịch UBND xã Bắc Ruộng	

28	Đ/c Trần Hoàng Mến	HUV, Bí thư xã La Ngâu	
29	Đ/c Mai Văn Trí	HUV, Bí thư xã Lạc Tánh	
30	Đ/c Nguyễn Thị Luận	HUV, Chủ tịch Hội LHPN huyện	
31	Đ/c Võ Thiên Thu	HUV, Trưởng Ban Tuyên giáo	
32	Đ/c Lê Hy	HUV, Phó Chủ tịch UBND huyện	
V - DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA IV (1996-2000):			
1	Đ/c Huỳnh Quang Hòa	Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện	
2	Đ/c Nguyễn Hữu Trí	Phó Bí thư trực Đảng	
3	Đ/c Trần Khánh Linh	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện	
4	Đ/c Phạm Ngọc Chính	UVTV, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy	
5	Đ/c Thái Thảo	UVTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng	
6	Đ/c Trương Văn Thưởng	UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện	
7	Đ/c Đinh Đây	UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện	
8	Đ/c Nguyễn Quang Tân	UVTV, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện	
9	Đ/c Nguyễn Đình Phương	UVTV, Trưởng Công an huyện	
10	Đ/c Dương Đình Châm	UVTV, Trưởng Ban Dân vận, Chủ tịch MTTQ huyện	
11	Đ/c Đoàn Ngọc Thánh	UVTV, Trưởng Ban Tuyên giáo	
12	Đ/c Lê Đức Tứ	HUV, Phó chủ nhiệm UBKT Đảng	
13	Đ/c Đinh Xuân Thủy	HUV, Trưởng Phòng Tổ chức-XH	
14	Đ/c Trần Đình Khôi	HUV, Trưởng Phòng GD-ĐT	

15	Đ/c Lê Tịnh Thành	HUV, Trưởng Phòng Tài chính - Vật giá	
16	Đ/c Nguyễn Thị Luận	HUV, Chủ tịch Hội LHPN huyện	
17	Đ/c Nguyễn Văn Tiếu	HUV, Phó Công an huyện	
18	Đ/c Trần Thảo	HUV, Chánh Văn phòng UBND huyện	
19	Đ/c Nguyễn Đình Lâm	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	
20	Đ/c Nguyễn Văn Phú	HUV, Chánh Thanh tra Nhà nước	
21	Đ/c Nguyễn Thị Thanh Lý	HUV, Trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư	
22	Đ/c Hồ Lâm	HUV, Trưởng phòng Kinh tế	
23	Đ/c Nguyễn Đức Phương	HUV, Bí thư Huyện đoàn	
24	Đ/c Phan Văn Quảng	HUV, Chủ tịch Hội Nông dân huyện	
25	Đ/c Nguyễn Minh Hướng	HUV, Bí thư xã Đức Phú.	
26	Đ/c Kiều Hường	HUV, Chủ tịch UBND xã Bắc Ruộng	
27	Đ/c Phạm Sơn	HUV, Bí thư xã Huy Khiêm	
28	Đ/c Trần Thị Xuân	HUV, Chủ tịch UBND xã Đồng Kho	
29	Đ/c Phạm Công Tiến	HUV, Bí thư xã Nghị Đức	
30	Đ/c Nguyễn Chí Thanh	HUV, Bí thư xã Đức Tân	
31	Đ/c Phạm Thái Vinh	HUV, Chủ tịch UBND xã Gia Huynh	
32	Đ/c Trần Hoàng Mến	HUV, Bí thư xã La Ngâu	

MỤC LỤC

		Trang
Lời giới thiệu		3
Chương I	: Huyện Tánh Linh - Những ngày sau giải phóng (12/1974 - 12/1975)	5
I. Quê hương được giải phóng (12/1974-12/1975)		
II. Cùng Hoài Đức xây dựng quê hương giải phóng (tháng 6 đến tháng 12/1975)		
Chương II	: Khắc phục hậu quả chiến tranh, bước đầu xây dựng quê hương theo con đường xã hội chủ nghĩa (1976-tháng 5/1983)	33
Chương III	: Thành lập huyện Tánh Linh và xây dựng quê hương đi lên chủ nghĩa xã hội (5/1983-1986)	91
Chương IV	: Tánh Linh trong chặng đường đầu thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng (1986 -1991)	111
Chương V	: Đảng bộ và nhân dân Tánh Linh tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng (1991 - 2000)	155
Chương VI	: Huyện Tánh Linh sau 25 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2000)	201
		221

Phần phụ lục

I. Các đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

II. Các Bà mẹ Việt Nam anh hùng

III. Danh sách đảng viên 40, 50, 60 tuổi đảng

IV. Danh sách BCH Đảng bộ huyện các khóa

In tại Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Thuận. Giấy phép xuất bản số 21/GPXB do Sở Văn hóa Thông tin Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 4 năm 2007. Số lượng in: 500 bản. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2007.